

Tuồng hát bội Nôm thế kỷ 19

Trương Ngáo

張 僥

tức

Người Đi Đòi Nợ Phạt

Phiên âm theo bản Nôm của nhà phát hành

Quảng Thạnh Nam 廣盛南

khắc in tại **Phật Trấn 佛鎮**, **Trung Quốc 中國**

vào năm **Mậu Dần 戊寅 1878**

Nguyễn Văn Sâm phiên âm và chú giải.

Lăng Hồ hiệu đính.

Nguyễn Hiền Tâm, Nguyễn Văn Trang nhận định.

[Phổ biến Nội bộ]

09/2006

Vào đề

Từ trước đến giờ không bao nhiêu người biết tuồng hát bội **Trương Ngáo** 張僥傳, một tuồng bình dân nhưng ẩn tàng nhiều khía cạnh triết lý Phật giáo. *Bản chữ Nôm*, chỉ mới được khắc in gần một trăm năm chục năm nay, người nghiên cứu may mắn lắm mới có! *Bản quốc ngữ* do P. H. S. *vừa dịch vừa sửa*, in năm 1904 tại Sài Gòn, trung tâm văn hóa quốc ngữ của cả nước thời đó, ngày nay không còn giá trị văn học và nghệ thuật nữa vì quan niệm phiên chuyển của người sinh hoạt văn học vào mấy thập niên đầu thế kỷ 20 không có tính cách khoa học¹ mà chỉ thuần mục đích cung cấp một bản quốc ngữ cho độc giả trung bình không khó tánh lắm đối với vấn đề nguyên bản.

Chúng tôi cố gắng phiên âm trung thực từ bản Nôm duy nhất mà mình có được đã lâu khi lục lọi ở Thư Viện Quốc Gia Pháp, Paris, đó là bản khắc ở **Phật Trấn** 佛鎮, **Quảng Đông** 廣東, **Trung Quốc** 中國, năm **Mậu Dần** 戊寅, 1878² mà không tùy tiện đưa ra những ý riêng về sự dùng chữ này chữ nọ hay dở, khó hiểu, thuận câu, trật chỗ..., những vấn đề mà **chúng** tôi gọi là ngoài công việc của người phiên âm và giới thiệu bản văn. Khi chắc chắn thập phần bản Nôm khắc sai tự dạng mới đưa ra thiện ý, chỉ mong mình được góp phần trong việc đưa trở về trình làng một văn bản gần đúng nguyên văn của người sáng tác ban đầu. Làm việc nhỏ mọn này, **chúng** tôi cũng đắn đo nhiều, chỉ dám xác quyết sau khi so sánh với các trường hợp tương tự và nhìn lại văn cảnh một cách thận trọng. Như vậy bản quốc ngữ của tuồng **Trương Ngáo** lần này tính nghệ thuật của nguyên bản vẫn được bảo tồn mà *cách nói, chữ dùng của người xưa cũng được bảo vệ hầu như nguyên vẹn*.

Đây là *tuồng hát bội* nhưng không phải là tuồng hát bội truyền thống nói chuyện xảy ra trong cung đình với Hoàng Đế, Chánh Cung, Thứ Phi, Hoàng Tử, Công Chúa, Tể Tướng, Quốc Cữu... và những tôi trung, tôi nịnh, quan quyền, quân lính... như thường thấy trong các tuồng thầy, tuồng đồ. Đây là tuồng hát bội không thuộc về hai dạng trên mà đi riêng một con đường đặc biệt: tuồng khôi hài *mang không khí Việt Nam* với những nhân vật bình thường trong xã hội, một xã hội bình dân của người nghèo khổ thật sự gần gũi với người xem người diễn. Có thể nói đây là *hoạt cảnh của thời ra đời của chính bản văn*, được tác giả khéo léo dùng để tượng trưng những vấn đề liên quan đến việc quyết tâm tu hành học Phật. Người bình dân có thể thưởng thức khía cạnh khôi hài, cười vui với lời nói hàm hồ của nhân vật, thương hại sự vô lễ chơn chất

¹ '*Sửa và dịch ra chữ Quốc-ngữ par P. H. S. In lần thứ nhất, Sài Gòn, Claude et C^{te} Imprimeurs-Editeurs., 1904*'. **Chúng** tôi đã chép lại nguyên văn những dòng trên ở trang đầu quyển sách của ông P. H. S. mà tôi chắc chắn là cách viết khác của Phụng Hoàng Sang, một người ở Miền Nam phiên âm và sáng tác nhiều văn thơ những năm đầu của thế kỷ XX. Thời này chưa có quan niệm phiên âm ra quốc ngữ theo tính cách khoa học và tôn trọng nguyên tác nên ông P. H. S. và những người đồng thời khi làm công việc này thường sửa chữ theo ý mình. Lắm lúc còn thêm vài ba chữ cho xuôi câu đủ ý. Vì theo quan niệm *sửa và dịch* cho nên những chữ Nôm hơi mắc, hơi xa xưa quý vị này thường chọn cách dễ nhất là thay bằng chữ nào đó cho xuôi câu xuôi vần. Nguyên tác vì vậy càng ngày càng bị sai lạc đi.

² Chọn con số 1878 vì 60 năm trước đó, 1818, thì chẳng thấy có bản Nôm nào của Phật Trấn trong khi các bản Nôm Phật Trấn do **Duy Minh Thị** 維明氏 chủ trương xuất hiện khoảng này thật là nhiều. Chẳng hạn bản Kim Vân Kiều của Duy Minh Thị khắc năm Nhâm Thân [壬申年新鐫] được coi là năm 1872, bản này được lưu trữ ở thư viện Leiden, Hòa Lan. Nghe nói thư viện riêng của GS. Hoàng Xuân Hãn cũng có một bản.

của Ngáo với Phật.... Bậc thức giả trái lại cũng nhìn những điều đó nhưng thấy được sự tượng trưng ý nghĩa thâm sâu chung quanh vấn đề tu hành, liễu đắc chân lý đạo.

Về nghệ thuật tuồng, có thể nói đây là một tuồng hát bội được đơn giản hóa đến cực điểm. Chỉ có *nói lối* và *văn* được tác giả coi là quan trọng và phù hợp với câu chuyện nên có mặt xuyên suốt từ đầu đến cuối vở, còn *thán*, *xướng*, *loạn*, *bạch*, *ban* là những cách diễn tả mà câu văn dùng toàn Hán tự nên bị coi nhẹ và hiện diện rất ít, có thứ còn bị loại luôn (*thán*, *bạch*, *ban*). Điều này cho ta kết luận rằng tuồng Trương Ngáo xuất hiện vào lúc mà chính ngay người bình dân cũng thấy rằng tuồng hát bội phải có những cải tiến cần thiết để đi sâu hơn vào tâm thức giới lưu dân đến định cư trên vùng đất mới phía cực Nam. Cuối thế kỷ 19 sự kiện này mới có cơ sở phát triển. Các tuồng rắc rối, nhiều Hán tự, xuất hiện ào ạt cho tới nửa sau thế kỷ 19 thì bớt dần, tới nay thì tuồng hát bội chỉ là còn lại cái hơi thở, cách dàn dựng, chớ chữ nghĩa hát bội và những gọi húng cũ từ truyện Tàu đã không còn có mặt.

Câu chuyện của tuồng này xoay quanh một người đàn ông có trí khôn chậm phát triển, tầng tầng, không phù hợp với cuộc sống xã hội là **Trương Ngáo** 張僂. Vợ Ngáo sai đem năm quan tiền vừa vay được, đi bỏ hàng về bán **lẻ** lại trong xóm làng để kiếm chút lời độ nhứt. Khi Ngáo đi ngang một ngôi chùa, thấy người ta đang đúc tượng Phật, bèn bỏ tất cả tiền vào lò đúc vì nghe bôn đạo nói cúng tiền đúc Phật là hình thức cho Phật vay, sau này rất có lời. Về nhà, Ngáo hãnh diện khoe với vợ về hành vi thông minh của mình. Vợ Ngáo là **Ba Bành** 巴彭, một người đàn bà đạo đức, đánh cho Ngáo một trận nên thân và bắt đi kiếm lại tiền đem về. Ngáo phải lên đường đi sang Tây Phương, mong tìm Phật đòi tiền, món tiền mà Ngáo coi như mình đã cho Phật vay. Trên đường đi, Ngáo gặp một người đàn bà luống tuổi chưa chồng tên là **Như Ý** 如意, cô này nhờ Ngáo hỏi Phật về chuyện lương duyên trề tràng của mình. Phật thương tình Ngáo hiền lành chơn chất nên hiện ra, cho thuốc giải trừ chứng đại ngu, ban cho một nhánh cây có thể nhìn qua đó thấy cảnh ở xa và ban cho Ngáo một đồng tiền phép có thể hóa ra thật nhiều tiền. Phật còn cải tên Ngáo thành **Chơn Tâm** 真心 dựa trên cái tâm thành thật chơn chất của Ngáo. Phật cũng trả lời về câu hỏi của người đàn bà kia, chỉ cho nàng biết rằng sẽ kết duyên cùng Chơn Tâm. Trở về đến chỗ của Như Ý, Ngáo uống thuốc Phật ban cho nên hết khùng khịu. Anh dùng nhánh cây phép nhìn thấy được cảnh vợ mình giờ đã sang ngang nên quyết định kết duyên cùng Như Ý. Từ đây anh sống cuộc đời an nhàn trong cảnh giàu sang với vợ mới, tên mới và cuộc đời mới, trí huệ mới.

Trong khi Ngáo đi tìm Phật thì ở nhà Ba Bành gả nghĩa với một người đàn ông giàu có chuyên sống bằng nghề cho vay là **Lục Tồn** 六存. Lục Tồn vốn mê nhan sắc của Ba Bành nên để bỏ vợ nhà, lấy chị ta. Cặp vợ chồng này sau đó sa đà vào đường bạc bài, chẳng bao lâu phá tiêu tan cơ nghiệp, trở thành nghèo khổ, phải đi làm nghề múa kiếm, đánh đàn trong một gánh bóng chạng bóng rồi để mưu sanh.

Và bốn người gặp lại nhau với hai vị thế rất khác biệt khi vợ chồng Chơn Tâm cho rước đội bóng chàng về nhà mình để múa bông tạ ơn Bà do lời hứa trong lần vái cầu xin lương duyên trước đó của vợ.

Tuồng hát bội Trương Ngáo còn có người anh em với nó là truyện kể truyền miệng: *‘Người Đi Đòi Nợ Phật’*. Không thể xác định được sự ra đời trước sau của truyện truyền miệng và tuồng hát bội Trương Ngáo, tuy nhiên truyện kể chỉ còn lại giá trị nội dung, không có bất kỳ giá trị hình thức nào vì không có văn bản cố định. Truyện *‘Người Đi Đòi Nợ Phật’* chỉ còn cái cốt lõi của tuồng Trương Ngáo là kết quả của việc tin Phật theo cách hiểu của người bình dân: Rằng

người tin Phật, trì chí tu niệm, cuối cùng cũng được Phật độ, thoát cảnh nghèo khó dầu cho họ đến với Phật bằng bất cứ ý hướng gì, kể cả lòng tham lam bình thường mà ta có thể nói rằng đó là hình ảnh của sự hiểu đạo hời hợt, hay thậm chí chẳng hiểu gì về Phật pháp của phần đông người đời.

Tuồng giá trị hơn truyện kể ở nhiều mặt vì ít nhất còn có một văn bản cố định. Ta có thể dựa trên cách dùng chữ, dựa trên những chi tiết trong lời đối thoại để thấy được nhiều điểm về mặt văn chương cũng như những sinh hoạt xã hội thời nó xuất hiện.

Tuồng Trương Ngáo đưa ra một cái nhìn về Đức Phật, về thái độ của người đi tu.

Ông Phật trong tuồng gần gũi với con người biết bao! Biết bao lần Ngáo gọi Phật bằng **Anh**, khi nói về Phật với người khác thì Ngáo dùng chữ **Ánh**. Đây không là chuyện ‘*gần chùa gọi Phật bằng Anh*’, đây chỉ là sự thể hiện của trạng thái *bình đẳng Phật tính* của người và Phật. Khi con người với cái tâm ‘**hư không**’ như Ngáo thì không bị những giá trị đối đãi của xã hội ràng buộc, anh cảm nhận được Phật tính trong người mình, từ đó anh gọi Phật bằng anh với đầy đủ sự ngang hàng của từ này. Ngáo không thấy một sự khác biệt nào về giá trị và địa vị giữa mình và Phật để kính trọng tuyệt đối hay sợ hãi quá đáng như **Chúng Sinh** bình thường. Ngáo thân nhiên trách móc Phật đủ điều khi đòi tiền Phật, nào là ông đã muốn trốn chạy, nào là ông ở nhà ngồi, mặc áo vàng mà không muốn trả tiền cho Ngáo. Ngáo còn đoan quyết sẽ nắm áo Phật khi tìm gặp và thề chắc **mẽm** rằng mình sẽ theo đuổi Phật cho tới Thiên Thai, tới Nguyệt Điện nếu Phật trốn về đó. Với Ngáo, Phật chỉ là một đơn vị hiện hữu như **Anh**. Đồng đẳng, vô sai biệt cho nên khi Phật thiếu tiền Ngáo thì phải trả thôi, không có sự bãi miễn.

Còn chuyện Ngáo đòi tiền Phật, ta có thể hiểu sự quyết tâm theo đuổi đến tuyệt cùng này của Ngáo là hình ảnh tượng trưng cho con đường tu đạo của người đời: *phải quyết tâm trì chí*. Dầu ta không hiểu kinh kệ, chưa thông Phật điển, thậm chí còn mê muội ao ước những điều quá đáng khi làm được chút ít Phật sự, nhưng chính sự trì chí tu niệm của ta một ngày kia sẽ giúp ta ngộ đạo, thông tuệ, ta sẽ thoát vòng khổ hải trầm luân. **Chúng Sinh** có thể đến với Phật bằng con đường thật bình thường của thế nhân là ham muốn cái hình ảnh Thiên Đường – tuồng tượng trưng bằng số tiền Phật thiếu của Ngáo – cũng không sao. Lòng thành khẩn và sự trì chí tu niệm mới là điểm chánh.

Cái Thiên Đường đạt được cũng không phải ở nơi chốn xa xôi nào mà bắt đầu bằng chính cuộc sống tại thế, cả với ‘*hồng nhan tri kỷ*’, và cuộc đời nhàn hạ vô ưu, cõi bỏ giai đoạn trước, sống hoàn toàn giai đoạn mới.

Cái sáng láng thông tuệ của Ngáo khi biến thành Chơn Tâm cũng là tượng trưng cho cái giác kiến của người tu hành khi đến mức thấy được rõ ràng Phật pháp, bừng vỡ được cái vô minh từ lâu phủ che tri kiến để phát huy Phật tính tiềm ẩn trong người mình mà ai ai cũng có.

Tác giả khéo léo cụ thể hóa nguyên lý *có có không không* của nhà Phật bằng hình ảnh sự nghèo (không) của Trương Ngáo, chuyển qua giàu (có) và sự giàu sang (có) chuyển qua nghèo nàn (không) của Lục Tồn. Phải có sự biến thiên ngược chiều này, nguyên lý sắc-không mới cụ thể, từ đó người bình dân dễ thấy, dễ in vào tâm trí.

Nếu ta để ý đến thái độ ngạc nhiên và không biết Phật là gì của Ngáo khi gặp Phật thì ta càng thấy tác giả thiệt là tài tình, ông muốn chuyển truyền thông điệp rằng chúng sinh nhiều khi tiếp cận với chân lý, nhưng thường là không hiểu, không biết, thậm chí đến coi thường. Biết bao nhiêu người đã đọc **Kinh**, xem **Kinh**, tụng **Kinh** nhưng chỉ hiểu được chữ, có thể nắm được câu, nhưng không hiểu được ý.

Về mặt xã hội, tuồng Trương Ngáo, cũng như các truyện Nôm đồng thời của nó, đưa đến sự kết thúc *có hậu* và những hệ quả đối với hành vi xấu của cá nhân. Mọi tính toán tham đó bỏ

đăng, thay chồng đổi vợ, có thể trong giai đoạn ngắn đem đến cảm thức thích thú của người đời, nhưng trong quá trình lâu dài, chính **sự thay đổi và lòng sắc dục** này sẽ là tác nhân cho bao tệ hại, đem đến những khổ sở cho con người tham đó bỏ đăng. Anh chàng Lục Tồn đang khâm khá, vì say mê bóng sắc Ba Bành, bỏ vợ nhà lấy Ba Bành, kết cuộc là sự nghiệp nhà ngang đây dọc bỗng chốc tiêu ma, một túp lều tranh xiêu vẹo cũng không còn, có lúc túng cùng quá mức phải tính chuyện đi làm **bồi** kiếm ăn.

Khác với các truyện thơ Nôm, tuồng Trương Ngáo không đưa ra những kết thúc *ngoài thực tế* như bị cá nuốt thây, bị cộp công đem bỏ trong rừng, bị sét đánh nát thi thể... cho trường hợp bội bạc có tính toán của Ba Bành. Ở đây kết truyện chỉ là một sự tương hội bề bàng, kẻ hát bài tình phụ phải đau từng khúc ruột, thế là đủ. Có thể rằng khán giả tuồng hát bội lúc này không còn thích đề trí tương tượng của mình đi quá xa, cần phải dựa trên thân quyền hay thế lực siêu nhiên, cũng có thể tác giả tuồng Trương Ngáo muốn thể hiện một giải pháp thực tế có tính cách tâm lý, một đường hướng sáng tác mà ngày nay văn nhân thường thực hiện...

Phần hình thức, tuồng Trương Ngáo còn ghi lại được những sinh hoạt xưa. Có cái hôm nay vẫn còn, có thứ ngày nay đã tiêu mất theo thời gian do biến chuyển của xã hội. Còn chẳng là một vài vết tích nho nhỏ nên lắm khi ta chỉ biết mù mờ. Chuyện cho vay mượn nợ, chuyện làm nem làm cháo, chuyện bán bộ bán thuyền, chuyện chối đôi, xóc lá, chuyện đốt lò đúc tượng, chuyện thiện nam tín nữ kẻ bung quả nẹp người bung mâm trà lên chùa, chuyện kẻ dưng sập người dưng nhang làm công quả, chuyện mua **sỉ** hàng hóa trên chợ đem về bán trong xóm kiếm lời, chuyện hót me, phá hỏa, chuyện thuốc hút trâu trao, trà khuyen rượu tiến... ta biết tận tường. Nhưng những chuyện múa bông, múa mâm của bóng rỗi bóng chàng, chuyện đánh bài phượng, chuyện múa vát chúng ta thật ngủ ngờ, mơ hồ. Chuyện tiền đồng năm quan mà phải xỏ râu dài đuột đuột, phải gánh gánh đem đi, chuyện rước bóng về múa mà người chủ nhà dọa nếu hát dở thì phải đòn, chuyện người vợ bỏ chồng nay gặp lại dầu hai đảng ai đã nên duyên phận nấy thế mà người vợ cũ lại than mình đành chịu chết, **chúng** tôi thiệt tình không hiểu rõ ràng. E rằng sinh hoạt đời đời mỗi thời mỗi khác, kiến thức của ta về thời xưa dầu cố gắng tìm tòi cho mấy cũng không bao giờ thấu đáo.

Thôi, chỉ biết rằng có. Đó là những nét sinh hoạt của một thời quá khứ. Nay nó còn lại mơ mơ hồ hồ trong những tác phẩm xưa mà tuồng Trương Ngáo này là một.

Đặc biệt tuồng này có vài chỗ dùng tiếng Triều Châu (**tòa khan, căn khấu, hóa khứ, hằm túng, dứt mãnh...**) hay những tiếng của người Hoa nhưng đã đi vào trong ngôn ngữ Việt (**phá hỏa, ỷ**) chứng tỏ rằng sự chung đụng giữa hai sắc dân thật là sâu đậm. Điều này cũng cho ta một giả thuyết rằng người viết tuồng, hay ít ra là người trông nom việc cho khắc in có liên quan bạn bè, xa gần với những ông Duy Minh Thị, Minh Đức Thị của xóm Dầu Phụng An Bình của vùng Chợ Lớn³, vùng mà cho tới ngày nay số dân người Hoa vẫn còn chiếm đa số.

Thật ra không phải chỉ có tuồng Trương Ngáo là có tiếng nước ngoài, tuồng Lê Ngụy Khôi còn có nhiều hơn qua lời của một nhân vật người khách trú. Cũng vào thời của tuồng Trương Ngáo có bài thơ *Chồng Chết Vợ Miên*, hình như của Phan Văn Trị, có hai câu rất phù hợp đề

³ Thời xưa trong các bản Nôm Phật Trấn, địa phương này được gọi là **Phụng Du Lý** 鳳油里 (= Xóm Dầu Phụng), mấy năm gần đây tôi còn nghe thiên hạ nói là Xóm Dầu. Nay cái tên này ông già bà cả mới nói mà thôi, cũng như Xóm Cải, Xóm Chiêu, Chợ Đũi, Chợ Quán, Cầu Quan, Cầu Kho, Cầu Kiệu... của Sài Gòn cũ đang trên đường biến mất từ từ.

minh họa cho chuyện này: *Uống nước nàng kêu rằng **phát tức** 弗息, Ăn cơm hia lại nói **xực phàn** 食飯⁴.*

Vì là một bồn tuồng cốt yếu phục vụ những người bình dân chân đất thiết sự nên các ngôn từ, các cách nói không thể tìm thấy ở đâu khác, kể cả trong văn quốc ngữ sau đó hàng nửa thế kỷ. Người xem bản văn ngày nay có thể bàng hoàng khi bắt gặp nhân vật nữ nói những câu như: *Việc làm hồ hồn quá chần tinh, nghề đôi chối xứng hơn xóc lá. Cắm treo để heo nhịn đói. Tình nguyệt hoa chẳng thấy mặn nồng. Theo lũ mèo đàn, bắt chước đồ chó điếm. Chớ ai mà buộc cô, biểu lấy con này? Tró l. đây tró l. đây. Đại thời ở lỗ....* Hay nhân vật nam: *Tôi bây chừ con gái lịch sự thấy tôi cũng muốn...*

Nếu nói về nghệ thuật dàn dựng nhân vật thì tuồng Trương Ngáo tuyệt ở chỗ chuyển biến tâm lý nhân vật kéo theo chuyển biến ngôn ngữ thật chính xác. Ở đây không phải là *lời của công thức hoa mỹ* nếp mòn có thể thấy ở bất kỳ tuồng hát bội nào mà là *lời của từng nhân vật* phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể. Cả ba nhân vật chánh đều thay đổi cách nói khi cần thiết. Ba Bành trước khi lấy Lục Tồn nói với anh ta bằng lời ngọt ngào dịu dàng mềm mỏng ra vẻ phụ nữ nề nếp học thức, khi lấy anh ta rồi lúc dựng chuyện bèn giở giọng chanh chua ba đá thô tục ra. Lời nói của Trương Ngáo ban đầu thì ngây ngô, chữ dùng toàn Nôm, khi đã được thuốc Phật trị hết bệnh trĩ độn thì chữ dùng cao kỳ, lời nói oai vệ. Lục Tồn cũng vậy, khi mơ ước Ba Bành thì dịu ngọt đưa hơi, khi hai người lâm vào tình trạng nghèo túng thì anh cũng vũ phu gào thét hăm dọa....

Xin nói về văn bản.

Bản Nôm khắc tuyệt đẹp. Nét chữ rõ ràng, chân phương, dễ đọc. Các trường hợp chữ nọ xọ chữ kia vì thiếu dư nét tuy *hơi nhiều*, nhưng là chuyện phải có vì khoảng cách từ người chép trên giấy đến người khắc trên gỗ có một không gian quá xa. Từ Chợ Lớn sang Quảng Đông, rồi từ Quảng Đông trở về Chợ Lớn ghe bầu đi buôn bán là chánh, chuyện khắc ván là chuyện phụ nên đi hết năm bảy tháng, có lúc cả năm, để gì ai chịu bỏ thời giờ hỏi han thấu đáo một vài chữ do thầy tuồng viết tháu khó đọc. Thợ khắc chỉ còn biết coi theo hình dạng mà đoán mò vì không hiểu nghĩa, cũng chẳng biết hỏi ai chung quanh.

Xin kể một số trường hợp sai lầm cụ thể: Chữ **một** 一 thành chữ **nghe** 艾, chữ **ấn** 印 thành chữ **mão** 卯, chữ **rồi** 来 thành chữ **lai** 來, chữ **lo** 卢 thành chữ **hộ** 戶, chữ **náo** 鬧 thành chữ **nhàn** 閒, chữ **nịnh** 佞 thành chữ **khương** 姜, chữ **niên** 年 thành chữ **sao** 牢, chữ **nài** 奈 thành chữ **tế** 祭, chữ **quan** 覓 thành chữ **chỉ** 只, chữ **ngõa** 瓦 thành chữ **bông** 茏, chữ **mầu** 牟 thành chữ **lao** 牢, chữ **á** 啞 thành chữ **dấu** 晒, chữ **ngược** 虐 thành chữ **đường** 唐, chữ **nhau** 饒 thành chữ **theo** 蹺, chữ **lai** 萊 thành chữ **thuốc** 菜, chữ **khúc** 曲 thành chữ **hồi** 回, chữ **ngươi** 白 thành chữ **đích** 的, chữ **măng** 莽 thành chữ **buôn** 奔, chữ **cam** 甘 thành chữ **nhĩ** 耳, chữ **ngiệp** 業 thành chữ **chưởng** 掌, chữ **Châu** 周 thành chữ **cố** 固, chữ **khuyên** 勸 thành chữ **hoan** 歡, chữ **nó** 奴 thành chữ **như** 如, chữ **nghèo** 饒 và chữ **theo** 蹺 thành chữ **nhau** 饒, chữ **thua** 收 thành chữ **nữ** 汝, chữ **tự** 字 thành chữ **vũ** 宇, chữ **dạ** 嗜 thành chữ **chớ** 渚, chữ **nhẹ** 輒 thành

⁴ Trích trong tập sách viết tay dạy làm thơ Đường luật, không thấy tên sách, tạm gọi là ‘**Phá Bình Thừa Trắc** 破平承仄’, theo tên bài thơ đầu tiên, tài liệu của Ủy Ban KHXH- Miền Nam, tờ 14b. Bài thơ cũng dùng chữ **hia** 唏 (anh) và **ché** 制 (chị): *Hia thời để chóp răng như phẩn, Ché vận chần voan mặt tựa than.*

chữ **nhảy** 跔跔, chữ **trở** 撻 thành chữ **lúa** 魯, chữ **lúa** 魯 thành chữ **trở** 撻, chữ **trị** 治 thành chữ **hay** 哈, chữ **mọn** 閉 thành chữ **bé** 閉, chữ **tàm** 慚 thành chữ **tiệm** 漸, chữ **cấp** 扱 thành chữ **hấp** 吸, chữ **réo** 嘹 thành chữ **treo** 撩, chữ **cung** 共 thành chữ **kỳ** 其, chữ **nền** 埤 phần chữ **niên** 年 thành chữ **lao** 牢, chữ **hăn** 罕 phần chữ **can** 干 thành chữ **ngọ** 午, chữ **đất** 坦 phần chữ **đán** 旦 thành chữ **cảng** 亘, chữ **hôm** 歆 phần chữ **âm** 音 sai thành chữ **tích** 昔, chữ **trời** 矣 phần chữ **thượng** 上 thành chữ **chỉ** 止, chữ **xưa** 初 phần chữ **đao** 刀 thành chữ **vật** 勿, chữ **nay** 聆 phần chữ **ni** 尼 thành chữ **ba** 巴, chữ **sớm** 覲 phần chữ **kiếm** 劔 thành chữ **cảm** 敢, chữ **xem** 祜 bộ **thị** 忝 thành bộ **hỏa** 火, chữ **mâm** 樓 bộ **mộc** 木 thành bộ **thủ** 才, chữ **ngủ** 昨 bộ **mục** 目 sai thành bộ **bôi** 貝, chữ **bữa** 飮 bộ **thực** 食 thành chữ **áp** 邑, chữ **cuồng** 狂 bộ **khuyến** 勸 thành bộ **thị** 忝, chữ **ngữ** 𠂔 thường bị khắc sai, bộ **thủ** 才 khi thì khắc thành bộ **tâm** 心 khi thì thành bộ **nữ** 女.

Nhìn chung sự sai lầm này người sau chấp nhận được, không khó lắm để phát hiện, nhiều khi dễ dãi ta còn có thể coi đây là kiểu viết Nôm theo một cách tài tử phóng khoáng nào đó⁵. Đọc **Quan Âm Phú** 觀音賦 hay **Lưu Bình Phú** 劉平賦, người nghiên cứu chữ Nôm sẽ ngán ngẩm vì sự sai lầm hiện ra theo muôn hình vạn trạng. Đọc **Quan Âm Tế Độ Diễn Ca** 觀音濟渡演歌 hay **Lâm Tuyền Kỳ Ngộ** 林泉奇遇, **Chàng Luối diễn ca** 𧈧𧈧演歌 ta sẽ **trùn** bước vì gặp quá nhiều chữ khác lạ lùng, mắt **mỏ** khó đoán định. Dĩ nhiên cũng cần nói thêm là tuồng Trương Ngáo nằm trong nhóm bản Nôm Phật Trần cho nên sự hiện diện của các chữ Nôm viết theo giọng đọc miền cực Nam là chuyện dĩ nhiên. Ta không lạ khi thấy **hàng** được viết bằng **hàn** 翰 hoặc **hàn** 𧈧, **mặc dầu** được viết bằng **mặt dầu** 𧈧油, **nhang** được viết bằng **nhân** 顏, **nhấn** viết thành **nhắng** 仍, **bạt tai** viết bằng **bạc tai** 泊哉, **hết tron** được viết thành **hết trong** 歇莊, **kiếm thiên** được viết bằng **kiếm thiên** 劔天, **gia lúa** được viết thành **dạ lúa** 脰魯, **làn đan** được viết thành **làng đan** 郎单, **hoang đàng** viết thành **hoan đàng** 歡唐, **xóc lá** thành **sóc lá** 朔蓀, **khoang giữa** viết thành **khoan giữa** 寬𧈧 ...

Ta thử tưởng tượng gần hai thế kỷ trước, khi các bộ môn giải trí ở miền Nam không nhiều, đời sống vật chất của lưu dân trên vùng đất mới còn đầy **dây** khó khăn, đi làm trên đồng ngoài rẫy ban ngày, sụp mặt trời một đôi là đã phải sống với ngọn đèn dầu leo lét, tuồng Trương Ngáo như món ăn tinh thần hợp khẩu vị, có khả năng đem đến khán giả hay thính chúng những nụ cười, sự hả hê cũng như lòng tin tưởng vào tương lai khá lên của chính mình. Nó lại dễ hiểu biết bao (so sánh với **tuồng Hàm Hòa** 咸和演傳, **Tuồng Kim Thạch Kỳ Duyên** 金石奇緣 cao xa kênh kiệu). Nó gần gũi biết bao (so sánh với các tuồng đồ đầy đủ cả triều đình quan quân, lúc nào cũng chiến tranh, giết giành quyền lợi như **Sơn Hậu** 山后, **Nhạc Hoa Linh** 岳花靈, **Mã Đăng Long** 馬登龍, **Tam Quốc Diễn Truyện** 三國演傳, **Tây Du Diễn Truyện** 西遊演傳....) Sự thành công trên mặt sân khấu của tuồng trình diễn tạo nên khát vọng của dân chúng

⁵ Chẳng hạn chữ **rời** viết bằng **lai** 來 ta thấy trong lời tựa quyển **Gia Huấn Diễn Ca** 家訓演歌, bản **Bửu Hoa Các** 寶花閣, năm **Bính Ngọ** 丙午: Tôi mới vâng lời mà làm ra sách này 碎買 云廁麻濫冊册尼, rồi thầy Ký Lục tỉnh Long Xuyên 來柴記錄省龍川...

muốn có một văn bản để tự mình thưởng thức khi **rảnh** rồi, khi đoàn hát không về. Tuồng Trương Ngáo do đó đã được khắc bản, được phiên dịch sau đó không lâu. Và **chúng** tôi chắc chắn rằng người đương thời đã rất hứng thú khi đọc bản văn, dầu là Nôm hay quốc ngữ như là *thưởng thức một tác phẩm văn chương*. Điều này có thể xác định được nếu ta để ý rằng ông Huỳnh Tịnh Của, trong quyển tự điển thời danh năm 1895 của ông, có nhắc đến tuồng Trương Ngáo khi giải thích chữ **Bành**⁶, và ông cũng có giải thích các mục từ *tòa khan(g)*, *căn khấu* vốn là tiếng Tiều rất khó hiểu cho người đời sau.

Nhìn về mặt hài tính, tuồng Trương Ngáo đi cặp với tuồng **Trần Bò** 陳蒲, tuồng **Trương Ngổ** 張悞, tuồng **Trương Đồ Nhục** 張屠肉 tạo thành một bộ bốn tuồng hài hước đầu tiên rất có giá trị của bộ môn này.

Ưu điểm của tuồng Trương Ngáo cho tới ngày nay, ngót nghét 200 năm qua, vẫn còn. Càng lâu xa so với thời gian nó được hình thành thì cái gia tài ngôn ngữ của thời đại nó xuất hiện, điều nó muốn rao truyền về tu hành về tin Phật, sự nhẫn nhủ luân lý nhẹ nhàng chứa đựng bên trong cốt truyện... càng giúp nó trở thành món đồ quý hiếm.

Để giúp người đọc dễ theo dõi vở tuồng, **chúng** tôi đã tạm chia bốn tuồng thành 13 cảnh và ghi đại ý lên trên đầu như là tiêu đề của mỗi cảnh. Ngày xưa ông bà mình viết lương tuồng, xuống dòng cũng không có, cho nên không có chuyện phân cảnh phân màn vốn là khái niệm có từ kịch của Tây phương, Hy Lạp.

Trong sự chú giải, **chúng** tôi chỉ giới hạn làm sao cho bộc lộ được vẻ hay đẹp của bản văn, tránh những điều thuộc về tâm chương trích cú, diễn tích dài dòng, do đó sự chú giải nhắm về câu cú, nhằm soi rọi giúp giới trẻ hiểu rõ *ý nghĩa toàn câu*, *thưởng thức được bản văn* hơn về những mặt khác, nhứt là sự chú giải sa đà trong những từ tố, trong những chuyện xa xưa tận đâu đâu mà các sách đều có. Các chữ Hán Nôm cần thiết được in kèm theo chữ quốc ngữ trong phần chú chỉ cốt giúp cho người thích Hán Nôm có dịp nhìn lại nhiều lần cho dễ nhớ lâu quên. Giọng văn cũng cố gắng viết sao cho nhẹ nhàng, không quá khô cằn, nhiều khi pha một chút bông lơn để thư giãn là điều chúng tôi học được từ thầy Vương Hồng Sển trong mấy năm học với thầy ở Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, nếu bạn đọc không vừa ý với cách này thì cũng nên rộng lòng tha thứ.

Phần Tự Vựng có kèm chữ Nôm và số trang phía cuối sách chắc chắn sẽ giúp ích cho bạn đọc rất nhiều tùy theo sự nghiên cứu chuyên biệt của mỗi người.....

Trong quá trình hình thành quyển sách này, **chúng** tôi có tham khảo ý kiến của Thầy học **xưa** là cụ Lăng Hồ và hai người bạn đồng song là các anh Nguyễn Hiền Tâm, Nguyễn Văn Trang. Xin cho gởi lời chân thành cảm ơn đến những vị trên, dĩ nhiên những sai lầm trong sách này trách nhiệm thuộc về người viết.

Port Arthur, Texas, Hoa Kỳ 7/2004 - Sài Gòn, Việt Nam 9/2006

Nguyễn Văn Sâm
Nguyên Giảng Sư trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn
Giáo sư Viện Việt Học, CA, USA

⁶ Bà Bành 吧彭: tiếng gọi đàn bà thô tục mà dữ. (Chuyện Trương-Ngáo - ĐNQTATV, Q1, trang 36)

TRƯƠNG NGÁO, THÂN PHẬN CON NGƯỜI

Nguyễn Văn Trang

Một tác phẩm nghệ thuật, văn học, tuồng tích v.v.. có thể tồn tại lâu dài vì nhiều lý do, nhưng nói chung cơ sở để vượt thời gian của tác phẩm được gói gọn trong hai yếu tố hình thức và nội dung. Các tác phẩm kịch nghệ như hát bội, cải lương, kịch nói v.v.. cũng không thể trường thọ mà không tính đến hai yếu tố đó.

Loại hình nghệ thuật hát bội và cải lương, đặc biệt ở những vùng ‘*đất phương Nam*’ trước đây là một món ăn tinh thần không thể thiếu được trong dân gian. Nhìn từ một lát cắt nào đó, ta thấy rõ loại hình nghệ thuật sân khấu này là thành lũy kiên cố bảo vệ truyền thống văn hóa dân tộc đồng thời ngăn chặn, trong chừng mực nào đó, sự xâm thực của làn sóng văn hóa Tây phương từng bước soi mòn sắc nét và bản chất dân tộc tính của người Việt.

Điều không thể phủ nhận được là khi xã hội chuyển hóa vào thời đại phi biên cương của khoa học kỹ thuật thì mặt bằng kịch nghệ hát bội và cải lương ít nhiều bị nứt nẻ, không đủ sức tạo nền vững chắc cho thể đứng tinh thần của thể hệ mới. Có rất nhiều duyên cớ, nhưng không phải là chủ đề ta muốn bàn đến, ở đây.

Trở lại tuồng hát bội Trương Ngáo, có thể yếu tố hình thức như câu văn, lời thoại chưa được cập nhật hóa theo đòi sống của ngôn ngữ nên phần nào khiến nó yếu tử, nhưng nội dung của vở tuồng này chứa đựng bản chất phản kháng siêu hình của thân phận con người rất độc đáo và mãnh liệt mà ít có tuồng tích nào với được đỉnh cao như vậy.

Không phải tất cả ý nghĩa của cuộc đời là đi tìm Đức Phật, tượng trưng cho một đấng siêu nhiên có quyền năng tuyệt đối, để thỏa đáng cho mọi khát vọng của con người, nhưng bao lâu còn là người, làm người, nếu không nghĩ về, tìm đến hay tin vào một đấng siêu nhiên nào đó thì vẫn còn khiếm khuyết trong định nghĩa toàn diện về con người. Ngay cả những người chối bỏ, phủ nhận Trời, Phật, Thượng Đế cũng hàm ngụ có đấng siêu nhiên mà họ phủ định.

Ở trường hợp Trương Ngáo, anh chấp nhận và tôn thờ Đức Phật. Đối chiếu với các nhân vật trong tuồng, chẳng hạn như Ý Rạng, Liễu Thị, Như Ý và ngay cả Hòa Thượng đều có một khoảng cách thiêng liêng giữa Phật và người. Khoảng cách đó buộc chúng sinh phải chiêm niệm, kính nể, van xin, cầu khẩn, hướng về, tìm đến nhưng chưa đạt. Chữ **Đạo** 道 có bộ **xước** 辵 là bước đi, là tìm về. **Thủ** 首 và **mục** 目 là dùng cái đầu óc và con mắt để nhìn thấy chân lý phía trước. Ta không thể nói đi tìm cái gì mà không thấy, không biết cái ta tìm. Trong ta đã ẩn chứa điều mình muốn tìm - Phật tại tâm - thì mới lên đường đi tìm. Nhưng nếu tìm được rồi thì cuộc hành trình đó trở thành vô nghĩa. Do vậy, thân phận con người là *trên đường đi tìm nhưng chưa tìm được chân lý*, cái chân lý chưa gặp được hay đồng hóa được với đấng tối cao tuyệt đối mà mình đang tìm. Có nhiều con đường để tìm đến: xuất gia tu hành, tu tại gia, ăn chay, cúng dường v.v... tức là phải sống theo nếp sống của Phật, phải làm theo lời Phật dạy.

Trương Ngáo là người xóa bỏ khoảng cách đó, là người phản kháng siêu hình. So với Ý Rạng và các bốn đạo khác, Trương Ngáo không van xin cho kiếp sau. Cuộc đời Trương Ngáo chỉ chấp nhận có kiếp này và đòi hỏi ở Phật, Đấng Tối Cao đầy quyền năng, cần giải quyết những vấn đề đặt ra cho thân phận con người một cách công bằng, rạch ròi và tới bến. Muốn thế phải hình tượng hóa Đức Phật thành con người, đức tượng Phật thành người bằng đồng để hội nhập với thân phận làm người. Đối với tín hữu khác, đây là việc làm bình thường. Nhưng đối với Trương Ngáo, dốc hết hầu bao tiền vay bạc hỏi ra góp phần đúc tượng, thay vì đi mua hàng về bán, là cả tâm đức muốn thỉnh Phật hiện hữu làm người. Có mang hình hài con người mới hiển linh chứng nghiệm cái cảnh nợ đời vay trả, trả vay của thân phận con người. Nếu đức tượng Phật là một khối đồng không mang hình người, chắc chắn Trương Ngáo không dốc hết tiền ra để cho Phật vay. Cho Phật vay cũng có nghĩa là giúp Phật hiện hữu mang hình hài con người có đủ giác quan và nhân tâm để Trương Ngáo nhận ra: *‘Anh thật bợn tòà khan, Chẳng phải người căn khaú.’* Hòa thượng quở trách Trương Ngáo: *‘Thằng ở đâu rất chướng, Nói giống đũa điên khùng’* là bởi vì Hòa Thượng còn giữ khoảng cách giữa Phật và người, một khoảng cách đáng có và phải có, nên mắng mỏ Trương Ngáo và mừng húm khi: *‘Nó đã lui khỏi am tiền.’*

Cõi đời này do Phật độ trì, vậy Phật phải có trách nhiệm hóa giải những nỗi khổ của con người. Trương Ngáo cho Phật vay năm quan tiền có nghĩa là *cho vay cả số phận mình*. Anh biết Ba Bành chẳng những đánh mình mà còn tông cổ ra khỏi nhà. Tâm địa của Ba Bành là: *‘Phen này tôi nguyện tông bôi tông khừ’* để dễ bề thay lòng đổi dạ.

So với người đời, Phật là người đáng kính trọng và đáng tin cậy nhưt. Cho nên khi Trương Ngáo than thở với Ba Bành: *‘Cúng Phật mà đắc tội, Cho vay lại phải đòn.’* Anh quan niệm vết sạch năm quan tiền của Ba Bành vay từ Lục Tồn vào việc đúc tượng Phật bằng đồng vừa là cúng vừa là cho vay. Cúng tức là kính nể Phật, còn cho Phật vay là đòi hỏi Phật phải có trách nhiệm giải quyết thân phận bản cùng của con người bằng hành động cụ thể của độ trì. Đây không phải là một **‘cơ chế xin-cho’** nhưng phải cụ thể hóa lòng từ bi đối với kẻ bạc kiếp đã có lòng thành kính dám đánh đổi cả số phận của đời mình. Trương Ngáo không chấp nhận lời quát mắng của sư sãi: *‘Thằng ở đâu lếu láo, Làm những sự đại ngậy.’* Hay: *‘Thằng kia! Của cúng là của mất, Phật đây thiệt Phật đồng.’* Sư sãi rõ thật đã sống trong thói quen tu hành cách biệt giữa Phật và người. Ngược lại Trương Ngáo xóa bỏ khoảng cách đó, nhìn Phật ở mặt bằng gần gũi với con người và điều chưa bao giờ có ở các thầy tu cũng như bốn đạo: **đó là Phật đối thoại với người.**

Nếu Phật quá cao, quá xa vời với con người thì không thể đối thoại được. Ngược lại Ba Bành là kẻ quá thấp hèn, vì năm quan tiền mà đánh chông, đuổi đi thì chỉ là chuyện cãi lộn chớ không thể đối thoại.

Tinh thần đối thoại chỉ thật sự thể hiện khi cả hai người phải biết tôn trọng lẫn nhau và lắng nghe ý tưởng của người mình đối thoại. Khi mỗi người có một quan tiền, nếu trao đổi cho nhau thì kết quả là mỗi người cũng chỉ có được một quan tiền. Ngược lại, trong đối thoại, khi hai người trao đổi ý tưởng cho nhau thì hiểu biết của mỗi người sẽ phong phú hơn, nhờ cộng thêm ý tưởng khác với mình xuất phát từ người mình đối thoại. Trương Ngáo đặt Phật vào vị trí của người mình đối thoại. Phải lắng nghe, tôn trọng và tiếp thu ý kiến người khác trong bình đẳng, triệt tiêu khoảng cách cao xa hoặc thấp hèn. Trương Ngáo nâng tầm giá trị hiện hữu của con người, bỏ thói quí lụy thấp hèn của thầy tu chỉ nghe và lập lại kinh kệ chớ không dám mở lời hỏi lại, nhưng Trương Ngáo vẫn kính trọng và tin vào lòng tốt của Phật. Nếu không tôn kính, không tin tưởng Phật thì Trương Ngáo sẽ không vất vả, lặn lội lên đến Tây phương để gặp Phật. Chính Phật cũng nhận xét: *‘Thấy họ Trương mắc chứng điên cuồng, Vốn nhà gã có lòng thành kính.’* Trương Ngáo đi tìm Phật vì Phật đã bỏ rơi con người, trong khi tất cả chúng sinh đều hướng về Phật và mong được giải cứu thoát

khỏi cảnh gian truân nghiệt ngã của kiếp người. Hoà Thượng, sư sãi tụng niệm dưới chân pho tượng đồng không biết nói. Bồn đạo gom góp tiền bạc đúc tượng Phật nhưng không thấy Phật ban ơn. Trước sự xa vắng của Phật, Như Ý đâm ra hoang mang không biết ai là Thượng Đế, ai có quyền năng tuyệt đối để cứu vớt số phận hẩm hiu của đời mình. Như Ý vừa cầu xin Phật vừa cúng vái Bà **Chúa Tiên**.

Mất niềm tin và phản kháng triệt để nhất của con người thể hiện rõ nét ở Ba Bành lúc chửi chồng: *‘Thằng làm sao nó đại cha chả là đại! Ai đi: lấy tiền vay cúng Phật cúng Trời.’* Rõ thật kiếp người đã bị ruồng bỏ. Chúng **Sinh** sống dầy dầy trong nghịch lý, mất phương hướng, xâu xé, phản trắc, hèn hạ đối với nhau trước sự im lặng của Phật, của Trời. Với Trương Ngáo, Phật độ trì chúng sinh thì phải nói, phải lý giải, phải ra tay hành động cụ thể chứ không được ngồi im lặng nhìn cảnh trái tai gai mắt của kiếp người. Chúng kiến mà không giải quyết rõ thật là sự trốn chạy, là ruồng bỏ con người. Khát vọng siêu hình của con người bị chà đạp, bị khinh bỉ. Nhưng đó là một khát vọng không thể vắng bóng trong thân phận làm người vì những thực tại hữu hình chồng chất bất công, oan ức mà con người không thể tự giải quyết được. Trong chừng mực nào đó, nhờ Trương Ngáo, nhờ con người mới có Phật. Mọi hết tiền mưu sinh ra để góp phần đúc tượng Phật là một vay mượn từ Phật để có được sự hiện hữu trong nhân sinh. Ở hoàn cảnh Trương Ngáo, đó là một hy sinh quá lớn. Đòi hỏi nơi Phật ở Trương Ngáo không phải là trả lãi cho cuộc sống sung túc ở kiếp sau, được lên Niết Bàn hay được sống ở cõi Tiên mà phải được trả lãi ngay trong cuộc đời này, ngay trong kiếp người để được sống cho ra người trước đã. Và khi trực diện trước Phật, chính Thích Ca cũng phủ nhận hình tượng im lặng mà Trương Ngáo đã thất lưng buộc bụng góp phần dựng lên. Phật cũng đã lên tiếng nói: *‘Vốn đây không vay nợ, Mà tính vốn tính lời.’* mà!

Nếu Phật sử dụng luận lý học hình thức ‘Bạch mã phi mã 白馬非馬’ của Công Tôn Long để cho Trương Ngáo thấy được *Tượng Phật chưa phải là Phật* thì Trương Ngáo vẫn chỉ ra rằng Phật còn nặng nợ đối với con người. Phật là chủ nợ -Phật mắc nợ quá nhiều- chứ thật ra trong quá trình tu hành khổ luyện, đem của cúng dường, dốc tiền ra đúc tượng để Phật hiện hữu như một đấng siêu nhiên phải tôn thờ thì con người đã cho Phật vay quá nhiều mà không thấy trả lại bằng cách ra tay cứu độ cho con người thoát nạn.

Trương Ngáo gọi Phật là **Anh** và xưng **Tôi**. Tương quan giữa ‘**Anh-Tôi**’ mới thật sự là tình thân đối thoại. Khác với **Hòa** Thượng gọi Trương Ngáo bằng *thằng*, cũng khác với Ba Bành gọi Trương Ngáo bằng *mày*, bằng *nó* hay *thằng khùng thằng khịu*, những từ dùng cho kẻ hạ cấp, thấp hèn, đáng khinh bỉ, chửi rủa đánh mất tinh thần đối thoại, chỉ trở thành tranh cãi, đấu đá. Ai cũng chấp nhất suy nghĩ của mình là đúng, là chân lý nên mỗi người chỉ giữ một quan tiền. Có si và vào mặt nhau thì cũng chỉ là *trao đổi đồng tiền định kiến* đó, không bao giờ chấp nhận một ý tưởng mới lạ từ người khác. Cãi **vã** chỉ làm nghèo kiến thức. Ngược lại, đối thoại khiến cho kiến thức mỗi người phong phú hơn. Trong tinh thần đối thoại, Phật mới nhận chân ra đâu là chánh tà, đâu là trong đục và Trương Ngáo mới biết mình cho vay sai chỗ: *Tượng Phật chưa phải là Phật*.

Nếu cuộc đời là một hành trình đi tìm chân lý tuyệt đối nhưng chưa bao giờ tìm được trong kiếp người thì Trương Ngáo lại được cái may mắn là tìm được, đến được chân lý tuyệt đối, may mắn gặp được Phật. Dù Phật ở chốn Thiên Thai, Nguyệt Điện, Trương Ngáo vẫn quyết tâm tìm đến cho bằng được. Và điểm tuyệt vời của Trương Ngáo là không van xin Phật cho thoát kiếp người để mình được ở lại chốn Thiên Thai, Nguyệt Điện ấy nhưng xin Phật trả nợ để trở lại sống với kiếp người, được xứng đáng làm người, một con người không bị hắt hủi, một nhân tính không bị chà đạp, khinh khi.

Thích Ca đổi tên Trương Ngáo thành Hứa Chơn Tâm và cho sánh duyên với nàng Hà Như Ý nhưng không thấy Trương Ngáo đa tạ hay cảm ơn. Kể cả nhành cây soi rõ tình đời hay chấp tay lay hái ra tiền, Trương Ngáo coi như bổng phận của Phật là phải trả nợ lại cho con người.

Lục Tồn và Ba Bành chơi bài sạt nghiệp phải đi múa bóng kiếm sống. Hai người chửi nhau ‘**M**ày-**T**ao’ khác hẳn với lúc Lục Tồn ve vãn Ba Bành bằng lời ong tiếng mật. Bản thân Chơn Tâm cũng như Như Ý khi trở nên sang giàu đều có lời lẽ thô tục, dễ tiện thậm chí còn đòi đánh đòn lũ múa mâm múa vát. Tất cả những sắc nét đó vẽ lên nhân tính đương nhiên của kiếp người, phận làm người mang bản chất hai mặt Thiện-Ác trong cùng một nhất thể. Nếu thuần túy là Thiện thì không phải người mà phải là Trời, là Phật. Sai gia đình tống cổ Lục Tồn và Ba Bành ra khỏi nhà, Chơn Tâm mãn nguyện ở chỗ Phật trả lãi vay cho anh ta bằng cách tạo ra nghiệp báo ngay trong kiếp người chớ không hứa hẹn gác lại kiếp sau.

Chiều sâu của vở tuồng hát bội **TRƯƠNG NGÁO** cho thấy thân phận con người bị bỏ rơi. Thượng Đế đã trốn chạy. Con người vùng lên phản kháng kéo Thượng Đế nhìn lại và cứu độ chúng sinh trong kiếp người. Không cần hậu kiếp. Tuồng hát còn chỉ ra nhân tính nghịch lý tồn tại rất thực, rất hợp lý nơi thân phận làm người. Tốt-Xấu, Thiện-Ác là hai mặt của một thể thống nhất nơi con người. Bao lâu còn là người xin đừng thoát thai làm Tiên, làm Phật. Hãy ở lại với kiếp người, cho dù **d**ầy đầy oan trái, nhưng chỉ có con người, chỉ làm người ta mới thấy được và nhận ra những giá trị cao siêu, thiêng liêng thôi thúc ta tìm đến.

Thế giới loài người là một cõi nên sống và đáng sống.

Nguyễn Văn Trang
 Nguyên Trưởng Khoa Ngoại Ngữ
 Trường CĐSP, TP. HCM

Trương Ngáo, Những Ý Nghĩ Rời

Nguyễn Hiền Tâm

Trương Ngáo là tuồng **Nôm** tương đối khó đọc. Chữ nghĩa thì cũng không **mất** mớ gì, từ cổ, tiếng địa phương dùng với một liều lượng vừa phải. Nếu không chê cuốn Tự Vị của Huỳnh Tịnh Của, thì cũng có thể tra cứu hết được. Nhưng sao lại khó đọc?

Trương Ngáo được khắc in ở Quảng Đông bên Tàu. Các **Chú**, nói tiếng Việt thì xí xô xí xào, còn khắc chữ nôm thì trật vuột, ầu tả. Trương Ngáo là một tuồng hay nhưng khắc ầu nhứt. Muốn đọc phải vừa mò vừa đoán. Hệt như ông già ưa ăn mắm sống, một tay **bóc** mắm, một tay vén râu, để lòi cái lỗ miệng mà nhét vô.

Tuồng là một dạng tuồng hài. Đó cũng là một đặc điểm của tuồng, truyện thơ trong Nam. Về tuồng còn có Trương Ngổ, Trần Bò. Về truyện thơ thì có ông Trương, Tiên Bửu, Vân Tiên Cờ Bạc, Truyện Chàng Ké... Nhân vật trung tâm là anh Ngáo. Còn Ba Bành, Như Ý, Lục Tồn, cũng khá đặc sắc, nhưng chỉ giữ vai trò tung hứng mà thôi!

Anh Ngáo, tuy có hơi lù khù, nhưng thiệt thà, tốt bụng. Anh có khùng khịu chỗ nào đâu! Anh sợ vợ, anh bị vợ đánh, vợ chửi, chuyện cũng bình thường. Vợ tui tui sợ, chớ tui sợ vợ người ta sao mà nói! Anh chưa vác lu mà chạy, nhưng nhờ có ông cù độ mạng nên cuối cùng anh sống hạnh phúc. Anh giàu có lại có vợ hết xẩy (Như Ý mà!). Hãy để ý tới lời ăn tiếng nói của Như Ý. Nhỏ nhẹ, dịu dàng, dễ thương hết sức. Mà đó lại là một đứa vô duyên, ế chồng.

Anh Ngáo ngây thơ, nhẹ dạ, ai nói gì cũng tin, ai xỉ gạt cũng được. Người hại không sợ, chỉ sợ Trời hại mà thôi. Ngọc Hoàng mà **giũ** sỏ là rồi đời. Có phước có phần không cần gì lo. (Cũng giống chuyện chú làm ruộng thấy - không phải xí được - **hũ** vàng ngoài ruộng).

Ba Bành là một chị đàn bà độc đáo. Tên nghe giống như là Ngáo ộp. Chú Ngáo lúc chưa đụng Ba Bành chắc cũng là một chàng trai bình thường. Ba Bành có bùa phép gì mà Ngáo trở nên khùng khịu? Ngáo giống cậu học trò nhỏ bé, tội nghiệp, đứng trước mặt cô giáo mà không thuộc bài. Mà Ngáo đã nhiều lần không thuộc bài. Nhiều cậu học trò, ở nhà học bài cẩn thận, vào lớp, nghe cô giáo kêu tên, sợ quá, quên tuốt.

Tay dữ dằn như Lục Tồn còn chịu đời không thấu. Đụng con Ba Bành, chú chệch tan nhà nát cửa. Con Ba Bành lớn tiếng rộng họng, chú cũng đâu vừa gì, liền nhào tới **bạt** tai. Rủi cho chú gặp nhảm cao thủ. Ba Bành la làng, còn chú im re, không dám ho he, mắt trợn trắng. Mà đòn này nhằm nhò gì, chắc Ba Bành còn nhiều ngón nghề tinh diệu khác nữa. Khi sử dụng thì đàn ông rồi đời. Lịch sử còn sờ sờ ra đó. Đát Kỷ, Bao Tự, Tây Thi, Võ Hậu... cùng một môn phái với Ba Bành.

Tuồng Trương Ngáo là tuồng để coi chơi. Coi chơi được thì nói chơi cũng được. Ba Bành là Quý Sứ chứ đâu phải Bà Chúa Sứ đâu mà bắt tôi sợ. Còn ngày ngà quá thì tôi xin thua. Mô Phật!

...

Đông là biên Nam Hải, Tây là dãy Trường Sơn, phía Bắc là mấy anh Ba Tàu lúc nào cũng lăm le quấy rối, đánh chiếm, cai trị, đồng hóa, dân Việt xưa chỉ còn con đường duy nhất là giữ vững biên cương phía Bắc, mang gươm, mở cõi, thẳng tiến về phương Nam.

Đường hướng đó khởi phát từ Trần, Lê, bùng phát từ Lê Trung Hưng, mà người giữ vai trò tiên phong là Nguyễn Hoàng. Bờ cõi mở mang từ đây, mà vận nước lên xuống, mằm mống chia rẽ, cũng bắt đầu từ đây.

Thực dân Pháp thâm độc dùng chánh sách chia để trị, nhưng mằm mống bất hòa từ lúc phân chia Đảng Trong, Đảng Ngoài đã có. Tình tự dân tộc lúc nào cũng muốn xích lại gần bó với nhau, nhưng có những biến cố lịch sử, dầu nhỏ, dầu lớn, cũng khiến cho việc đoàn kết dân tộc khó khăn, chậm lại. Ta thử điểm lại một số mốc chánh: Trịnh, Nguyễn phân tranh, Gia Long thống nhất, lập Kinh đô ở Huế, trước những cặp mắt khó chịu của sĩ phu và dân chúng Bắc Hà, Tự Đức làm mất đất và cả Nam Kỳ lục tỉnh vùng lên chống giặc (1867), Hòa bình lập lại (1954) và

Quan điểm nhìn cuộc Nam tiến gian lao, vĩ đại, đầy mồ hôi và máu của cả dân tộc cần cù, cứng cỏi như một chương trình di dân lập ấp, đi kinh tế mới tầm thường, đã làm tổn thương đủ mọi thứ của biết bao nhiêu người.

Nhìn những lưu dân đi mở cõi như một đám tù, lũ chết đói trôi sông lạc chợ, bỏ biết bao công lao khai phá, chưa kịp đứng chân, rửa cẳng, ngồi hưởng một cách xứng đáng những chiến tích về vang của mình, là một cái nhìn lệch lạc tầm bậy.

Thành quả của họ không được công nhận, họ bị chà đạp, ức hiếp thì làm sao có thể nói rằng họ có một đời sống tinh thần lành mạnh, phong phú, có một nền văn học mới mẻ, tràn trề sức sống.

Đảng Trong, miền Nam không có một nền văn học đúng nghĩa? Nhưng lịch sử, ít nhiều bị o ép, chỉ với vài nét chấm phá, đã đồng tình, ghi nhận, khẳng định dãy đất phía Nam của tổ quốc từ mấy trăm năm nay, đã có một nền văn học hần hoi, nó không èo uột, dờ sống dờ chết mà ngày càng phát triển mạnh mẽ. Tương ứng với từng thời kỳ lịch sử, ta có văn học Nam Hà, văn học thời Nam kỳ lục tỉnh kháng Pháp, văn chương tranh đấu Miền Nam... [Có cần phải kể thêm Bạch Mai Thi Xã ở Gia định, nhóm Chiêu Anh Các ở Hà Tiên?]

Miền Nam có in ấn, có báo chí, sách vở. Những tài liệu, tác phẩm hoặc chép tay, hoặc khắc ván, hoặc xếp chữ, bằng chữ Nho, chữ Nôm, chữ quốc ngữ của người Việt sáng tác, dầu né tránh, không muốn chỉ mặt đặt tên, hoặc tịch thu, đốt bỏ, cấm đoán... nếu nó còn đó, cũng phải dành cho nó một chỗ ngồi, anh không ưng cho ghé mời thì nó ngồi ghé súp.

Nói thiệt, **chúng** tôi xấu hổ khi thấy anh lò hai con mắt óc bu nhìn Trương Ngáo, Trương Ngổ. Anh là ai ? Thằng Tây ba lô đi chơi Sài Gòn!

Chúng tôi buồn, cây viết cầm cũng hồng hồng muốn nổi. Nhưng hẹn hâu chuyện dịp khác.

.....

Có dịp nói chuyện với mấy ông già trên dưới bảy mươi, sanh ra và lớn lên ở miền Nam mưa nắng hai mùa, có ăn đầy đủ, có học đảng hoàng, ít nhiều có đọc sách báo, **chúng** tôi thấy họ chỉ biết lơ mơ, lộn xộn về văn học Đảng Trong, văn chương Nam Bộ, sách báo Sài- Gòn.

Họ có nghe nói tới Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, nhưng không biết Trương Minh Ký, Đỗ Quang Đầu là ai. Có thể họ có đọc Hồ Biểu Chánh, nhưng không biết Phú Đức. Họ chưa nấu chè, nhưng cứ đòi sửa tên Vương Hồng Sển, vì cứ ngỡ lão Vương với đạo diễn Hồng Sển là một. Họ biết Sơn Nam, nhưng quên lừng Lê Xuyên, Bình Nguyên Lộc.

Sao kỳ vậy he?

Chúng tôi thử rờ mu rùa, xủ quẻ:

1- Những người viết về lịch sử văn học Việt Nam hình như không thừa nhận Đảng Trong, Nam Kỳ lục tỉnh, Sài gòn có một nền văn học. Chưa hẳn họ dốt (cái này còn phải coi lại) nhưng họ cứ lơ đi. Thét rồi người đọc, từ lớp già tới lớp trẻ, tưởng rằng văn học Việt Nam hết sức nghèo nàn chỉ có bao nhiêu đó.

2- Những người làm chương trình Việt văn bậc trung học (**chúng** tôi nói những năm 50, 60 ở trong Nam) chỉ nói sơ tới Phan Văn Trị, Học Lạc... rồi làm phước bố thí cho học sinh học Lục Vân Tiên trong vài giờ rồi thôi.

Trong tình cảnh nói hồ người, cười ra nước mắt đó, **chúng** tôi được giới thiệu với Trương Ngáo.

Anh là ngáo hay ngoan? Chồng con Ba Bành, vay tiền Lục Tồn làm ăn. Anh là Hai Gì, Bốn Gì... Anh Phật bậy bạ mới sửa thành Hứa Chơn Tâm. Anh là Chơn Tâm, chắc **chúng** tôi thua cuộc.

Ngáo cầm tiền vợ đi mần ăn. Còn hên là chưa mua bầy le le. May phước là chưa gặp gà móng đỏ. Nhưng lù khù có ông cù độ mạng. Anh không đụng bọn buôn thần, bán thánh, mà gặp anh Phật, trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo, dựng chùa, đúc tượng, in kinh... Ngáo mà gặp ba đám thầy chùa lừa là rồi đời! Chỉ tốn có năm quan mà bỏ được con Ba Bành. Phật còn thêm cho con Như Ý (Tiếng bây giờ là con này hết sảy).

Nghe Ba Bành nói chuyện, **chúng** tôi nhớ tới mấy con mái trong tiểu thuyết Lê Xuyên, đâu như là con Nguyệt Đồng Xoài! Có con vợ bậc này, nghe nó chửi tối ngày cũng sướng hai cái lỗ tai.

Trương Ngáo là truyện vui đọc chơi. Đạo Phật ở đây là ở hiền gặp lành, làm lành lánh dữ. Anh Phật gần gũi với anh Ngáo biết bao! Người giác quay đầu thấy Phật. Còn Ngáo đã là ông Phật với cái vô tư của mình.

Trương Ngáo là truyện không có truyện. Không có truyện mà dựng được chuyện mới kỳ. Văn cách đây hơn trăm năm coi bộ muốn sáng hơn văn của các ông con nhà báo bây giờ. Lời lời tiếng tiếng êm ái dễ thương, chớ không ồn ào. Những câu nói vô duyên, lặt nhách ồ ồ tuồn ra từ những lỗ miệng không kịp kéo da non, mà đám con cháu hư thân mất nết coi như khuôn vàng thước ngọc hùa nhau bắt chước.

Có thể nói được chẳng, trong truyện Trương Ngáo có một chữ Nhon lớn xộn. Không có chuyện đâm đá, chém giết, tàn hại lẫn nhau. Mấy lấy vợ tao, làm chuyện coi không được chút nào! Mà nòi nào thì úp vung nấy, Lục Tồn, Ba Bành tụi bầy dẫn nhau đi đi. Còn Chơn Tâm thì dành cho Như Ý. Bốn đứa chùm nhum đâu có được.

Tuồng hay Nam Bộ không nhiều. Trước khi giới thiệu Trần Bò, Trương Ngố, xin được trình làng người anh em Trương Ngáo.

Cứ thử coi đi, không ghiền luôn, tui chết liền.

Nguyễn Hiền Tâm

Nguyên GS Trường Trung Học Hoàng Diệu, Sóc Trăng
và Trường Trung Học Thủ Đức, Gia Định.

1. [Ông Bà họ Lưu tổ chức đúc tượng Phật chùa Vạn Linh.]

[Lưu Ông: 1b]

Đền Nam nhuận lễ nhạc, Đất Hớn trở văn chương. Thuở thái bình quốc thái dân khương, Đòi thanh trị dân phong vật thụ⁷. Quê ngu miền Giang Tú, Lão biểu tự Lưu Ông. Thuở mày xanh từng chịu ấn rồng, nay đầu bạc biếng kẻ giá hạc⁸.

Lại nói:

Tướng bày của cũng đà lưu loát, Hiềm vì con rất **đối** thiệt thòi⁹. Sau đầu xuống chôn luân hồi, Đà không kẻ giữ gìn phụng tự¹⁰ *đi rồi mụ!*

Lưu Bà:

⁷ Đền Nam nhuận lễ nhạc 埵南潤禮樂, Đất Hớn trở văn chương 坦漠摠文章. Thuở thái bình quốc thái dân khương 課太平國泰民康, Đòi thanh trị dân phong vật thụ 代盛治民風物受: Nước Nam thái bình, dân chúng thuần hậu, sinh hoạt theo lễ giáo, ở ăn theo phong hóa, đời sống sung túc. Những câu ca tụng sự thanh trị của *thời tuồng hát đang diễn*. Đây là phần giáo đầu cần thiết cho một buổi hát ngày xưa, không liên quan gì đến nội dung của tuồng, giống như những câu ‘chào quý khán giả và quý quan khách’ thời nay. Tương tự như câu ‘Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng’ của Kiều. Người xem/nghe không cần để ý đến chữ **đất Hớn** 坦漠, chữ Hớn chỉ có tính ước lệ, không xác định bất kỳ một nước nào, có thể là nước Nam cũng được. Để ý bản Nôm chữ **trở** 摠 bị khắc thành chữ **lúa** 糴.

⁸ Thuở mày xanh từng chịu ấn rồng 課眉撐層召印螭, Nay đầu bạc biếng kẻ giá hạc 盼頭泊浚捫駕鶴: Xưa cũng có làm quan, nay già rồi không muốn theo vua làm việc quan chức nữa. **Ấn rồng** 印螭: ấn của vua ban cho người có công nghiệp hay **đổ** đặt, *người chịu ấn rồng* là người có chức tước. **Giá hạc** 駕鶴 xe vua. Kẻ giá hạc tức kẻ cạnh bên vua, người có quyền thế. Chữ 浚 ông P. H. S. cũng đọc là *biếng*, nếu bản Nôm viết chỗ này bằng chữ **biến** 變 thay vì **biến** 浚 thì dễ đọc hơn. Để ý chữ **ấn** 印 khắc sai thành **mão** 卯, chữ **nay** 盼 khắc sai phần chữ **ni** 尼 thành chữ **ba** 巴. Nói chung sự sai lầm của các bản văn Nôm Phật Trần thường do thợ khắc người Trung Hoa không biết chữ Nôm, không hiểu câu văn nên khắc chữ nọ xọ chữ kia do sai bộ hay thiếu/dư nét....

⁹ **Tướng bày của cũng đà lưu loát** 想排貼拱它留冽, **Hiềm vì con rất đối thiệt thòi** 嫌爲昆叱對實崔: Nghĩ rằng tiền bạc cũng nhiều, nhưng bẻ con cái thì thua thiệt. Hào của thì khá hào con thì không bằng người. **Bày của** 排貼: số tiền của mà mình có. *Bày* tiếng chỉ số nhiều, bày trâu, bày ngựa, bày ong, bày con. P. H. S. không muốn phiên bằng *bày* nên sửa lại là tiền: *tướng tiền của cũng đà lưu lác*. **Lưu loát**, HTC 流捫, dư giả, không thiếu vật gì. *Giàu loát*: giàu lớn.. **Thiệt thòi** 實崔, thua kém người khác. HTC 舌崔, thâm tổn, bị lụy.

¹⁰ **Sau đầu xuống chôn luân hồi** 萎油冠準輪回, **Đà không kẻ giữ gìn phụng tự** 它空几侍纏奉祠: Nếu một mai tôi chết thì không có người lo hương khói thờ phụng. Lưu Ông ưu tư về việc không người nối dõi tông đường sau khi mình mất, ông sợ câu *bất hiếu hữu tam vô hậu vi đại*.

Muốnặng thiện duyên hai chữ, Phải lo tác phước ngàn ngày¹¹. Chùa Vạn Linh từ lập tới nay, Của tam bảo sắm vô còn thiếu. *Chừ thôi thời ta*: Đem tiền bạc nhóm thêm bốn đạo. Mua đồng đúc Phật Trung Tôn¹². Bây chừ ta có tiếng đồn, Ngày sau cũngặng nhờ chút phước¹³ *nữa chăng?*

Lưu Ông:

Mụ đà nói trước, Lão phải theo sau¹⁴. *Nghe lão dặn*: Khá sắm sửa tương rau, Mau liệu dùng nếp đậu. Cho kịp ngày Tân Dậu, Trong nội tháng Nhâm Dần. Rước tài công tua khá **(2a)** ân cần, mời bốn đạo ngỏ cho hoan hỉ¹⁵.

X
XX

[2. Ba Bành vay vốn của Lục Tồn.]

Ba Bành:

¹¹ **Muốnặng thiện duyên hai chữ** 悶叩善緣仁字, **Phải lo tác phước ngàn ngày** 沛卢作福彗寻: Làm việc phước lâu dài mới tạo được cái nhân duyên tốt cho mình sau này. Lưu Bà nói với chồng lý do thực hành những chuyện công quả cho chùa chiền.

¹² **Đem tiền bạc nhóm thêm bốn đạo** 完錢泊筭添本道, **Mua đồng đúc Phật Trung Tôn** 謨銅鑄佛中尊: Đem của tiền góp với của tiền bốn đạo để thực hiện việc đúc tượng. Cái hay ở chỗ Lưu Ông Lưu Bà tự ý đề xướng việc đúc tượng, chẳng đợi quý thầy trong chùa kêu gọi. Thiện tai thiện tai! **Nhóm** 筭, HTC 咕, tụ hội, gom lại một chỗ. Chữ 筭/咕 có thể đọc *nhóm/xúm*. Đọc *nhóm* ở đây hợp hơn. Cùng nhau hội lại để làm một việc gì đó.

¹³ **Bây chừ ta có tiếng đồn** 悲除些固啗屯, **Ngày sau cũngặng nhờ chút phước** 寻娄拱邛沔卒福: Nếu ngày nay ta được tiếng tốt (rằng ư làm phước làm duyên...) thì sau sẽ gặp thiện duyên. Người bình dân thường tin tưởng rằng **làm phước thì gặp phước**. Tiếng *phước* trước có nghĩa điều lành, điều ích lợi cho chùa chiền, tiếng *phước* sau có nghĩa là những điều tốt đẹp, may mắn. Tin tưởng này có chút ‘duy lợi’ nhưng nhờ vậy xã hội tốt đẹp hơn.

¹⁴ **Mụ đà nói trước** 媒它呐畧, **Lão phải theo sau** 老沛曉娄: Bà nói ra thì tôi làm theo thôi! Cặp vợ chồng này đồng lòng làm chuyện cho chùa để kiếm chút phước về sau, đáng khen biết bao! Bản Nôm chữ **theo** 曉 đã bị khắc thành chữ **nhau** 饒 vì bộ túc 𠂔 bị sai thành bộ thực 食.

¹⁵ **Rước tài công tua khá ân cần** 遑才工須可慇懃, **Mời bốn đạo ngỏ cho hoan hỉ** 迓本道呿朱歡喜: Lo đi rước tài công cho tử tế, phải vui lòng mời bốn đạo cho nhiều. **Tài công** 才工, ở đây nghĩa là thợ giỏi. Có thể là Lưu Ông Lưu Bà lo rước thợ đúc về sửa soạn chuyện đúc tượng Phật cho chùa. Cũng có thể hiểu **tài công** 才工 do sự nói trại tiếng **đà công** 佗工, người chèo thuyền, dò. Gia đình Lưu Ông sẽ lo chuyện ghe xuồng để đi rước bốn đạo trong vùng.

Thiếp nay Liễu thị, Ốc¹⁶ hiệu Ba Bành. Việc làm hồ **hỗn** quá chần tinh. Nghề đôi mách xứng hơn xóc lá¹⁷. *Như thiếp*: Khéo biết làm nem làm chạo, Tài cũng hay bán bộ bán thuyền¹⁸. *Như tôi nay*: Tưởng cầm cơ đợi bực ông Nghè, Rủi bạc phận đụng nhằm chú Ngáo¹⁹. *Nói thời nói, chớ như chồng tôi nay*: Việc làm thời lếu lảo, tánh ở lại ngất ngơ²⁰. Đi thời tuôn bụi [tuôn] bờ, ngồi lại nói khùng nói khịu²¹. Trách bấy ông tư lằng lú, Hiềm thay bà nguyệt vắn vương²². *Ờ!*

¹⁶ **Thiếp nay Liễu thị 妾盼柳氏, Ốc hiệu Ba Bành 沃号巴彭**: Tôi họ Liễu, tên là Ba Bành. **Ốc hiệu 沃号** tiếng xưa, có nghĩa *tên gọi là*. Lưu Bình Phú [trang 3a] có câu: *Anh còn chút bạn hiền nghĩa cũ 英群 恤伴賢菱讎, danh ốc Lưu Bình 名屋刘平, cùng bạn thư sinh 共伴書生. Danh ốc 名屋*: tên gọi là... chữ **ốc 屋**, 沃 đến cuối thế kỷ 19 đầu 20 đã trở thành từ cổ, không có trong tự điển của ông HTC, và ông PHS không muốn dùng nó nên đã đọc từ khó hiểu *ốc hiệu* bằng *mỹ hiệu*. Cũng chỉ là đọc cho thuận câu thuận chữ, không đúng với bản Nôm.

¹⁷ **Việc làm hồ hỗn quá chần tinh 役少胡混过獐星**: Nghề đôi mách xứng hơn xóc lá 芸堆覓称欣 朔荳: Trong khi đi làm thì **hỗn** ầu, dữ hơn bà chần [với người cùng làm]. Ưa chuyện đàn bà nói tới nói lui, chẳng nên nghề ngỗng gì. Ba Bành tự đánh giá rằng nghề nhiều chuyện còn giỏi hơn nghề xóc lá. **Làm hồ 少胡**: Không phải nghĩa đi làm phu hồ như ngày nay mà là *nhuộm hồ* cho vải cứng hơn dày hơn, công chuyện linh tinh liên quan đến nghề vải, dũi. **Chần tinh** là hình tượng ác, xấu trong truyện kể dân gian Miền Nam, chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ. Không thể phiên âm là *trần tinh* như nhiều người chủ trương gần đây. **Xóc lá 朔荳**: lấy lá dừa xóc nóc nhà, lợp mái. Xấp nóc > xóc nóc > xóc lá.... Bản nôm viết xóc lá thành **sóc lá 朔荳**, giọng Miền Nam.

¹⁸ **Khéo biết làm nem làm chạo 窖别夕脯夕韶, Tài hay bán bộ bán thuyền 才哈半步半船**: Khéo léo trong nghề gia chánh, Giỏi việc bán buôn. **Bán bộ bán thuyền 半步半船**: Mua gánh bán bưng hay bơi xuồng bán hàng trên sông rạch. Tiếng chung chỉ buôn bán.

¹⁹ **Tưởng cầm cơ đợi bực ông Nghè 想拎机待幅翁儀, Rủi bạc phận đụng nhằm chú Ngáo 囑泊分 動旺注堯**: Tưởng là kén chọn thì gặp được người đồ ặt danh giá, Ai ngờ xui xẻo nên lấy nhằm thằng Ngáo. Già kén **kén** hom! **Cầm cơ 拎机**: Đợi thời vận, chờ đợi. **Đụng**: HTC 動, xán vô. Đây có nghĩa lấy chồng, lấy vợ trong cách nói ngày xưa. Ca Dao Miền Nam: *Đó con quan đây cũng con làng. Chỗ người gần em không đụng, đụng bạn hàng xa xôi*. Hồ Biểu Chánh thường dùng chữ **đụng** theo nghĩa này: ... *có đụng ông chủ sự sở Thương Chánh, bây giờ vợ chồng cô ở tại Sa Đéc*. (Thầy Thông Ngôn, nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn, 2005, trang 120). Để ý bản Nôm viết **đụng** bằng bộ nhân 亻 hài thanh với chữ **động 動**, bộ nhân 亻 ở đây như là dấu chỉ phải *đọc khác âm động* nên có giá trị như dấu nháy. Đây là trường hợp khác với bộ nhân trong chữ Ngáo

²⁰ **Việc làm thời lếu lảo: 役少時叮咭, Tánh ở lại ngất ngơ 性於吏吃嚙**: Không biết chăm chỉ làm lụng, chỉ quọt quẹt quấy quá cho có, tánh tình ăn ở lại cả tảng, ngơ ngẩn. **Lếu lảo 叮咭**: làm việc gì chỉ chú đến xong việc, không để ý đến kết quả phải cho tốt. HTC, **Lếu lảo**: Quấy quá, vô tình, vô ý, ngơ ngẩn, không biết sự gì; không nên thân, không nên người.

²¹ **Đi thời tuôn bụi bờ 趁時添培坡, Ngồi lại nói khùng nói khịu 坐吏呐穷呐召**: Cữ chỉ và lời nói không được bình thường như thiên hạ. Ba Bành **thị** chồng rất thấp, đó là nguồn gốc của chuyện đánh chồng và thay chồng sau này. Câu trên hoặc thiếu chữ **tuôn 添** hoặc dư chữ **nói 呐**. Nghĩ rằng thiếu chữ *tuôn*. Sửa lại: *Đi thời tuôn bụi [tuôn] bờ, ngồi lại nói khùng nói khịu*.

²² **Trách bấy ông tư lằng lú 責閉斧絲凌汙, Hiềm thay bà nguyệt vắn vương 嫌台妃月問王**: Giận tức duyên tơ xe lộn mối, cho tôi mối xấu. **Lăng lú 凌汙**: làm chuyện lộn xộn. **Hiềm 嫌**, giận ghét, HTC, tích sự oán thù, cừ hận.

*Bà nguyệt chớ vắn vương, là vắn vương làm chi những đũa khùng đũa khịu cho tôi kia chớ! Hèn chi thiên hạ người ta nói thiệt mà: Ba mươi kiếp hồng nhan thời mang những điều bạc phận đã phải! Như tôi: Giận thời nói [nói] cho đã giận mà thôi, Chớ nghèo phải lo mới đỡ cơn nghèo²³. Chừ: Đi nữa để cá mắm treo mà bỏ heo nhịn đói²⁴ hay **(2b)** mần răng? Chồng tôi giỏi thời tính theo việc giỏi, Như nó hư dùng việc hư. Chừ tôi tính mần ri mới dựng cho: Lên Hộ Tồn tỏ nỗi sự cơ, Vay nửa chục về ta làm vốn²⁵.*

Hộ Tồn, bạch:

Bất nông bất sĩ hựu bất công.
Ngang ngang ấp lý tự xưng hùng.
Đồng kim tác tảo tranh Vương Khải,
Tự lập đại tân tử Thạch Sùng²⁶.

Lại nói:

Quê ngụ đất Khải Phong, Mỗ Sáu Tồn phú hộ²⁷. Thời tôi nghĩ lại đó mà tôi coi: Việc buôn bán là ở nơi căn số, Nghề làm ăn cũng có giàu nghèo²⁸. Chớ thời thuở trước tôi cũng nghèo lắm. Tôi

²³ **Giận thời phải nói cho đã giận** 陣時沛吶朱包陣, **Nghèo phải lo mới đỡ cơn nghèo** 饒沛卢買拖干饒: Buồn giận hoàn cảnh thì nói cho đã miệng, chớ túng thì phải tính, phải chạy ngược chạy xuôi. Còn có thể vay mượn được thì đâu chịu thua. Ba Bành quả là người biết tính toán chuyện thời cơ. Vì vậy ta không lạ khi thấy Ba Bành dễ dàng bỏ Ngáo theo Lục Tồn. Bản Nôm khắc chữ đơn **lo** 卢 thiếu nét thành chữ **hộ** 户.

²⁴ **Đi nữa để cá mắm treo** 移芡底感撩 **mà bỏ heo nhịn đói** 麻補獵認对: Có thì phải xài, không phí mà bỏ không. Ngáo dở mọi mặt nhưng cũng có thể tạm xài được chuyện này chuyện kia.

²⁵ **Lên Hộ Tồn tỏ nỗi sự cơ** 込户存訴湊事机, **Vay nửa chục về ta làm vốn** 爲婁逐術些少本: Tôi nhà Hộ Tồn than thở tình trạng gia cảnh để vay năm quan tiền về làm vốn bán buôn. Chữ 込 đọc là **lên** và **trên**, cũng như 下 đọc **dưới** và **xuống**.

²⁶ **Bất nông bất sĩ hựu bất công** 不農不仕又不工: Mình không phải nông, sĩ, công, vậy thì anh chàng này theo nghề thương. Đó là nói vậy chớ thiệt sự Lục Tồn theo nghề cho vay! **Ngang ngang ấp lý tự xưng hùng** 昂昂邑里自称雄. Ngang nhiên xưng hùng xưng bá ở trong làng xóm. **Đồng kim tác tảo tranh Vương Khải**: 銅金作燥爭王啓: Lấy đồng làm bếp tranh với Vương Khải, **Tự lập đại tân tử Thạch Sùng** 自臘代薪比石崇: Dùng sáp thay củi chụm bếp so sánh với Thạch Sùng. Trong tuồng hát bội thể hát gọi là **bạch** 白 để cho nhân vật trình bày về mình bằng một bài thơ tứ tuyệt bằng Hán Văn. Ở đây Lục Tồn dùng hai câu đầu nói nghề nghiệp và vai vế của mình trong địa phương, hai câu kế cho biết mình đang giàu có.

²⁷ **Quê ngụ đất Khải Phong** 圭寓坦凱豐, **Mỗ Sáu Tồn phú hộ** 某崧存富户: Nhân vật giàu có Lục Tồn xưng danh tánh. Trong tuồng hát bội, nhân vật xuất hiện lần đầu tiên trên sân khấu khai tên tuổi, quê quán, nói những hoài bão, những ước mơ, ngay cả ý định soán ngôi, lòng thù hận muốn ám hại người ... là chuyện bất buộc. Đây không còn thuần là lời của chính nhân vật đó nói ra, đây là một kỹ thuật của tuồng có vai trò như là tiếng nói thâm của nhân vật, như là ai đó nói về nhân vật này. Kỹ thuật này nhằm cung cấp cho người xem những chi tiết để hiểu về nhân vật đang đứng trên sân khấu. Lục Tồn không dám xưng Lục Tồn mà xưng là Sáu Tồn, chuyện có lý do của nó! Đề ý chữ **đất** 坦 trong bản Nôm viết dư nét, phần chữ **đán** 旦 thành chữ **cảng** 亘.

²⁸ **Việc buôn bán ở nơi căn số** 役奔半於尼根數, **Nghề làm ăn cũng có giàu nghèo** 芸少啖拱固霸饒: Buôn bán có số có phần cho nên cùng buôn bán mà có kẻ giàu người nghèo. Thiệt ra Lục Tồn chỉ nói theo niềm tin xưa, hay nói để an ủi người nghèo chung quanh. Chuyện giàu nghèo tùy thuộc phần nhiều vào

*cũng vay ba quan tiền, tôi mua một cặp heo*²⁹. *Tôi vay một gia lúa cũng làm vốn*³⁰, Có một nghề đặt rượu nuôi heo, bây chừ mới cao nhà lớn nông³¹. *Chớ thuở trước, tôi đi gặp cái thứ đàn bà con mẹ đà ba mươi đứa con, tôi mới nói chơi nó, nó lại mắng tôi*³²: *Những quần đầu chó, áo nóng trôn*³³ (3a), *nó lại chửi tôi. Tôi bây chừ con gái lịch sự thấy tôi cũng muốn. Còn người thanh tao gặp mỡ cũng phải chào*³⁴. *Nào phở thuốc đốt trầu trao, Lật đặt trà khuyển rượu tiến*³⁵ *nữa mà! Hèn chi thánh nhân người có nói rằng, phải mà: Bàn cư nào thị vô nhân văn, Còn: Phú*

sự khôn ngoan lanh lợi của người buôn bán. Chữ **nghèo** 饒 ở đây – và nhiều chỗ khác - khác sai thành chữ **nhau** 饒.

²⁹ **Tôi cũng vay ba quan tiền** 碎拱搗匹貫錢, **Tôi mua một cặp heo** 碎曠艾及獵: Lục Tồn nói về bước đường đầu tiên xây dựng sự nghiệp của mình. Cũng vay nợ, cũng khởi cuộc bằng nghèo khổ, nhưng khá lần lần [là nhờ cần mẫn và sự lơ là ngu dốt của người chung quanh.] Chữ **một** 艾 khác sai thành **nghệ** 艾. Cũng như chữ *nên*, nhiều trường hợp chữ *một* như thế này.

³⁰ **Tôi vay một gia lúa cũng làm vốn** 碎搗艾施稽拱少本: Nghèo đến nỗi một gia lúa cũng phải vay! Thương thay. Vậy mà về sau giàu lên thì sanh tật gái ghieếc bạc bài cho đến nỗi tán gia bại sản, nghèo rớt mồng tơi trở lại. Chữ **lúa** 稽 viết sai thành **trở** 摶. Chữ *gia* viết với giọng Miền Nam **dạ** 施.

³¹ **Có một nghề đặt rượu nuôi heo** 固艾芸達醞餒獵, **Bây giờ mới cao nhà lớn nông** 悲除買高茹吝攢: Nhất nghệ tinh nhất thân vinh, nhờ có nghề nuôi heo và đặt rượu (lấy **bã** rượu nuôi heo!), Nay mới được nhà lớn đất rộng. Bản Nôm viết thủ + **nông** 農 tôi đọc **nổng**: **đất gò**, chỉ đất nói chung. Không thể đọc là công được dầu thành ngữ *cao nhà lớn công* thường nghe nói. Chữ **nổng** 囂 thường được viết với bộ sơn hoặc các bộ khác như thổ, mộc, bộ thủ dùng chỗ này do người viết Nôm viết quấy quấy. Chữ **nuôi** 餒 phản bộ **thực** 食 đã sai thành bộ **nữ** 女.

³² **Con mẹ đà ba mươi đứa con** 昆嫫它匹迕都昆, **Tôi mới nói chơi nó nó lại mắng tôi** 碎買訥喇奴奴吏莽碎. Tôi bông lơn với phụ nữ, dầu là người già, nhưng vì tôi nghèo nên bị họ nói trên đầu trên cổ. **Ba mươi đứa con** 匹迕都昆: Cách nói quá, chỉ đàn bà qua nhiều lứa, không còn trẻ đẹp gì nữa. Tiếng *con mẹ, thằng cha* là tiếng thông tục ngụ ý khinh **để** một người nào đó, Lục Tồn dùng tiếng này như ngầm cho biết rằng thứ đó đối với mình bây giờ chẳng có giá trị gì. **Nói chơi** 訥喇: Nói xa xa gần gần để dọa tình ý phái nữ. Bản Nôm **mắng** 莽 bị khác thành **buôn** 奔.

³³ **Quần đầu chó áo nóng trôn** 裙頭拄袄攢膺: Người nghèo quá mạng, quần chỉ tới gối, áo thì ngắn quá, **dở hồng** lên, lòi mông. HTC, **nóng lên** 攢迕, chống đỡ lên. (Hai chữ **chỗ** và **nóng** bản Nôm viết với bộ y 衣 do ảnh hưởng của các chữ áo quần.

³⁴ **Con gái lịch sự thấy tôi cũng muốn** 昆媽歷事体碎拱悶, **Người thanh tao gặp mỡ phải chào** 尋清帽及某沛嘲: Thiếu nữ trẻ đẹp rất thích tôi, gặp tôi thì chào hỏi, thì làm thân. Lục Tồn biết thóp bụng dạ người đời và cũng rất tự tin. Tự tin nên anh ta biết mình phải nói gì với Ba Bành khi cần thiết. **Gái lịch sự** 媽歷事: gái đẹp. *Truyện Sãi Vãi: Gái mười bảy lịch ôi quá lịch*. Từ **lịch** 歷, **lịch sự** 歷事 chỉ con gái đẹp cách nay 50 năm còn xài, giờ đã vào dĩ vãng nhường chỗ cho những từ mới phát sinh. Người thanh tao, tức người lịch sự nói trên. HTC, *thanh tao, thanh bai, thanh lịch, thanh cảnh*: Xinh tốt, đẹp đẽ, lịch sự, điển dẩn, dịu dàng không kịch (quê kịch). Không hiểu sao bản Nôm viết thanh tao thành thanh thao 清帽.

³⁵ **Nào phở thuốc đốt trầu trao** 市哺葉燂葵拌, **Lật đặt trà khuyển rượu tiến** 栗達茶勸醞進: Ai cũng làm thân, lễ phép lịch sự, mời đủ thứ rượu trà trầu thuốc để tỏ vẻ thân thiện. **Trà khuyển** 茶勸: mời trà. Bản Nôm viết lầm thành **trà hoan** 茶歡.

tại lâm sơn hữu viễn thân³⁶ *thời có phải mà! Như tôi: Cáp mễ đầy đã khắp hương thôn, Còn: Cho tiền thàng đầy trong ấp lý.*³⁷

Lại nói:

*Ờ, này con mẹ Ba Bành đây mà! Ta chào Ba Bành Liễu thị, Kêu trẻ trái chiều ra đây. Tới nhà có chuyện chi? Mời chị mảy ngồi đó*³⁸. *Chẳng hay con mẹ Ba Bành tới nhà lão có chuyện chi đó?*

Ba Bành:

Lần đan vào cửa đồ, Khép nép tỏ lòng son³⁹. *Dám thừa cậu*⁴⁰, *số là: Tôi có tính việc đi buôn, Xin cậu giùm cái vốn*⁴¹. Tôi vay trong ba tháng, Cậu trợ lấy năm quan⁴². Tới ngày sẽ tính lai hoàn, Giáp thàng dám đâu trễ nãi. **(3b)**

³⁶ **Bản cư náo thị vô nhơn vấn** 貧居鬧市無人問, **Phú tại sơn lâm hữu viễn thân** 富在山林有遠親: Hai câu thơ cổ nói về tình đời, thói thường thấy giàu có thì tìm đến, thấy nghèo hèn thì lánh xa. Bản Nôm viết làm **náo thị** 鬧市 thành **nhàn thị** 閒市!

³⁷ **Cáp mễ đầy đã khắp hương thôn** 給米苔飽泣鄉村, **Cho tiền thàng đầy trong ấp lý** 朱錢膾苔冲邑里: [Minh] Cho vay tiền, cho mượn gạo khắp trong làng ngoài xóm. Cách nói tự phụ ta đây giàu có, nhiều kẻ phụ thuộc, nhờ cậy giùm giúp.

³⁸ **Tới nhà có chuyện chi** 細茹固囑之, **Mời chị mảy ngồi đó** 叻姊睇坐妬: Xin chào mới tới, xin mời ngồi. Câu *tới nhà có chuyện chi*, như là câu chào khách đến nhà. Cách chào như là hỏi kiểu này ngày nay ít dùng. Cả câu toát ra sự thân thiện đồng thời biểu lộ sự tự tin về tình trạng trên trước, giàu có của mình. Chữ **chị mảy** 姊眉 Lục Tồn dùng có tính toán. Không phải chị, không phải mảy mà là *chị mảy*. Như là *chị bầy trẻ*, tiếng thân mật.

³⁹ **Lần đan vào cửa đồ** 郎单包膏赭, **Khép nép tỏ lòng son** 刼納訴悉崙: Khúm núm bước vào nhà giàu để tỏ nỗi lòng của tôi. **Cửa đồ** 剽赭 chỉ nhà giàu, không nhất thiết phải sơn đỏ như ngày xưa. Cũng như chữ *son* trong **lòng son** 悉崙 chỉ có giá trị làm đẹp câu văn. **Lần đan** 郎单 từ xưa có nghĩa sự phải khiêm cung của người dưới/ngèo đối với kẻ trên/giàu, cũng có nghĩa sự vô phép đối với người trên trước. Chữ này còn sót lại rất ít trong văn vần. Thấy nhiều trong tuồng hát bội. Truyện thơ *Lưu Nữ Tướng* có câu *Thôi thôi chẳng dám lần đan nữa là hay Hoa Tiên*, *Bớt lời xin chớ lần đan lắm lời*. Génibrel (蘭單 539, 191) Bonet, HTC (蘭單 264, 537) đều có. Không thể đọc *loàn đơn* như Lại Ngọc Cang. Phiên *lang đơn* như PHS cũng còn khả thể vì coi theo tự dạng chữ Nôm 郎单, nhưng tự điển trước đó đã có âm *lần đan* thì phải căn cứ theo âm đó.

⁴⁰ **Dám thừa cậu** 豎疎舊: Cùng nghĩa với *Dạ thừa cậu*, nhưng mà giọng còn lễ phép hơn nữa. Đó là thái độ khôn ngoan nhún nhường của Ba Bành khi cần thiết. Bản Nôm viết chữ **cựu** 舊 tôi phân vân giữa hai chữ *cậu/cửu*. *Cửu* là cách nói của người ở vùng có nhiều ảnh hưởng của người Tiều để gọi *cậu* hay tỏ vẻ kính trọng ai đó, còn trẻ. Đề ý tác giả gọi nhân vật Dì Rạng bằng Ý Rạng.

⁴¹ **Tôi tính việc đi buôn** 碎併役移奔, **Xin cậu giùm cái vốn** 嗔舅全丐本: Tôi muốn đi buôn bán, [ngặt không có tiền] xin cậu làm ơn cho tôi mượn chút vốn. **Giùm** [口+全], tiếng cầu xin lịch sự nhún nhường. Ai đi mượn tiền mà chẳng nói giọng dễ thương của kẻ con, sau này tới chừng đòi kẻ cho vay mượn nếu không có mòng có mỏ dễ gì đòi được. Mà không phải chỉ có mượn tiền, trong Nam nhờ cậy chuyện gì cũng xài chữ **giùm** dễ thương này. Tuồng Trương Ngó [2a], người muốn mượn thàng Ngó đã nói với mẹ nó một cách lịch sự: *Chị giùm thàng Ngó một phen, Ở với tôi rày dặng đỡ tay chun*.

⁴² **Tôi vay trong ba tháng** 碎搗冲匹膾, **Cậu trợ lấy năm quan** 舊助裍齷貫: Ba Bành nói rõ ràng điều mình muốn với thời gian vay và số tiền vay, đúng là người biết mình muốn gì và cần nói những gì! Chữ

Hộ Tồn:

Thời, chị em cho biết phải, Tiền bạc dễ thiếu chi. Ở biết kiêng biết vì là luận chi trăm chi chục⁴³.
Nào gia đình đó: Vô kêu thẳng Súc, Cho nó lấy tiền⁴⁴. Năm quan chẳng luận tờ biên, Tới ba tháng thời huồn bản lợi⁴⁵.

Ba Bành:

Cậu đà tương tới, Tôi cảm đội ơn. *Thưa*: Nơi huê viện dời chơn, Chốn cấm đường lui gót⁴⁶.

XX
X

[3. Trương Ngáo đem tiền tính chuyện đi buôn.]

Trương Ngáo:

Úy a! Tiền đâu dài đuột đuột, Ngáo thấy rất mừng mừng⁴⁷. Dầu lòng mua áo mua quần, Mặc sức ăn hàng ăn bánh⁴⁸ *thôi mà!*

Ba Bành:

trợ 助 giống như chữ **giùm** ở trên có vẻ kính trọng, tăng bốc người đối thoại. *Tôi thì tôi vay, còn cậu thì cậu trợ*, nghĩa là giùm giúp tôi. Chữ nghĩa thiệt là khéo!

⁴³ Ở biết kính biết vì 於別敬別 & **Luận chi trăm chi chục** 論之算之逐: Ở ăn đối xử với nhau theo lẽ phải thì, ới thôi, tiền trăm bạc chục cũng là nhỏ mọn. Chữ Nôm & tôi không đọc nổi. Xin chờ cao kiến. Tạm ghi vì là chọn theo cách đọc-sửa của P. H. S., không đúng mặt chữ.

⁴⁴ **Vô kêu thẳng Súc** 無叫倘畜, **Cho nó lấy tiền** 朱奴裍錢: Kêu thẳng Súc lấy tiền đưa cho Ba Bành. Xưa nhà giàu sang thường thường dùng một người tín cẩn chuyên lo việc chi thu những món tiền nhỏ nhỏ, mình khỏi bận tâm làm chuyện lắt nhắt. **Thẳng Súc** 倘畜 giữ vai trò này, như kiểu *tài phú* nếu nói tiếng thông dụng chừng một thế kỷ trước. (Chữ **súc** 畜 thêm bộ nhân để chỉ một cái tên Nôm, có thể đọc bằng *nhiều âm*, P. H. S. đọc là *Sốt*. Tôi đọc Súc vì vì thấy nó phải hiệp vần với chữ **chục** 逐 ở trên.)

⁴⁵ **Năm quan chẳng luận tờ biên** 訥貫庄論詞編, **Tới ba tháng thời hoàn bản lợi** 細匹躺時完本利: Tiền cho vay chỉ có năm quan cần gì giấy tờ cho thêm rộn ràng, đủ ba tháng thì trả một lần cả lời lẫn vốn. Chữ **lợi** 利 ở đây là tiền lời, tiền lãi, không phải lợi là lại, chỉ trả lại tiền vốn mà thôi. Sáu Tồn là tay cho vay, không có cái chuyện cho vay không lời! Đọc **hoàn vốn lợi** để gây hiểu lầm.

⁴⁶ **Nơi huê viện dời chơn** 尼花院移真, **Chốn cấm đường lui gót** 准錦堂雷躡: Xin từ giả. **Huê viện** 花院, vườn hoa và **cấm đường** 錦堂, phòng gấm, là những tiếng dùng cho đẹp lời để chỉ nơi nhà giàu, không nhứt thiết là phải có huê viên, có phòng gấm. Văn chương xưa sính dùng cách này.

⁴⁷ **Tiền đâu dài đuột đuột** 錢兜曳突突, **Ngáo thấy rất mừng mừng** 堯体叱明明: Tiền xỏ xâu dài quá, nhiều quá, thấy thì mừng quá. Xưa tiền đồng, tiền kẽm, có lỗ được xỏ xâu dính lại, tiền càng nhiều, xâu càng dài. Giờ còn nói *suôn đuột*. Các chữ **đuột** 突, **mừng** 明, được lặp lại để diễn tả sự nhiều, cũng là để diễn tả một tình cảm quá độ như vui quá, sợ quá....

⁴⁸ **Dầu lòng mua áo mua quần** 油悉曠祆曠裙, **Mặc sức ăn hàng ăn bánh** 糲飭啖翰啖餅: Thóa thuê sắm áo quần, mặc tình ăn hàng bánh. Lời nói rất ngáo của Ngáo, chỉ tưởng đến chuyện sung sướng bản thân, không nghĩ đến chuyện chung của gia đình. Để ý chữ *hàng*, Bản Nôm viết theo giọng Miền Nam, **hàn** 翰.

Việc ăn uống nói thời thanh mảnh, Chuyện bán buôn cho biết đại khôn⁴⁹. *Anh Ngáo nghe tôi dặn*: Khá gánh tiền xuống chôn thị trung, mua hàng vật đem về áp lý⁵⁰. Mặc dầu sanh ý, Chớ khá hoang đàng⁵¹. Nhờ tiên sư lời dặn vài quan, Lên cậu Hộ vay thêm vài chục⁵².

Trương Ngáo:

Ủ, Mây bảo đem năm quan tiền, xuống chợ Tú Giang⁵³ gặp giống gì thời mua đem về mà bán cho (4a) hàng xóm. Chi như tao, xuống đó tao thấy mắm muối thời mua mắm muối, bằng mà gặp trà nhang thời tao chác trà nhang⁵⁴. Vậy thời mày coi lấy nhà⁵⁵! Ấu là: Dan lưng cắt gánh trên đàng, Bắc mặt sĩ hàng dưới chợ⁵⁶.

Loạn:

⁴⁹ Việc ăn uống nói thì **thanh mảnh** 役啖旺啖時請猛, Chuyện bán buôn cho biết đại khôn 傳半奔朱別曳坤: Nói tới chuyện ăn động thì cặp mắt mau mắn lắm, nhưng mà phải lo chuyện buôn bán trước [để được sống còn]. **Thanh mảnh** 請萌, HTC, tỉnh minh, chóng vánh, tỉnh táo, sách hoạch. Giống như ta nói: [Nghe tới thì] cặp mắt sáng rõ! Ba Bành phải dạy chừng chừng thẳng chổng ngáo của mình vì nó chỉ tưởng ăn!

⁵⁰ Khá gánh tiền xuống chôn thị trung 呵掇錢冠準市中, Mua hàng vật đem về áp lý 謨翰勿挾術邑里: Gánh tiền xuống chợ, mua bầy các món hàng thường dùng đem về bán ở làng xã của mình. Năm quan tiền mà phải gánh e rằng thầy tuồng viết hơi quá cỡ này. Một quan là sáu mươi đồng, ba trăm đồng tiền **kẽm** thì nhiều nhứt có lẽ cũng chỉ là một xâu thôi.

⁵¹ Mặc dầu sanh ý 麵油生意, Chớ khá hoang đàng 渚可歡唐: Phải chuyên chú vô chuyện bán buôn, không được lo ăn chơi. **Sanh ý** 生意: chuyện buôn bán sanh nhai. **Hoang đàng** 歡唐: không lo làm ăn, chỉ lêu lổng, rượu chè trai gái, cờ bạc.. HTC, **hoang đàng** 荒唐: không có chủ chốt, vất vả. Bản Nôm viết giọng Nam **hoang** 荒 thành **hoan** 歡.

⁵² Nhờ tiên sư lời dặn vài quan 洳先師廁叩為貫, Lên cậu Hộ vay thêm vài chục 込舊戶為添為逐: Nhờ tổ phụ hộ mua may bán đất có được đồng lời thì sẽ đi vay thêm [để buôn bán lớn hơn]. Tội nghiệp Ba Bành, xây chút mộng bình thường cũng không thành!

⁵³ Ủ, Mây bảo đem năm quan tiền 於眉保兜齷貫錢, xuống chợ Tú Giang 冠幣秀江... Chi như tao 之如蚤: Xưa chồng nói với vợ thường dùng mây-tao. Ngáo còn mây-tao được với Ba Bành là cũng khá lắm, còn hơn Thằng Lành Bán Heo cách đây chừng 50 năm (1950) kêu vợ bằng chị. Ngáo, Ý Rạng và Như Ý đều nói Tú Giang, Lưu Ông nói Giang Tú, không biết ai đúng.

⁵⁴ Thấy mắm muối thời mua mắm muối 體鰓塢時曠鰓塢, Gặp trà nhang thời chác trà nhang 及茶顏時卓茶顏: Gặp gì nhắm bán được thì mua, không có chủ đích thiệt sự, thượng vàng hạ cám gì cũng được. **Chác trà nhang** 卓茶顏: mua trà nhang. Giờ còn lại từ *bán chác*, *đổi chác*. Để ý chữ *nhang* viết theo cách Nôm Nam: **nhân** 顏

⁵⁵ Vậy thời mày coi lấy nhà 丕時眉魂裍茹: Ngáo dặn vợ coi chừng nhà không phải vì biết lo cho gia đình, mà chỉ muốn chứng tỏ ta đây sắp lên đường làm chuyện quan trọng. Bản Nôm chữ **coi** 魂 khác sai bộ **thị** 示 thành bộ **hòa** 禾.

⁵⁶ Dan lưng cắt gánh trên đàng 肛脰拈掇込唐, Bắc mặt sĩ hàng dưới chợ 北麵仕翰込幣: Đưa lưng ra gánh tiền đi xuống chợ [bỏ hàng **si** về bán **lẻ** lại kiếm lời]. **Dan lưng** 肛脰: đưa lưng ra mà chịu nặng, đưa vai ra mà gánh, **dan đầu** 担 ra nặng là đi đường nặng không có gì che. HTC, **giang** 肛: khiêng, **đỡ** lên, **cắt** lên. P. H. S. đọc là *cong lưng*, không đúng, **cong** cũng hài thanh với **công** 工 nhưng không dùng bộ nhục đi kèm.

Vâng lời vợ dạy lãnh năm quan,
Xuống chợ Tú Giang nguyên bỏ hàng.
Mua chỉ mua kim mua trách trả,
Sĩ tiêu sĩ nghệ sĩ trà nhang⁵⁷.

X
XX

[4. Thiện nam tín nữ cúng chùa, đúc tượng.]

Ý Rạng:

Quê ngụ chợ Tú Giang, Thiếp biểu xưng Ý Rạng⁵⁸. Dầy thương những lụa bông hàng sắc, Đầy nhà nguyên bát gấm mâm son⁵⁹. *Như tôi*: Lòng *hằng* muốn làm nhơn, Dạ ghét người *nịnh*⁶⁰. *Thời*, Năm ngoái cũng đà thọ phái, Ngày năm xưa lại có qui y. Hằng tưởng chữ từ bi, Lại niệm câu Bồ Tát. *Ồ!* Ta nghe thiên hạ đồn rằng bữa trước, *thời* Chùa Vạn Linh đúc Phật Trung Tôn⁶¹. *Gia đình!* Kêu chị Mai chị Liễu lại đây, Đặng đem sập đem tiền đi cúng.

Lại nói:

*Ồ, các chị em, bây chừ ta lên (4b) chùa, ta biết cúng giống chi đây?*⁶²

⁵⁷ **Mua chỉ mua kim mua trách trả** 嘆只嘆金謨責罫, **Sĩ tiêu sĩ nghệ sĩ trà nhang** 仕肖仕芸仕茶顏: Ý cũng giống như câu *thầy mắt muối thời mua...* ở trên, nghĩa là mua bất kỳ giống gì miễn là bán được trong vùng thời thời. **Trách trả** 責罫: HTC, tiếng gọi chung chỉ nỗi đất, trách nhỏ, trả lớn, là đồ để mà kho cá. **Sĩ** 仕 *hay* **mua** 嘆 仕: mua với số lượng lớn, cốt là về bán lại.

⁵⁸ **Quê ngụ chợ Tú Giang** 圭寓幣秀江, **Thiếp biểu xưng Ý Rạng** 妾表稱倚朗: Nhân vật mới ra sân khấu, tự giới thiệu. **Ý** 倚: tiếng Triều Châu, giọng giữa ý và ỷ, có nghĩa là *dĩ*, cách kêu trọng người đàn bà đứng tuổi.

⁵⁹ **Dầy thương những lụa bông hàng sắc** 汜蒼仍繷芾韓色, **Đầy nhà nguyên bát gấm mâm son** 苔茹原鉢錦樓崙: Nhiều căn chuyên bán hàng vải tơ lụa. Cả nhà toàn chứa bát gấm mâm son. **Hàng sắc** 韓色: các thứ hàng vải màu sắc bông hoa. **Bát gấm mâm son** 鉢錦樓崙: chén có vẽ bông hoa [như vải gấm thêu hoa] và mâm son đỏ, đồ quý. **Bát gấm** tức bát sứ, chén sứ, chỉ chén đĩa làm bên Tàu do người đi sứ sang đó đặt làm. **Bát gấm mâm son** còn được nói là *bát sứ mâm son*. Tác giả cho đôi **hàng sắc** 韓色 với **mâm son** 樓崙 vì với ông **sắc** 色 và **sắt** 瑟 thông. Bản Nôm khắc chữ **mâm** 樓 bằng bộ **thủ** 才 thay vì bộ **mộc** 木 có lẽ vì thợ khắc nhìn không rõ.

⁶⁰ **Lòng hằng muốn làm nhơn** 悉恒悶少仁, **Dạ ghét người nịnh** 脛咭得佞: Lòng muốn làm nhơn đức nên ghét kẻ xấu. Về sau không đủ chữ, ông P. H. S. đổi lại là: *Dạ ghét người tà vạy*. Hiệp vần, hay hơn tuy rằng không thiệt sự đối! Bản Nôm khắc sai chữ **nịnh** 佞 thành chữ **khương** 姜? Vô nghĩa. Có lẽ vì vậy ông P. H. S. đổi thành *tà vạy* chăng?

⁶¹ **Ta nghe thiên hạ đồn rằng bữa trước** 些喧天下屯浪飴畧, **Chùa Vạn Linh đúc Phật Trung Tôn** 厨萬灵鑄伏中尊: Hôm nọ nghe người ta nói chùa Vạn Linh đúc Phật. Chữ **bữa** 飴 khác bộ **thực** 食 sai thành chữ **ấp** 邑.

⁶² **Bây chừ ta lên chùa** 悲除些上厨, **Ta biết cúng giống chi đây** 些别供種之低: Đi chùa nhưng trong lòng mình thắc mắc không biết phải cúng thứ gì. Chữ **giống chi** 種之 nay là từ không lịch sự, ngày xưa chỉ

Thị Liễu:

Thưa ý: Nếp tốt [tôi] sắm rồi một thùng, Tiền đồng soạn dâng ba quan. Chị Mai đà có sáp có nhang, Còn phần ý, mặc tình tùy ý *thôi mà!*

Ỗ Rạng:

Vậy thời: Đã đủ trong bốn thị, ta sá kíp dâng trình. Phăng phăng chỉ dậm Vạn Linh, Chóng chóng trông chừng am tự *các chị hè!*

Hát nam:

Chóng chóng trông chừng am tự,
Lòng dạn [lòng] niệm chữ từ bi.
Nam mô A Di Đà Phật.
Đã rằng tâm Phật qui y,
Bao nài dậm thẳng chỉ sòn đường xa.

Thị Liễu hát nam:

Nam mô hai chữ Di Đà,
Dâm đồ khỏi lụy, hải hà đăng sang⁶³.
Sau dầu lên chôn Thiên Đàng,
Thời lòng tác phước cầu duyên mưa nài⁶⁴.

Ỗ Mai hát nam:

Đã rằng niệm giữ hôm mai,
Tốt duyên thời cũng có ngày siêu thăng⁶⁵.
Thiện nam tín nữ lắng xăng,
Kẻ bung quả nếp người bung mâm trà.

X
XX

[5. Trương Ngáo bỏ tiền vô lò đúc tượng Phật, mong té lời về sau.]

Trương Ngáo:

Đi đâu những trẻ cùng già, Mà có **(5a)** đem tiền cùng sáp? Người thời bung tráp, Kẻ lại bung mâm. Các thím nói cùng, chớ đi đâu làm vậy *a các thím?*

Thị Liễu:

là tiếng thường dùng như những tiếng *thứ gì, loại gì..* không mang nghĩa xấu. Nhân vật trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh thường nói kiểu này.

⁶³ **Dâm đồ khỏi lụy** 淫途塊累, **Hải hà đăng sang** 海河昂郎: Khỏi lụy vô đường tà vậy, được thoát ra khỏi sông mê bể khổ. Giải thoát. Đạt đạo.

⁶⁴ **Sau dầu lên chôn thiên đàng** 姜油上準天堂, **Thời lòng tác phước cầu duyên mưa nài** 時悉作福求緣嗎奈: Không nề hà làm chuyện phước đức để tạo duyên tốt, miễn là sau này được lên thiên đường. Ý nghĩ của người *tu phước* chỉ nhắm đến chuyện thiên đường, không phải kẻ *tu huệ* chuyên chú việc kinh kệ, Phật điển. **Truyện Sãi Vãi:** *Tham thiên đường phải giữ lòng lành, sợ địa ngục nên chùa thối dừ.*

⁶⁵ **Đã rằng niệm giữ hôm mai** 包浪念付歆枚, **Tốt duyên thì cũng có ngày siêu thăng** 卒緣時拱固昇超升: Ngày ngày tụng niệm giữ gìn [thân ý khẩu], nếu gặp cơ duyên thì được siêu thăng Tịnh Độ. Bản Nôm khắc chữ **hôm** 歆 phần chữ **âm** 音 sai thành chữ **tích** 昔.

Số là: Trên Linh tự đúc hình Phật ấy, Nên bạn hàng đem cúng của này⁶⁶. [Phải:] Chú này phải người ngày? Nói giống hình đũa đại làm vậy chú?

Trương Ngáo:

O! Các thím nói trên chùa Vạn Linh có đúc Phật, nên các thím đem đồ này lên cúng Phật chi? Chẳng biết cúng làm vậy bao chừ trả lại? Lờn những việc chi thím khá phân qua, đừng tôi trở về nhà, tôi biểu vợ tôi đem đồ đi cúng a các thím!

Liễu thị:

Á chú kia! Như người ta nơi xóm đem đồ tới cúng, là: Lưu tử tôn hậu thế, hưởng lợi lạc vô cùng. Bây chừ cúng có mười đồng, ngày sau trả mà quá chục. Kêu rằng cúng vốn là lời tục, Ngày sau khác thể cho vay⁶⁷. Hối là tích đức ngàn ngày, Thời cũng nhờ ơn muôn thuở đi đó chú a! (5b)

Trương Ngáo:

Tôi đem tiền đi chợ, Là: Quyết xuống đó mua hàng. Mà nay nghĩ lại: tôi có mua về bán cho bạn hàng là lời hỏng có bao nhiêu⁶⁸. Mà chừ mình làm hoang đi, dầu vợ la thời ta chẳng sợ vợ la⁶⁹. Không thèm xuống chợ làm chi. Ấu là đi thẳng lên chùa. Hèn chi thiên hạ người ta có nói rằng buôn gặp chầu, câu gặp chỗ. Như chỗ này mà chẳng buôn, chỗ nào mà mới nên buôn? Chỗ này mới đáng lời to, chớ thời sĩ hàng vật, thời mình vốn ít lắm mà. Ấu là: Mau mau dời gót, Chóng chóng tùy hành.

Thợ Đúc:

Mỗ biểu tự Tư Sanh, Chuyên nghề làm thợ đúc. Nói thời nói: chứ như nghề đúc, là cũng chẳng phải nghề thợ đúc. Số là nghề của dưỡng tôi, là cũng bởi có cô tôi. Số là tôi có một bà cô, cô tôi mới lấy chồng thợ đúc. Cô tôi mới bảo dưỡng tôi thời dạy tôi, nên bây chừ mới biết (6a). Tài hay đúc ầm đúc vôi, Lại biết hàn nôi hàn chảo nữa! Mà tôi dám đâu nói láo, Mà lại nói khoe hay mần răng? Như tôi nay: Tài đúc chuông đâu đó từng nghe. Còn như: Việc tượng Phật xa gần cũng rước chớ! Như tôi nay: Chùa Vạn Linh bữa trước, kêu đúc Phật hôm nay. Vậy thời ta phải kêu bạn bè, Thêm một hai người mới đáng chớ! Kêu các thợ tới đây, Đặng đem lên đó.

Các thợ:

⁶⁶ Trên Linh tự đúc hình Phật ấy 上灵寺鑄刑伏意, Nên bạn hàng đem cúng của này 年伴卦兜供貼尼: Trên chùa Vạn Linh đang đúc tượng Phật nên người đi buôn bán đem thức này thức kia đến cúng. Bạn hàng 伴行: Người đi buôn bán. Cũng như nhiều chỗ khác, ở đây chữ nên 年 đã bị khắc thành chữ sao 牢.

⁶⁷ Kêu rằng cúng vốn là lời tục 叫浪供本升廟俗, Ngày sau khác thể cho vay 粵姿恪俸朱爲: Tiếng thường nói là cúng, cúng bây giờ thì ngày sau gặp phước, được hưởng nhiều hơn, nói cách khác, cúng giống như cho vay. Ngáo chấp chữ dùng của thiên hạ cho nên chỉ nhớ có mỗi chữ vay mà thôi.

⁶⁸ Tôi có mua về bán cho bạn hàng 碎固謨術半朱半行, Là lời hỏng có bao nhiêu 升廟孔固包燒: Ngáo tính nếu mình có bỏ hàng đem về bán thì cũng chẳng té lời chi cho nhiều. Tính kỹ ha! Bạn hàng 伴行, bản Nôm chỗ này viết 半行. Không thể đọc bán hàng chỗ này. Có lẽ theo tác giả hai chữ Nôm 半 và 伴 thông. Chữ không/hổng 孔 vốn từ chữ không nói trại ra, chữ hổng người bình dân sử dụng nhiều vì dễ nói hơn, đúng theo ngôn từ của Ngáo.

⁶⁹ Mà giờ mình làm hoang đi 麻除驗夕荒移, Dầu vợ la thời ta chẳng sợ vợ la 油嬌羅時些庄咋嬌羅: Nếu bây giờ mình làm bậy [bỏ tiền vào lò đúc tượng], vợ có la rầy cũng trời kệ [vì nói cho cùng thì mình làm đúng]. Ngáo lý luận với chính mình để can đảm hơn trong hành động. Làm hoang 夕荒: hành động sai trái, không đi theo lẽ thường. Lục Vân Tiên: Gặp con gái tốt, làm hoang không nghĩ. Giờ còn nói đi hoang, chơi hoang, hoang đàng chi địa, hung hoang đàng từ.

Vậy thời: Mau mau dời bộ, kíp kíp đồng hành.

Loạn:

Biệt liễu gia trung đảo Vạn Linh,
Na từ viễn lộ bộ khinh khinh.
Tác thành ngọc tượng tòa trung miếu,
Chú đắc kim thân điện lý hình⁷⁰.

Hòa thượng:

Lão ông vô hoàn nguyện, Các thợ kíp nấu đồng⁷¹. Bồn đạo có lòng thành, Cho người vào lạy Phật.

Các bồn đạo:

Nam vô A Di Đà Phật!, Tôi thiện nam đẳng chúng, Cùng tín nữ thập phương. Dem vật mọn dâng lên, Đặng siêu thăng tiên cảnh⁷². **(6b)**

Trương Ngáo:

Úy a! Làm chi mà ngộ ngộ, Xem thấy rất xinh xinh. Trong thời lạy Phật tụng kinh, Ngoài lại lò lò đúc Phật⁷³. Bạn hàng coi rất chặt, Bồn đạo cúng sao nhiều! *Ấu là:* Xách tiền nọ cúng theo, Cho Phật kia lãnh lấy. *Á anh Phật:* Hôm nay cho anh vay năm quan tiền⁷⁴. Đã chịu chung của mỗ, Cho biết thừa ơn này⁷⁵. *Ấu là:* Kíp trở về nói lại vợ hay, Sau lên đó đặng đòi Phật trả *a!*

Hòa thượng, bồn đạo:

⁷⁰ **Biệt liễu gia trung đảo Vạn Linh** 別了家中到萬靈: Ta từ nhà đến chùa Vạn Linh, **Na từ viễn lộ bộ khinh khinh** 那自遠路步輕輕: Không ngại đường xa đi nhẹ nhàng thoải mái, **Tác thành ngọc tượng tòa trung miếu** 作成玉象座中廟: Làm nên cái tượng Phật trong chùa, **Chú đắc kim thân điện lý hình** 鑄得金身殿里形: Đúc xong rồi thì đặt lên trên điện. Bản Nôm khắc *na từ viễn lộ bộ khinh khinh*. *Viễn lộ* mới đúng văn pháp. Khắc nhầm.

⁷¹ **Lão ông vô hoàn nguyện** 老翁無完愿, **Các thợ kíp nấu đồng** 各署急煑銅: Mời các vị bô lão vô cúng trả lễ. Xin các thợ bắt đầu nấu đồng. Vị hòa thượng trụ trì cắt đặt sinh hoạt của buổi lễ. Chữ **kíp** 急 ngoài nghĩa là mau gấp, còn là tiếng để *chỉ sự sai biểu, ra lệnh*. Mời lão ông, còn các cụ bà đâu?

⁷² **Dem vật mọn dâng lên** 完物閑登進, **Đặng siêu thăng tiên cảnh** 仰超升仙景: Lời vái thông thường của người đời, câu chuyện này chuyện kia, có khi thì cho kiếp này, có khi thì cho kiếp sau. Chữ **mọn** 閑, bản Nôm viết thành chữ **bé** 閉, ở đây không thể đọc bé vì không xuôi câu.

⁷³ **Trong thời lạy Phật tụng kinh** 冲時懺伏誦經, **Ngoài lại lò lò đúc Phật** 外吏炉炉鑄伏: Sinh hoạt nhộn nhịp của ngày đặc biệt ở chùa. Trong chánh điện các thầy làm lễ đọc kinh, bên ngoài nhiều lò nấu đồng. Chữ **lò lò** 炉炉 chỉ nhiều lò nấu một lần. Cảnh rộn rịp, lằng xằng.

⁷⁴ **Hôm nay cho anh vay năm quan tiền** 歆盼朱要為齣覓錢: Góp phần vô chuyện đúc tượng, Ngáo coi như cho Phật vay! Chữ **quan** 覓 trong bản nôm khắc thành chữ **chỉ** 只. Vốn tiền xưa không có đơn vị là chỉ. Câu này chỉ có một vế, đó là lời nói giậm thêm, không kể như các câu nói lối có đối bình thường.

⁷⁵ **Đã chịu chung của mỗ** 包紹崇貼某, **Cho biết thừa ơn này:** 朱別使恩尼: Đã nhận tiền cũng như là *thế chung* cái chuyện tôi giúp ông, vậy ông phải nhớ ơn tôi đây nhé! *Chung:* chứng tích. **Thế chung** 勢崇, HTC, thế vì, giao cho làm chứng. Ngày nay thiên hạ hiểu lầm và nói sai thành thế chun/chân/chơn hiểu như là thế cái chun mình (bằng tiền bạc) không thể rút ra mà không bị thiệt hại.

Thằng ở đâu rất chướng, Nói giống đũa điên khùng. Nó đã lui khỏi am tiền, *Ta kíp* sắm sửa vô mà thỉnh Phật. *Chừ thời*: Tạm dùng lễ vật, Bỏ đạo hoàn công⁷⁶. Các người trở lại gia trung, Bỏ đạo lui về thảo xá.

X
XX

[6. Ba Bành đánh chửi chồng, Trương Ngáo đi đòi tiền Phật.]

Ba Bành:

Người ta lấy chồng mần răng mà có phước, Còn tôi lấy chồng ấy sao vô phước. Chẳng biết nó đại mà cho nên nó mất vía mất hồn⁷⁷. Thời tôi bữa trước tôi có vay năm quan tiền, (7a) Cho nó xuống chợ mua hàng mà bán. Từ xuống chôn thị trung, Sao chẳng thấy về gia nội? Thời đường xuống chợ là gần lắm mà! Chẳng cách non cách núi, Lại không cách biển cách giang chi mà. Hay nghe lũ mèo đàng, Bắt chước đồ chó điếm cho nên không về đây! Mà thôi! Vốn đây không thêm kiếm, Lòng cũng muốn làm nhơn. Mà làm nhơn sao với đũa đại này. Như: Tiền năm quan dầu nhần hết trơn, Tao nguyện đờn ba chục mưa hê trách số thôi!

Trương Ngáo:

Á, con mẹ Bành! Đi gặp chuyện này ngộ ngộ, Lại mừng mà rất xinh xinh lắm mày: Tao chẳng thêm mua nghệ mua tiêu, Thời cũng hóa trăm hóa chục đi mày!

Ba Bành:

Á, chú Ngáo! Làm sao hóa trăm hóa chục a chú Ngáo?

Trương Ngáo:

Số mày chẳng biết, Tao nói lại cho nghe. Từ tao gánh gánh năm quan tiền, tao xuống chợ, ai ngờ gặp người ta đúc Phật. Tao thấy những là kẻ xách tiền (7b), người xách bạc, đều đều tới cúng. Tao mới hỏi người ta chớ cúng làm chi vậy? Bọn hàng người ta mới nói: Rằng lời tục kêu rằng đi cúng mà thôi, chớ ngày sau [khác] thể cho vay. Tao mới cúng ráo tay, Rồi trở về bèn gót. Chớ tao lại coi: Cho vay nhằm người tốt, Chẳng phải kẻ nhà nghèo. Có tới ngày đã khỏi

⁷⁶ **Tạm dùng lễ vật** 暫用禮物, **Bỏ đạo hoàn công** 本道完功: Đã xong công việc, xin các bôn đạo tạm dùng những thức này. **Bỏ đạo** 本道, HTC, người theo một đạo, giữ một đạo. Từ này nay được thay bằng tín hữu, Phật tử..

⁷⁷ **Chẳng biết nó đại mà** 庄别奴瘦馬, **Cho nên nó mất vía mất hồn** 朱年奴忙瞶忙魂: Chắc là nó bị mất hồn mất vía vì bị ma giấu. **Đại mà** 瘦馬: bị ma giấu, bị lạc vô vùng mà không biết đường ra, khi ra được rồi thì ngơ ngơ ngẩn ngẩn. Niềm tin dị đoan xưa. Chữ **vía** 瞶 khác sai, phần bên trái của chữ **phách** 魄 dùng để hội ý đã bị khác sai thành **vong** 亡.

réo khỏi lời, Dầu có trả nữa đủ lời đủ vốn⁷⁸. Mà buôn bán chi cho nhộn, Ở không cũng có tiền mà! Chớ khinh mỗ rằng điên, Vốn thẳng này không đại⁷⁹ đâu mầy à!

Ba Bành:

Nghe lời khôn học lại, Thấy chúc quý bày qua. *Trong thế cho người ta vay cũng khá đó thể*⁸⁰. Cho nhà, đặt nợ, lại biết nhắm giàu nhắm vóc đó mà. Ba mươi đời thẳng đại, Tám mươi kiếp thẳng ngay. Phật chẳng là Phật ở Tây phương, Dầu có đi cúng, là người ta cúng theo thế. Cúng phải nhà có dư trăm dư chục, Hoặc là người làm tam thiên chẩn tế **(8a)**. Hoặc là ngôi thủy lục minh dương. *Ai có đi: Quần chẳng lành còn muốn cầu duyên, Áo thời rách ham bề tác phước*⁸¹ là tác phước làm chi vậy chớ? Tiền vay là tiền ót tiền tiêu mà mầy đem mầy cúng hết đi mà làm vậy chớ! Đừng trách thiếp hay cả riêng cả tôi!

Trương Ngáo:

Cúng Phật mà mắc tội, Cho vay lại phải đòn. *Hai bên thiên hạ mở con mắt mà coi cho rõ mà đi cúng. Coi con Bành là đứa gái khôn, Ai đi cứ ăn hiếp những thằng Ngáo đại đây này!*

Ba Bành:

*Hèn chi thiên hạ nói thiệt đà phải mà! Người khôn nói không lại, Đứa đại nói chẳng cùng. Từ tôi lấy thằng Ngáo những thuở cho đến nay: Tình nguyệt hoa chẳng thấy mặn nồng, Còn: Duyên bèo nước cũng đà lều lảo*⁸². *Các chị hai bên hàng xóm người ta không biết, kêu rằng anh Ngáo đại. Từ rày đừng kêu nó bằng anh. Phen này tôi nguyện tống bôi tống khứ*⁸³.

⁷⁸ Có tới ngày đà khỏi réo khỏi lời 固細得它塊噉塊雷, Dầu có trả nữa đủ lời đủ vốn 油固呂舛亂廁亂本: Cho người giàu có vay tiền thì khi đáo hạn khỏi mất công đòi, khi trả nợ thì họ có khả năng trả đủ. Lý luận có vẻ đúng, nhưng Ngáo quên có nhiều trường hợp tính vậy mà thực tế không phải vậy. Bản Nôm viết réo 噉 với bộ thủ 扌 thành ra chữ treo 撩, đáng lý dùng bộ khẩu, chuẩn hơn. Dầu có 油固: Nếu mà, nghĩa cổ.

⁷⁹ Chớ khinh mỗ rằng điên 渚輕某浪顛, Vốn thẳng này không đại 本倘尼空瘦: Đừng khi dễ rằng tao ngu ngốc. Biết bỏ tiền vô lò đúc Phật để cho Phật vay chứng tỏ tao không đại. Ngáo tự hào với hành vi mà mình đã lựa chọn. Như người đi tu, kẻ tại thế có thể nhìn như người không thực tế, lo chuyện kiếp sau, nhưng chính việc theo đường tu niệm chứng tỏ rằng người đó làm chuyện đáng làm, người đó không đại khờ gì hết, chỉ là do hai hệ thống đánh giá khác nhau mà thôi.

⁸⁰ Trong thế cho người ta vay cũng khá đó thể 冲世朱得些爲拱可妬妻: Người ta cho vay nợ cũng làm giàu được đó chứ. Đó thể 妬妻, Từ cổ, xưa dùng ở cuối câu khi xuống giọng mà tỏ ý xác định.

⁸¹ Quần chẳng lành còn muốn cầu duyên 裙庄苓群悶求緣, Áo thời rách ham bề tác phước 袄時衺歆皮作福: Lý luận thực tế. Lời trách cho thấy rõ quan niệm sống không cần tạo thiện duyên thiện nghiệp của Ba Bành. Câu thiệt là đầy hình ảnh cụ thể, quá hay!

⁸² Tình nguyệt hoa chẳng thấy mặn nồng 情月花庄体慢濃, Duyên bèo nước cũng đà lều lảo 緣灤渌拱它咄咄: Chuyện chăn gối anh Ngáo lơ lơ lửng lơ, có cũng như không. Năm khi mười họa hay chẳng chớ! Tình vợ chồng thì kỳ cục, vợ chẳng ra vợ chồng chẳng ra chồng. Bộc lộ nỗi lòng như vậy trách chi sau này Ba Bành chẳng nói với Lục Tồn rằng mình ước ao ‘*duyên xuân soi hàn cốc*’. Tình nguyệt hoa 情月花: Chuyện **ngũ** nghiêng loan phụng. Duyên bèo nước 緣灤渌: Nghĩa vợ chồng.

⁸³ Tống bôi tống khứ 送盃送去: Tiễn chén rượu đưa đi. Thành ngữ này có vẻ đúng hơn thành ngữ còn dùng đến ngày nay: *tống lời tống khứ*. Cái đặc biệt là HTC chỉ có **tống lời tống khứ** và cắt nghĩa rằng: đuổi quách, bắt một hai phái đi, không cho ở. Trong khi đó ông Hồ Biểu Chánh, quyển Thầy Chung Trúng Số, bản mới, nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn, 2005, trang 88 lại viết bằng *tống bôi tống khứ*: ‘*Có lẽ cô ta hư lắm, hoặc cô ta dữ lắm, nên chồng cô phải tống bôi tống khứ cô đó đi má.*’ Trích với sự dè dặt thường lệ vì rất nhiều khi sự biên tập làm sai lạc chữ dùng đặc biệt thuộc miền và thời đại của tác giả!

Trương Ngáo:

(8b) Con Bành sao rất dữ, mà nó đánh Ngáo quá đỗi hung? *Bây chừ, ta biết tính mần răng chớ?*

Ấu là: Kíp tới tự trung, Đòi tiền Phật đem về trả lại a!

Hát nam:

Đòi tiền Phật đem về trả lại,
Miễn khỏi đòn nào nài đường xa.
Và đi và khóc và la,
Nam mô A Di Đà Phật.
Quan Âm có biết Di Đà có hay?
Cửa thiền sen nở hoa bay,
Sương tan cõi tục gió sao hồi còn⁸⁴.

X
XX

[7. Trương Ngáo lên đường đòi tiền Phật.]

Lại nói:

*Úy a*⁸⁵! Anh Phật ngồi, Hỏi lại không thềm nói làm vậy *anh?* *Anh nghĩ lại coi:* Nghèo cực chi mà không trả? Nhà thời lợp ngói, Áo lại thép vàng⁸⁶. Anh thiệt bợm tòa khan, Chẳng phải người căn khâu⁸⁷. Sao anh không biết xấu, Mà chẳng hay lo. Cố li dễ ai cho, Làm diên rồi mà trốn⁸⁸. Tiền tôi thiệt tiền nhờn tiền nghĩa, Thời trả cái vốn cho tôi. Dầu không có đi nữa, Thời anh cũng

⁸⁴ **Sương tan cõi tục** 霜散埃俗, **Gió sao hồi còn** 靈牢埃群. Đến nơi Tây phương thì điều ô uế của cõi trần đã mất hết, nhưng sao vẫn còn những cực khổ cho tôi! Như một hơi thở ra não ruột cho bước đường dài khó nhọc đến Tây phương. Lời than còn tượng trưng cho sự cảm nhận nỗi khó khăn của chuyến tu hành.

⁸⁵ Chữ **úy a** 畏阿 trong bản Nôm đứng trước phần **lại nói** (hựu viết 又曰). Dem xuống câu dưới hữu lý hơn, chỉ sự ngạc nhiên khi Ngáo thấy Phật hiện ra trước mặt.

⁸⁶ **Nhà thời lợp ngói** 茹時笠瓦, **Áo lại thép vàng** 袂吏濕鑽. Ngáo nói rằng Phật ở chùa lợp ngói, lại mặc áo thép vàng. Nghĩa là Phật giàu có. Thường thì ít khi *chùa đất có Phật vàng*, hầu hết chùa đều lợp ngói tượng Phật lại là kim thân. Bản Nôm chữ *ngói*, dùng **ngõa** 瓦 đã bị khắc sai thành giống như chữ **bông** 茛.

⁸⁷ **Anh thiệt bợm tòa khan** 英寔佻座看, **Chẳng phải người căn khâu** 庄沛得根叩. Anh rõ ràng là người có tiền, xênh xang, chung diện, không phải người nghèo nàn khổ sở. Mấy từ **tòa khan**, **căn khâu** vốn là tiếng Tiều, đây giải thích theo HTC. Tôi nghĩ là ông HTC có dùng tuồng Trương Ngáo trong quá trình biên soạn quyển tự điển của ông. Đề ý HTC viết **tòa** 座 bằng **đại** 大, chữ này đọc theo giọng Tiều nghe lơ lợ giữa *tòa* và *tò*. Ngày nay người Việt ở vùng còn chịu ảnh hưởng của người Tiều như Sóc Trăng, Bạc Liêu, nói *tòa* thay vì *tò*. Vậy thì *tòa khan* tức là **đại khán** 大看, người *làm đại khán*, *làm tòa khan* là người chung diện, xe xua. Một kiểu với *mây râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao*.

⁸⁸ **Cố li dễ ai cho** 故漓易埃朱, **Làm diên rồi mà trốn** 夕殄耒麻逃. Ai chấp nhận ông li ra không chịu trả. Ai chấp nhận ông làm bậy rồi lánh đi nơi khác. **Cố li** 故漓: có điều sai lầm, có mang nợ, nhưng nhứt định không giải quyết. Tiếng nói nặng, cũng như chữ *làm diên* đều là giọng điệu của chủ nợ. Bản Nôm dùng chữ **diễn** 殄 để viết diên, vốn dùng âm phù **diên** 顛! PHS đọc/sửa chữ **diên** thành **thình**: *Làm thình rồi mà trốn*. Vô nghĩa nhưng có lẽ PHS muốn cho lời nói của Ngáo đối với Phật nhẹ nhàng hơn.

trả cái lời⁸⁹. Không thời anh bán cái vỏ cổ cái bành⁹⁰ mà trả cho tôi mới phải cho chớ (9a). Phen này cũng hết vì anh, Tôi quyết nhảy vào kéo áo⁹¹ cho anh coi nè!

Sư Sãi:

Thằng ở đâu lều láo, Làm những sự đại ngây. *Phật làm sao mà mây kéo áo a thằng kia?*

Trương Ngáo:

Ó! Các chú binh anh Phật, thời tôi nói lại cho các chú nghe. Số là bữa trước, tôi có cúng cho anh năm quan tiền. Tôi tưởng một hai ngày anh trả lại cho tôi. Ai ngờ là anh không đem anh trả cho tôi. Tôi mới về nhà, vợ tôi nó đánh tôi. Bởi vậy tôi quyết tới đòi tiền. Nguyên không tha anh Phật thôi mà!

Sư Sãi:

Thằng kia! Của cúng là của mất, Phật đây thiệt Phật đồng. *Mây muốn đòi, chỉ cho mây đòi.* Nơi Tây phương thiệt tích thiệt tung, Còn đây am tự là tranh là tượng chớ có Phật đâu đây mà mây đòi!

Trương Ngáo:

Thôi! Lấy của tôi cho sượng, Mà lại trốn cho xa. Muốn không đòi lại sợ vợ la, (9b) Bằng không hỏi ắt là nó đánh. *A các chú! Âu cho tôi một gói com.* Là com kia mang cánh, Cây nọ cầm tay. Quyết thẳng tới Tây phương, Đặng đòi tiền trả lại.

Hát nam:

Quyết tới đòi tiền trả lại,
Xa xem đường đức Phật hình dong.
Quần bao điều tích hồ tông,
Hang tiên đã trải non thần lại qua⁹².

X
XX

⁸⁹ **Đầu không có đi nữa** 油空固移女, **Thời anh cũng trả cái lời** 時英共呂丐利: Nếu không tiền trả cả vốn lời thì anh cũng phải trả tiền lời. Ngáo nói lộn xộn chỗ này, hay là muốn nói bây giờ anh tạm trả lời còn cái vốn để sau này rồi tính. Nói theo kiểu nhon đức thất hòng người nghèo của tui cho vay cắt cổ thiên hạ! Bản Nôm viết chữ **cũng** 共 sai thành **chẳng** 庄. PHS sửa thành chữ **phải**: *thời anh phải lo trả cái lời.*

⁹⁰ **Bán cái vỏ cổ cái bành** 半丐鉢故丐彭, **mà trả cho tôi** 麻呂朱碎: Nếu không có tiền thì bán cái búa, cầm cái bành đi để lấy tiền mà trả cho tôi. Vì hình ảnh đức Phật đi đôi với con voi nên Ngáo mới nói chuyện **vỏ** (búa để điều khiển voi) và **bành** (ghế lớn đặt trên mình voi.) Bản Nôm viết chữ **vỏ** bằng bộ y! PHS không hiểu chữ **vỏ** là **búa voi** nên đọc là **khó**: *Anh phải bán cái khó cổ cái bành.* Phật không bán khó. Phật cũng chẳng mặc áo bành-tô.

⁹¹ **Phen này cũng hết vì anh** 番尼共歇為英, **Tôi quyết nhảy vào kéo áo** 碎決踮匍捫袂: Lần này không còn kiêng **nể** gì anh nữa, nắm áo [để đòi tiền]. **Vì** 為: kiêng vì, vị nể. **Kéo áo** 捫袂: nắm áo có hai nghĩa như là đòi nợ, vói vĩnh, như là một sự yêu cầu che chở. Ta nên hiểu kéo áo ở đây tượng trưng sự người tu hành tìm về những giúp đỡ của Phật, kinh tạng, để đến được giác ngộ.

⁹² **Quần bao điều tích hồ tông** 晉包鳥跡胡宗, **Hang tiên đã trải non thần lại qua** 壻仙匱蹊崇神吏戈: Không quần ngại đường đi xa, qua hang qua núi. **Điều tích hồ tông** 鳥跡胡宗, cũng như chữ dấu thỏ đường dê, chỉ đường xa. Tác giả dùng các chữ đẹp lời hơi nhiều trong câu này, cũng như chữ hang tiên non thần 壻仙崇神, chỉ có nghĩa hang và núi, không nhứt thiết là các chỗ linh thiêng có tiên có thần.

[8. Ba Bành kết với Lục Tồn.]

Lục Tồn:

Ba Bành vay tiền tháng, Nay tính đã quá ngày. *Nghĩ lại thấy con mẹ Ba Bành mà tiếc.* Tài buôn bán nên khôn, mà nó: Lấy chồng sao quá đại⁹³. Mình ngay như ông bề, Hình đen quá cục than. Ăn nói đã vô duyên, mà: Bán buôn đã lếu lảo. *Phải chi:* Dây tơ hồng xe lại, Lá hồng điệp xui vô. Nàng cùng ta chấp nối cầu ô thời mới xứng đó là [kết] duyên chồng vợ. *Nói thời nói vậy, người ta có chồng, nói mần rằng choặng.* Gia đình! Qua kêu Liễu thị, Đặng nói sự tiền. Trước kiểm lời thử dạ thiên duyên, Sau đòi nợ ướm lòng mỹ nữ⁹⁴. **(10a)**

Ba Bành:

Nghĩ lại, vợ chồng ai như vợ chồng tôi nay: Chồng đánh vợ vốn đã thường sự. *Còn vợ chồng tôi nay:* Vợ đánh chồng cũng có lạ đời. *Thằng làm sao nó đại cha chả là đại! Ai đi:* Lấy tiền vay cúng Phật cúng Trời, *Đã chẳng lo việc đi buôn đi bán.* Như đuổi nó đi cũng đáng, *Đề nó ở lại thêm phiền*⁹⁵. *Như tôi đuổi nó đi tới nay, có nghe thiên hạ người ta đồn rằng:* Nó đã lên chốn Tây phương, Theo đòi Phật qua miền Nam Cực. Trong thế hùm đã ăn cạp đã bắt nó rồi. Thảm kiếp thằng Ngáo đại, Phên nầy cũng thác đưa ngầy. *Tao tưởng cũng không còn, Như phần nó đi thời đã xong rồi.* Tiền tôi vay của cậu Lục Tồn, Tính vốn lời đã đầy một chục. *Nói thời nói, chớ như cậu Hộ nầy, cái người ở cũng đã phải thế lắm.* Biết thế đãi kẻ thanh người tục, Không so đo kẻ khó người nghèo. *Ai đi:* Nợ tôi **(10b)** ngày mà chẳng hỏi chẳng kêu, Cho qua bắt cũng không làm đầy làm tở⁹⁶. *Như cậu Hộ nay:* Nhà tuy có vợ, mà lại không con *thời tôi cũng muốn nhảy vô mà tôi làm bé lắm đó chút.* Thà lấy một chồng khôn, còn hơn muôn chồng đại⁹⁷ *chớ.* *Muốn thời nói vậy chớ người ta có thêm dẫu.*

Gia đình:

Bác Hộ tôi bèn dạy, Sang hỏi thăm sự tiền. Vì nay đã quá ngày, Chẳng thấy đem qua mà trả.

Ba Bành:

⁹³ **Tài buôn bán nên khôn** 才奔半年坤, **Lấy chồng sao quá đại** 褻馱牢過癡: Lục Tồn thấy mọi chuyện của Ba Bành đều hay, và tiếc cho cô ta lấy phải thằng chồng ngu hèn quá thế. Câu nói mở đầu ý định phải chiếm Ba Bành cho được của ông chủ giàu nhờ cho vay! Chữ **sao** 牢 bản Nôm khắc chữ **nên** 年. Âm *nên* chỗ này không ổn vì về trên đã có chữ nên rồi.

⁹⁴ **Trước kiểm lời thử dạ thiên duyên** 畧釵廁此夜单洵, **Sau đòi nợ ướm lòng mỹ nữ** 姿隊芟厭弄美女: Tính trước những kẻ sách, dùng lời để thử lòng, dùng tiền nợ để câu mồi, Lục Tồn quả xứng với cái tên! Câu đối xứng nhịp nhàng. Bản Nôm **thiên duyên** 单洵 đã bị khắc sai thành **cho quen** 朱洵. Thiên duyên đối với mỹ nữ. *Cho quen* không có chỗ đứng ở đây.

⁹⁵ **Như đuổi nó đi cũng đáng** 如逝奴移拱當, **Đề nó ở lại thêm phiền** 底奴於吏添煩: Cách nói của Ba Bành cho ta thấy cô nàng đã có chủ tâm. Biết con người không thể gặp được Phật mà cô nàng vẫn bắt Ngáo đi Tây Phương để đòi tiền chẳng khác nào đuổi cổ Ngáo ra khỏi nhà luôn! Bản Nôm chữ **nó** 奴 khác sai thành **như** 如.

⁹⁶ **Cũng không làm đầy làm tở** 供空夕苔夕伺: cũng không làm khó dễ, không làm kiêu chủ đối với tôi tở. **Đầy tở** 苔伺, tiếng nói trại của **thầy tở** 柴伺.

⁹⁷ **Thà lấy một chồng khôn** 他樸艾馱坤, **Còn hơn muôn chồng đại** 群欣門馱癡: Chì chàng này cũng ghê lắm. Ngấm nghe. Lăm le. Người khoái thích chồng khôn giàu trên đời không thiếu.

Bậu về trước thừa qua trưởng hạ, Qua [qua] sau nổi gót gia trung⁹⁸. Cậu là kẻ bao dung, *Chớ* chẳng phải người hẹp lượng mà!

Hộ Tồn:

Mẹ Ba Bành mới tới, *Chớ* còn thằng Ngáo đi đâu⁹⁹. Bầy kíp lấy trầu cau, Mau mau vô nấu nước. *Ở này!* Sự tiền ngày trước, Tính đã quá ngày. *Chớ như ta:* Minh tưởng nghĩa xưa sau, *Cho nên:* Chẳng nỡ cho đòi hỏi¹⁰⁰.

Ba Bành:

Thưa cậu Hộ là: Cậu nói tôi cũng biết ơn. Tiền cậu là tiền (11a) nghĩa tiền nhơn, Chồng tôi lấy nó đà làm khùng làm khịu¹⁰¹ *cho nên tôi lo khôngặng cho cậu. Dạ thưa cậu*¹⁰²: Bầy chừ tôi chịu khổ, nó đã trốn đi xa. *Thưa cậu:* Ai đi, *Cái thằng nó đại làm sao, cha chả là đại:* Đem năm quan mà bỏ vô lò. Tiền đã tiêu ra kềm, nó còn theo Phật mà đòi tiền lại. Nó đi đã hai ba tháng nay thời đã lâu. Nó đi khùng đi đại, Đà thác bụi thác bờ. Bầy chừ tôi là đàn bà, biết lo mản rãng đặng mà trả cho cậu. *Dạ, dám thưa cậu:* Phải kiếm nơi gởi phận trao duyên, Rồi tôi sẽ tính lời tính vốn¹⁰³ *mới đặng cho mà!*

⁹⁸ **Bậu về trước thừa qua trưởng hạ** 倍術畧疎戈帳下, **Qua [qua] sau nổi gót gia trung** 戈[戈] 婆娑躋家中: Em về thừa là chị sẽ qua sau. Giọng thiết giọng của người trên trước, **bậu** 倍 với **qua** 戈. Như là Ba Bành đã đánh hơi được tiền trình của mình với chủ của tên gia đình. Về sau thiếu chữ, chắc là người khắc nghĩ rằng chỉ một chữ **qua** 戈 mà thôi.

⁹⁹ **Mẹ Ba Bành mới tới** 娼母彭買細, **Chớ còn thằng Ngáo đi đâu** 渚群倘堯移堯: Hộ Tồn chào người đàn bà tới nhà mình và hỏi về chồng người ta. Buồn cho Ngáo là kẻ dòm dèm vợ mình lại cũng kêu mình bằng thằng, thằng Ngáo. Tôi không hiểu rõ lắm tại sao Hộ Tồn lại dùng chữ *mẹ* để gọi Ba Bành, xưng hô theo cách con mình ngày nay nhà giàu ưa dùng chẳng?

¹⁰⁰ **Minh tưởng nghĩa xưa sau** 聯想菱初娑, **Chẳng nỡ cho đòi hỏi** 庄芟朱隊晦: Tôi nghĩ đến mối thâm tình từ trước đến giờ nên không đành hỏi tới hỏi lui. Lục Tồn đánh phủ đầu nhưng nhắc đến chuyện nhơn nghĩa. Chữ **minh** 聯 thiết là thân mật, quá hơn sự thân mật thường có của người chòm xóm hay giữa chủ nợ/con nợ. **Nghĩa xưa sau** 菱初娑 cũng là chữ hai nghĩa nhưng chắc Lục Tồn muốn nói đến chữ **sau** 娑, Ba Bành thông minh nghe qua chắc chắn là biết tông tông tong!

¹⁰¹ **Nó đà làm khùng làm khịu** 奴它少窮少昭, **Cho nên tôi lo khôngặng** 朱年碎卢空叩: Nó đã làm điên làm khùng, làm chuyện trật lất, không giống ai [là bỏ tiền vô lò đúc Phật], bây giờ tôi chạy tiền không ra. Tác giả cho nhân vật nói theo cách nói ngoài đời rất đạt (làm khùng làm khịu, lo khôngặng. Lo có nghĩa là chạy tiền để trả nợ.)

¹⁰² **Dạ thưa cậu** 渚疎舊: Bầy giờ tôi chịu khổ 悲除碎艱苦, **Nó đã trốn đi xa** 奴佻迤移除: Câu nói của Ba Bành ngắn nhưng dễ động lòng khách đa tình. 1. Nói năng rất lễ phép, *có dạ có thưa* đàng hoàng. 2. Than cảnh khổ mà mình đang chịu đựng một mình ên. 3. Cho thấy thằng chồng vô trách nhiệm, nó làm tùm lum rồi bỏ trốn đi xa. Chữ **dạ** 渚 bản Nôm khác thành **chớ** 渚. Có thể đem chữ **chớ** 渚 này lên cuối câu trên. Hai câu liên tiếp sẽ thành: *Cho nên tôi lo khôngặng chớ. Thưa Cậu...* Câu như vậy cũng có nghĩa nhưng đó không phải là cách nói lễ phép cố tình của Ba Bành. PHS thấy kỳ kỳ chỗ chữ **chớ** 渚 này nên đã bôi bỏ, không phiên âm. Thật ra đó là chữ **dạ** 渚 viết luông tuông..

¹⁰³ **Phải kiếm nơi gởi phận trao duyên** 沛釵尼改分拌緣, **Rồi tôi sẽ tính lời tính vốn** 來碎仕併廟併本: Nói kiểu này thì Ba Bành đã đi guốc trong bụng của Lục Tồn. Biết Lục Tồn khoái mình chí tử, chị chàng nhá cạnh là mình cần lấy chồng. Mối đã thả trước mặt con cá lượn lơ chỉ muốn cắn câu. Sự thế phải xảy ra như vậy thôi. Đề ý chữ '*tính lời tính vốn*', nhóm chữ này có nghĩa như '*Cậu muốn gì cũng được.*'

Lục Tồn:

Chừ thím nói thẳng Ngáo nó đà thác đường thác sá rồi. Bây chừ thím tính lấy chồng lo tiền trả lại cho tôi¹⁰⁴. Kiếm nơi nào cho nhộn, Đồi này cũng có chồng¹⁰⁵, Muốn cho sánh kẻ lâu hồng, Thèm kiếm những người nhà bạc, Như ta: Đãi cảnh dễ từ phần (11b) lạt, [Vây] vườn xuân đâu cắm hoa tàn¹⁰⁶. Đó đâu chỉ chấp tư loan, Đây cũng noi theo cầu thước. Thời thuở trước Tào Mạnh Đức lập đài Đồng Tước, là cũng Muốn cho sánh đặng nhị Kiều hướng chi nàng! Hãy ung ta đi, Đừng đừng lo cực lo nghèo, thiếu chi tiền bạc mà lo [mà] sợ!

Ba Bành:

Lượng cả người đà gánh vác, Lòng ngây tôi dám đơn sai¹⁰⁷. Hạnh nhờ bên nước mười hai, May đặng dương xuân lai hàn cốc¹⁰⁸.

Lục Tồn:

Đây đã có lòng ái ốc, Đó cho biết chữ tề mi¹⁰⁹. Đan tay trở lại phòng vi, Hiệp mặt vào nơi tỉnh xá¹¹⁰ hề!

Những kiểu nói nói như thế này với cách diễn tả hơi tình cảm của đào thương là nguồn gốc của sự biến thể của tuồng hát bội.

¹⁰⁴ **Bây chừ thím tính lấy chồng** 悲除嬸併褪, **lo tiền trả lại cho tôi** 卢錢呂吏朱碎. Lục Tồn nhấn mạnh đến lý do kiếm chồng của Ba Bành, cái lý do mà anh ta có dư điều kiện hơn người khác: *tiền*. **Lo tiền** 卢錢: Giống như *lo* có nghĩa chạy tiền, kiếm tiền, làm sao cho ra tiền để trang trải điều cần thiết. Chữ **tiền** 錢 bộ kim 金 bản Nôm viết bằng bộ túc 足, không đúng.

¹⁰⁵ **Kiếm nơi nào cho nhộn** 釵尼市朱閨, **Đồi này cũng có chồng** 對尼拱固馱: Kiếm tìm ở đâu chi cho mất công, ở đây cũng có chồng vậy. **Nhộn** 閨: mất công, HTC, *nhộn*, rộn ràng. **Đồi này** 對尼: khúc này, chỗ này. Các chữ *nhộn*, *đồi này* quá hay, giống như chữ *giùm*, chữ *trợ* ở trên. Nói ra được câu này là Lục Tồn đã bắt lời hé ra của Ba Bành rồi, có thể anh ta đi trước một bước là đằng khác!

¹⁰⁶ **Đãi cảnh dễ từ phần lạt** 臺境易自粉落, [Vây] **vườn xuân đâu cắm hoa tàn** 囡園春堯禁花殘: Ý chàng Lục Tồn nói mình cũng chịu người đã qua một hai đời chồng, không chê gì đâu, đừng ngại. **Phần lạt** 粉落, **hoa tàn** 花殘: Chỉ người đàn bà đã qua thời con gái xuân sắc. Dùng những chữ này Lục Tồn quả thật là người không có chút kiến thức về tâm lý phụ nữ, nói để cho được lòng nhưng cũng dễ mất lòng. Câu này như là dư chữ *vây* 囡, sự hiện diện của nó làm câu mất cân đối.

¹⁰⁷ **Lượng cả người đà gánh vác** 量奇得佗梗博, **Lòng ngây tôi dám đơn sai** 弄考碎敢单差: Người có tầm lòng quảng đại mà lo lắng cho tôi, phận ngu hèn tôi đâu dám làm điều gì quấy (từ chối cũng là điều quấy.) **Tôi dám** 碎敢: Tôi đâu dám, tôi chẳng dám, tôi dám đâu. Cách nói ngày xưa, ta phải hiểu bằng toàn thể mạch văn.

¹⁰⁸ **Hạnh nhờ bên nước mười hai** 幸洳洩渌辻仁, **May đặng dương xuân lai hàn cốc** 埋叩陽春來寒谷: Thân phận phụ nữ lấy chồng may rủi, tôi may mà được như cảnh ánh nắng Xuân soi thấu tới hang lạnh. Chỉ mình may mắn thân bèo bọt được đoái hoài. *Dương xuân lai hàn cốc*, Ba Bành dùng thuật ngữ gọi tên các tiết trong năm, nhưng ở đây lại mang hình ảnh tục trong khi câu 'Đãi gương soi đến dấu bèo cho chằng' thanh nhã biết bao nhiêu!

¹⁰⁹ **Đây đã có lòng ái ốc** 低包固弄愛屋, **Đó cho biết chữ tề mi** 妬朱別字齊眉: Anh đã thương em thì em hãy hết lòng với anh. Chàng Lục Tồn nói như vậy rồi, thế mà sau này nàng Ba Bành lại mảy tao mi tớ và 'nói năng linh tinh'... **Ái ốc** 愛屋, do chữ *ái ốc cập ô*: thương nhà thương cả con chim đậu ở trên mái nhà. Đây chỉ mang ý nghĩa *thương*. **Tề mi** 齊眉, do chữ *cử án tề mi*, tích nàng Mạnh Quang đối xử với chồng rất cung kính.

XX
X

[9. Anh Trương Ngáo gặp nàng Như Ý.]

Trương Ngáo:

Cơm đỡ dạ no lòng ba miếng, [Áo] che thân còn có một manh¹¹¹. Tôi chẳng giận con Bành, Cũng tại nơi anh Phật¹¹². Ảnh tường trốn xa cho chắc, Làm sao tôi cũng theo anh. Xông sương bao quản thân này, Lướt gió dễ từ sức Ngáo¹¹³.

Hát nam:

Lướt gió dễ từ sức Ngáo
Dặm bao nài điều đạo nguy nga,
Bãi nhân vượn hú lân la.
Suối (12a) đàn chập trời, non hoa phơi màu¹¹⁴.
Dặm cù nhẹ tách mau mau,
Kiếm nơi bóng mát, ta hầu nghỉ chun.

Lại nói:

Đi thời chưa tới nơi, Phút mình đã thêm mỏi. Đường thời xa, trời thời tối, Nghỉ một hai chập rồi ta sẽ đi. *Ớ!* Nhà ai mà vùi vọi, *Áu là:* vô đó nghỉ chun¹¹⁵. Phút xem thấy xa xa, Khoái khoái bấy lòng ta, *Mà* mừng mừng thay dạ mỗ. *Áu là:* Mau mau chun tới đó, Đặng nghỉ mát ăn cơm.

¹¹⁰ **Dan tay trở lại phòng vi** 江栖阻吏防回, **Hiệp mặt vào nơi tĩnh xá** 合麵包尼静舍: Dắt tay nhau vào phòng trong, ngựa nghiêng loan phụng. Chữ *dan tay* bản Nôm viết bằng **giang tay** 江栖, đó là cách viết theo thói quen.

¹¹¹ **Cơm đỡ dạ no lòng ba miếng** 餚拖拖奴弄匹晚. [Áo] che thân còn có một manh [袄] 雯身群固蔑萌: Đi đường xa xôi cực nhọc, ăn uống kham khổ thiếu thôn, quần áo rách bươm. Về sau thiếu chữ, tạm thêm chữ áo 袄. Chữ **cơm** 餚 phần chữ **cam** 甘 đã bị khắc thành **nhĩ** 耳.

¹¹² **Tôi chẳng giận con Bành** 碎压陣昆彭, **Cũng tại nơi anh Phật** 拱在尼英伏: Ngáo bây giờ đã bước đầu giác ngộ và biết cởi bỏ những hệ lụy. Không còn nhớ đến cuộc đời đã qua với những giận hờn thù nghịch, chỉ nhớ đến mục đích là đến với Phật pháp, Phật tính, giải thoát. Câu hay, hai nghĩa, khó tìm thấy trong những tác phẩm tương tự đồng thời.

¹¹³ **Xông sương bao quản thân này** 衝霜包晉身尼, **Lướt gió dễ từ sức Ngáo** 例露易自飭堯: Không quản ngại đường xa gian khổ đi trong mưa gió sớm khuya. **Xông sương** 衝霜, **lướt gió** 例露: Những gian nan trên cuộc hành trình. Về mặt văn chương, các chữ *xông sương lướt gió* chỉ có tính cách ước lệ, (hoặc là nói theo người xưa) về mặt tượng trưng đây chỉ những khó khăn trên con đường tu hành, tìm hiểu chân lý.

¹¹⁴ **Suối đàn chập trời** 涇彈毗睨, **Non hoa phơi màu** 巢花抔牟: Núi đầy hoa khoe sắc thắm, suối róc rách **trỏ** tiếng đàn. Trên đường đi cũng có lúc Ngáo thưởng thức cảnh đẹp của thiên nhiên. Tả cảnh thiên nhiên là điều cần thiết của Hát Nam (văn), phần kỹ thuật trong tuồng dùng diễn tả sự di chuyển của nhân vật và nói nơi nhân vật đó đến. Chữ **màu** 牟 bản Nôm khắc thành **sao** 牢!

¹¹⁵ **Nhà ai mà vùi vọi** 茹埃麻倍倍, **Vô đó nghỉ chun** 冇妬喧真: Nhà ai ở xa tít đằng kia, mình vô đó tạm trú nghỉ mệt. **Vùi vọi** 倍倍: xa xa. Có câu: *Đường xa vùi vọi dặm dài chơi vơi*. Bản Nôm chữ **ngĩ** 喧 viết không đúng cách, chữ này thường được dùng để viết chữ **nghe**.

X
XX

Như Ý:

Quê ngụ quận Lữ Châu, Thiếp nay Hà Như Ý. *Như thiếp nay*: Hai thân đã sớm về sông Vị, Một mình còn gởi phận cội tùng¹¹⁶. Lều một căn vui thú thông dong, Tác ba tám lữ duyên trắng gió¹¹⁷. *Tôi nghĩ*, tôi cũng không vụng về chi, Ấy hẳn rằng mà¹¹⁸: Bạc phận vụng duyên bất tin lá đỏ, vườn đào vắng dạng chim xanh¹¹⁹. Từ tôi lập cái quán ra đây mà tôi bán quán. Tôi cũng chẳng nghèo cực chi, mà tôi phòng bán nghe! Cùm (12b) lều tranh đợi khách hữu tình, *Cho nên phải*: Cất quán đặng hẹn duyên tác hợp.

Lại nói:

Ấy ai ngồi quán thiếp, Sao chẳng thấy mua trà. Đi đâu có gian nan, Đường hình dong lặt đặt *lầm vậy chú?*

Ngáo:

Ta đi lên anh Phật, tới đây phút lỡ đường. Đói lòng cũng muốn ăn hàng, Cực nổi mình không tiền bạc¹²⁰ *chớ!*

Như Ý:

Chẳng hay là Phật bà con chi với chú, Cho nên chú lên Phật *a chú?*

Ngáo:

Thím chẳng biết tôi nói lại cho thím nghe. Số là bữa trước tôi có cho ảnh vay năm quan tiền. Nay tiền đã tới ngày, nên tôi mới lên mà hỏi.

Như Ý:

¹¹⁶ Hai thân đã sớm về sông Vị 仁親包彘術淹渭, Một mình còn gởi phận cội tùng 汶驂群改分檜松: Cha mẹ đã mất sớm, một mình sống trong rừng. **Cội tùng** 檜松, tiếng một phần dùng chỉ cho toàn thể, một gốc tùng chỉ rừng. Sự cô đơn của nàng Như Ý. Càng đơn chiếc hơn khi quá tuổi lỡ duyên.

¹¹⁷ Lều một căn vui thú thông dong 撩汶根盃趣從容, Tác ba tám lữ duyên trắng gió 索巴粼呂緣陟靄: Hai mươi bốn tuổi (3x8) chịu phận làm gái lỡ thời, sống an nhàn trong một gian lều nhỏ. Tác ngoài nghĩa là vóc vạc còn có nghĩa là tuổi. *Bạn tác* là bạn hữu cùng lứa. HTC cho thí dụ *người tuổi tác* là người già cả. Bản Nôm tác 索 viết sai thành tố 素! Tác không thể đọc nôm là *tuổi* được.

¹¹⁸ Tôi cũng không vụng về chi 碎拱空奉術之, ấy hẳn rằng mà 意芒凌麻: Như Ý tự hỏi mình cũng tài mao sao lại... (tới giờ không ai gả ghe). Câu hỏi chỉ cốt giới thiệu rõ hơn cho khán giả biết là Như Ý lỡ duyên lớn tuổi chưa chồng. Chữ *hẳn rằng* bản Nôm viết **mang rằng** 芒凌.

¹¹⁹ Bạc phận vụng duyên bất tin lá đỏ 泊分涇緣拔信萼赭, Vườn đào vắng dạng chim xanh 園桃永僂駘撐: Vô duyên xấu phận cho nên ế chồng, cũng chẳng ai trao đổi thơ từ tán tụng gì hết. Chữ **vụng** 涇 ở đây khác với chữ **vụng** 奉 trên đó vài chữ! Chữ 涇 vốn dùng để đọc **dòng**, nhưng *bạc phận dòng duyên* chắc không hợp ý tác giả bằng *bạc phận vụng duyên*. **Vắng dạng chim xanh** 永僂駘撐: không có ai đưa thư tỏ tình. Bản Nôm viết **vắng dạng non xanh** 永僂巢撐, vô nghĩa. Chắc là sai lầm từ thợ khắc.

¹²⁰ Đói lòng cũng muốn ăn hàng 餓弄共悶啖翰, Cực nổi mình không tiền bạc 極湊窮空錢白: Bụng trống trơn muốn kiếm món gì ăn, nhưng khổ là trong túi vắng hoe. Ngáo thiệt là thiệt tình, nói hết hoàn cảnh hiện tại của mình. Câu nói thể hiện sự chơn chất vô tâm, đó cũng là điểm mạnh của Ngáo. Tất cả sự thành công cũng từ đây mà ra. Chữ **cũng** 共 đã bị khắc sai thành kỳ 其. Chữ **hàng** 行 đã được dùng bằng chữ Nôm Nam hàn 翰. *Ăn hàng*, tức ăn bánh ăn hàng, ăn quà, ăn gì đó, nhưng không phải là ăn cơm. Sau này từ *ăn hàng* bị dùng theo nghĩa bóng có nghĩa là *ăn cướp*.

Bỗng nghe qua lời nói, Đường nghĩ lại nực cười. Thuở nay mới thấy một người, Mà đi đòi nợ Phật. Chú nói chơi hay là nói thiệt *a chú?* Như chú có lên Tây cảnh, Thời tôi nhẩn một lời¹²¹. Xin bạch quá Như Lai, Dám hỏi Hà Như Ý. Duyên hải có sao mà chích bạn, **Chú (13a)** *bạch với Phật cho rõ cho tôi nhờ chút phước*. Có một người ở quận Lư châu, Tên tôi là Hà Như Ý. Từ thuở mười lăm cho chí hai mươi ấy. *Ấy mần rằng mà:* Phận bạc duyên đơn, Không chồng không con *chỉ rửa chú!*

Ngáo:

Trong thế thím này thím muốn lấy chồng cho nên thím bảo tôi hỏi. Hỏi thì tôi hỏi cho thê. Một bữa cơm cho Ngáo no lòng, Trăm việc nữa thời tôi cũng hỏi *cho mà!*

Như Ý:

Như dầu không hỏi, *Thời* tôi cũng dọn cơm. Tam dùng ba miếng rau thơm, Mặc thích cà tương mắm sống¹²². *Bớ chú Ngáo đi vào mà ăn cơm!*¹²³

Ngáo:

Hào a! Cơm ăn đà no bụng, Đường xa bao quản ngàn trùng. Kíp từ giã quán trung, chỉ Tây phương thượng lộ.

Hát nam:

Kíp chỉ Tây phương thượng lộ,
Quyết lên miền phương trượng Kỳ viên.
Gian nan vì bởi đồng tiền¹²⁴,
Miễn cho trảặng dễ nài đường xa.

Lại nói:

Ta nghe thiên hạ người ta nói rằng: Hễ là Phật vô **(13b)** lượng vô biên, hoặc khứ hoặc lai *thời hằng có*. Tôi e tôi lên đến đó mà anh Phật ảnh ản tôi đi chẳng? *Tôi nói thiệt:* Ảnh có tàng hình về chốn Thiên Thai nữa đi, thời tôi nguyện liễu mình theo lên Nguyệt Điện¹²⁵.

Hát nam:

¹²¹ **Chú có lên Tây cảnh** 注固达西境, **Thời tôi nhẩn một lời** 時碎仍艾廁: Như Ý tin tưởng sự lên đường của Ngáo nên mới nhẩn nhờ hỏi. Điều này tượng trưng cho sự tu hành của ta nếu tỏ ra được đầy đủ viên mãn thì tạo nên sự tin tưởng của người khác, từ đó người ta sẽ hỏi mình về chuyện tu hành vân vân... Bản Nôm viết **nhẩn** bằng giọng Nam, **nhẩn** 仍.

¹²² **Tam dùng ba miếng rau thơm** 暫用匹晚葵蕒, **Mặc thích cà tương mắm sống** 麵適橄將鱖豉: Lòng chơn thành là được, có gì ăn nấy. Các món ăn rau thơm, mắm sống tương cà thiệt là gần gũi với chúng ta, món của quê dân dã. Bản Nôm khắc lầm chữ **dùng** 用 thành chữ **châu** 周.

¹²³ **Bớ chú Ngáo đi vào mà ăn cơm** 叻注堯移飠麻唉咁: Sự kêu lớn như vậy chỉ có tính cách kịch, cho biết cơm đã dọn xong. Chữ **bớ** ở đây cốt tạo cho khán giả tiếng cười, điều cần thiết cho buổi diễn, nhưt là tuồng khôi hài. Chữ **bớ** 叻 khác sai thành **dấu** 晒.

¹²⁴ **Gian nan vì bởi đồng tiền** 艱難爲罷銅錢, **Miễn cho trảặng dễ nài đường xa** 免朱呂邛易奈唐除: Câu sao mà thâm thía! Ngáo than cho mình mà cũng là than chung cho mọi người trong kiếp nhân sanh, luôn luôn phải loay hoay với chuyện tiền bạc.

¹²⁵ **Ảnh có tàng hình về chốn Thiên Thai** 要固臧形術准天台....., **theo lên Nguyệt Điện** 躋蓮月殿: Lời xác quyết theo tới cùng của Ngáo. Ngáo nói có vẻ lộn xộn chẳng đâu vô đâu. Phật chẳng lên Thiên Thai, Đó không phải chỗ của Phật. Phật cũng chẳng lên Nguyệt Điện. Đó cũng không phải chỗ của Phật. Có chăng ta phải hiểu Thiên Thai, Nguyệt Điện là những hình ảnh nơi chốn Cực Lạc. Dưới mắt Ngáo Cực Lạc nào cũng thế, gọi cách nào cũng được. Xin đừng bắt bẻ Ngáo sai.

Liều mình theo lên Nguyệt Điện,
Lòng dễ sòn lộ viễn sơn cao.
Đòi ngàn liễu múa hoa chào,
Phật đâu chẳng gặp no nao đặng tiền¹²⁶.

XX
X

[10. Cuộc hội kiến giữa Trương Ngáo và Đức Phật.]

Thích Ca, xướng:

Hảo a!
Thoát kiếp trần duyên thế vị tri,
Hoàng kim điện thượng ngọc long trào.
Hoa khai Bát Nhã thiền tâm tịnh,
Trúc dẫn Như Lai nhãn giới cao¹²⁷.

Lại nói :

Biệt chiếm ngoại Thiên Tào, Ngã Thích Ca Bồ Tát. *Như ta nay*: Thông thả một bầu cực lạc, Thanh thoi tám cõi càn khôn. Thấy họ Trương mắc chứng điên cuồng, Vốn nhà gã có lòng thành kính¹²⁸. Thịnh không ứng hiện, Đem lại báu lành. Trước cứu chàng đặng định tánh tình, Sau cho gã hưởng nhờ phú quý. Hiệp duyên Hà thị, Oan báo Liễu nương. **(14a)** *Ấu là*: Giá võ khứ mang mang, Thừa phong hành phát phát.

Loạn:

Tùng xuất vân xa giáng hạ trần,
Giải tha Trương thị đắc thành thân.

¹²⁶ **Phật đâu chẳng gặp** 佛 堯 庄 及, **no nao đặng tiền** 奴 市 叩 錢: Không gặp Phật bao giờ mới đòi được tiền đây. Ngáo luôn luôn nghĩ phải gặp Phật mới có tiền, như phần đông chúng sinh mong cầu gặp Phật để được độ lên Niết Bàn, không chính tự thân tìm hiểu để được giải thoát mà luôn luôn mong cầu tha lực siêu nhiên. Tuy nhiên chính cái động lực mong tìm gặp được Phật cũng là điểm tốt cho người tu. **No nao** 奴 市: bao giờ, lúc nào. Tiếng xưa.

¹²⁷ **Thoát kiếp trần duyên thế vị tri** 脫 劫 塵 緣 世 爲 知: Ta ở ngoài vòng trần thế nhưng người đời còn chưa biết. **Hoàng kim điện thượng ngọc long triều** 黃 金 殿 上 玉 龍 朝: Chỗ ta ở, điện có rồng châu, các tượng thếp vàng rực rỡ. **Hoa khai bát nhã thiền tâm tịnh** 花 開 般 若 禪 心 淨. Lòng ta thiền tịnh yên lặng như hoa Bát Nhã. **Trúc dẫn Như Lai nhãn giới cao** 竹 引 如 來 眼 界 高: Rừng trúc dẫn đến như lai và giác ngộ. Mấy câu xướng này Phật nói về mình, nơi mình ngự và ngụ ý hướng dẫn Ngáo đến gặp ông nơi hồ sen, cạnh rừng trúc.

¹²⁸ **Thấy họ Trương mắc chứng điên cuồng** 體 戶 張 相 症 顛 狂, **Vốn nhà gã có lòng thành kính** 本 茹 茹 固 弄 誠 敬: Hiểu theo kiểu bình thường của vở tuồng thì ông Phật hiền như Bụt, anh chàng Ngáo coi ông như kẻ ngang hàng và chưa có lời nào thành kính thế mà ông vẫn thương, ông đánh giá cao *sự thành kính* của Ngáo! Ta hiểu như một sự tượng trưng mấy chữ này, Ngáo điên cuồng tức là người tu mà mê muội không hiểu rõ kinh điển, lòng thành kính tức là thành tâm quyết chí tu niệm. Vậy thì ông Phật chỉ là tác nhân, là kinh điển, là Phật pháp để giúp người tu mê muội được huệ trí. Bản Nôm chữ **cuồng** 狂 viết sai bộ khuyến 彳.

Huệ nhật tinh khai phổ tế thiện,
 Duyên đăng giác lộ từ vân phúc,
 Đào đồng thành thân thoát mê tân¹²⁹.

Lại nói:

Chừ nó thời đại, ta để nguyên hình mần rứa, thời nó không biết ta đâu mà nó kiếm. *Ấu là*: Kíp hóa dạng kim thân, Đặng [cho] chàng nhìn cho dễ.

Ngáo:

Ớ! Hình ai ngồi sồ sộ, Dựa bên đá chần vằn¹³⁰. *Ấu là*: Ta kíp [sẽ] lại gần, Coi cho hăn ý¹³¹ a! Hạnh hỉ hạnh hỉ, Hoan nhiên hoan nhiên! Sao anh chẳng trả tiền, Cố lên đây mà trốn *vậy anh?* Nay gặp anh đây, chớ anh tính làm sao? Phải trả đủ lời đủ vốn, không thời thể áo thể khăn¹³². Anh gia hại tôi làm chi, cho nên vợ tôi nó đánh nó chưởi tôi¹³³ làm vậy anh? Tôi đi đã xa nửa con trăng mới gặp một người chủ nợ¹³⁴. (14b)

Thích Ca:

¹²⁹ **Tùng xuất vân xa giáng hạ trần** 從出雲車降下坐: Ta theo xe mây xuống cõi thế gian, **Giải tha Trương thị đắc thành thân** 解他張氏得成身: Độ cho chàng họ Trương hết nạn, nên gia thất. **Huệ nhật tinh khai phổ tế thiện** 惠日星開普濟善: Phép Phật nhiệm màu như mặt trời như sao sáng, cứu khắp chúng sanh và dạy họ làm lành, **Duyên đăng giác lộ từ vân phúc** 緣登覺路慈雲覆: Thắp đèn duyên, mở đường giác, đem đến mây lành cho đời, **Đào đồng thành thân thoát mê tân** : Giúp người cõi thế thoát khỏi bến mê, hiểu lẽ đạo.

¹³⁰ **Hình ai ngồi sồ sộ** 刑埃坐數數, **Dựa bên đá chần vằn** 預邊礮振鑽: Ngáo thấy Phật trước mặt mà không biết là gì. Chúng sanh đa phần ở trong tình trạng này, Phật, cũng như lẽ đạo ở ngay trước mắt mà không thấy, không hiểu, suốt đời đi tìm bởi vì cái tâm còn mê, còn chấp sự tìm, còn câu nệ trên chữ, trên lời. **Sồ sộ** 數數: lớn kèn, lớn đại. HTC, sồ sộ 數數, bộ to lớn. **Chần vằn** 振鑽: quá lớn. HTC 真運, lớn đại, **Bịt khăn chần vằn**: bịt khăn đem ra lớn quá. **Mặt chần vằn**: mặt lớn quá.

¹³¹ **Ta kíp [sẽ] lại gần** 些急仕吏斯, **coi cho hăn ý** 魂朱罕意: Minh đến đó coi cho rõ ràng. Câu dư chữ **sẽ** 仕. Đây không phải như chữ sẽ của Kiều: *Gót sen sẽ động giắc hòe* vì Ngáo không rút rè chút nào hết, Ngáo mạnh dạn, đang hoàng đến. Nhận thấy chữ sẽ này làm lẩn cấn câu văn, P. H. S. đã bỏ, không nói đến. Chữ **hăn** 罕 khắc dư nét phần **can** 干 thành **ngọ** 午.

¹³² **Phải trả đủ lời đủ vốn** 沛呂亂廁亂本, **Không thời thể áo thể khăn** 空時世祆世巾. Quyết tâm dừ cái anh chàng Ngáo này! Ngáo đòi xiết áo xiết khăn vì khi xưa người ta ra đường đội khăn thay vì đội nón như ngày nay. Xưa thế áo thể khăn là quá lắm, nay thì thế xe, thế đồng hồ, thế điện thoại di động!

¹³³ **Anh gia hại tôi làm chi** 英加害碎夕之, **Cho nên vợ tôi nó đánh nó chưởi tôi** 朱年嬌碎奴打奴吐碎: Anh làm hại tôi để làm gì cho tôi khổ thân bầm dập! Chữ *làm chi* như lời than trách móc nhẹ nhàng, như là khẩn khoản xin giùm giúp. Chi tiết bị vợ đánh đưa ra như lời van xin lòng thương hại. Ta cũng có thể hiểu như lời than khổ cực của người theo đạo nhưng chưa nắm vững được lẽ đạo. HTC, **gia hại** 加害, gia báo 加報: làm báo hại. (tiếng than). Bản Nôm dư chữ **ai** 埃: [Ai] Anh gia hại tôi. Chữ **nên** 年, như nhiều trường hợp khác, đã khắc thành **sao** 牢.

¹³⁴ **Đi đã xa nửa con trăng** 移它餘姘昆朧, **Mới gặp một người chủ nợ** 買及爻得主婪: Đi đã được nửa tháng mới gặp người mắc nợ mình. Con số nửa con trăng chỉ là tượng trưng thôi, **vả** lại trong tuồng hát bội điều này không được coi trọng. So với lời Ba Bành nói Ngáo đi đã được ba tháng, ai đúng ai sai. Chắc Ngáo sai vì anh là Ngáo! Đơn vị thời gian trong tuồng Trương Ngáo thường theo cách nói của người bình dân, *nửa con trăng*, *vài chập*. Theo HTC, **chủ nợ** 主女, người cho vay, cũng hiểu là người mắc nợ. Nay **chủ nợ** là người có người khác mắc nợ mình, **con nợ** là người mắc nợ người khác.

Vốn đây không vay nợ, Mà tính vốn tính lời¹³⁵ mà!

Ngáo:

O! Anh Phật, anh nói tiền tôi không tờ không khế nên anh muốn toan nói ngược¹³⁶, mà nói đặng thời nói thề!

Thích Ca:

Thấy nhà người tìm kiếm khắp nơi, Nên ta xuống tỏ phân trong đục¹³⁷ cho chàng nghe. Của nhà người thời nửa chục, Ta trả lại một đồng¹³⁸.

Ngáo:

O! Anh Phật này, anh nói ngược¹³⁹. Số là, chưa phải anh Phật a. Tiền năm quan, anh phải trả tiền lời làm sao chớ tôi nghe thiên hạ nói rằng là: niên nguyệt tuy đa, tức bắt quá bản¹⁴⁰. Sao anh nói vậy. Lẽ thời quá chục, Sao có một đồng? Tôi tới đây khá dễ về không. Anh phải tính làm sao cho có chớ!

Thích Ca:

Vốn nhà người chưa tỏ, Nên ta phải bày lời. Tiền này là tiền Phật tiền Trời, Chẳng phải tiền ma tiền quỷ. *Mà ta nói thiệt:* Người cho thành ý thời biến thiên. Người chấp bàn tay lại (15a) niệm Phật, người vái Trời. Muốn mấy quan cũng có mấy quan, Muốn ước mấy chục đặng thêm mấy chục. Đừng kêu theo thế tục, Khá cải tiếng quốc âm. Ta đặt tên chàng là Hứa Chơn Tâm, Sau sánh với nàng Hà Như Ý mà!

Ngáo:

O! Người đặt tên tôi là Hứa Chơn Tâm, Sau lại sánh với nàng Hà Như Ý¹⁴¹. Vậy chớ còn như vợ tôi ở nhà thời làm sao¹⁴²?

¹³⁵ **Vốn đây không vay nợ** 本低空為助, **Mà tính vốn tính lời** 麻併本併廁: Ta không có vay, cho nên đừng nói chuyện tính lời tính vốn. Chuyện đến với Phật là tự người bỏn đạo đến bằng lòng thành tự nhiên của mình, đừng nên đòi hỏi nầy nọ. **Vay nợ** 為播, HTC, thuê mượn tiền bạc, lúa thóc mà buộc phải trả lời. Cùng nghĩa với vay mượn, vay hỏi. Đó là tiếng đôi của vay. Bản Nôm viết **nợ** bằng **trợ** 助. P. H. S. cũng đọc là *vay nợ*.

¹³⁶ **Tiền tôi không tờ không khế** 錢碎空詞空契, **Nên anh muốn toan nói ngược** 年要悶算咄虐: Tiền tôi đưa không có giấy tờ chứng minh, chẳng có giấy nợ được ký, cho nên anh tính nói không có vay tôi. **Nói ngược** 咄虐: nói nghịch lại một điều đã chịu, đã giao ước. Chữ **ngược** 虐 viết sai thành **đường** 唐.

¹³⁷ **Thấy nhà người tìm kiếm khắp nơi** 侘茹卽尋覓泣尼, **Nên ta xuống tỏ phân trong đục** 年些冠訴分冲濁: Người muốn gặp thì ta hiện ra. Có cầu thì được, có ước thì thấy. Có quyết tâm đi tìm thì sẽ gặp Phật. Phật là chân lý, là giác ngộ, là thanh thân trong tâm, là liễu đạo, không phải là Phật hình tướng. Đây là ý căn bản của tuồng Trương Ngáo. Bản Nôm khắc sai chữ **người** 卽 thành chữ **đích** 的!

¹³⁸ **Của nhà người thời nửa chục** 貼茹卽時舛逐, **Ta trả lại một đồng** 些呂吏艾銅. Năm quan đổi lấy một đồng, chắc là lời nói thừ. (Một quan là sáu mươi đồng). Cũng có thể hiểu là *một đồng tiền phép*.

¹³⁹ **Anh Phật này** 英佛尼, **anh nói ngược** 英咄虐. Đây là lần thứ hai Ngáo nói chữ ngược đối với Phật. Ta hiểu chữ ngược như một từ nhấn mạnh đến sự thảo luận sôi nổi về vấn đề Phật pháp. Chữ *ngược* này khiến tôi nhớ đến chữ *giết* trong một thiên án: *Gặp Phật thì giết Phật đi!*

¹⁴⁰ **Niên nguyệt tuy đa** 年月雖多, **Tức bắt quá bản** 息不過本: Cho vay lâu bao nhiêu thì tiền lời cũng không quá tiền vốn. Câu nói của Ngáo không ăn nhằm gì chỗ này. Lộn xộn.

¹⁴¹ **Người đặt tên tôi là Hứa Chơn Tâm** 得達筭碎并許真心, **Sau lại sánh với nàng Hà Như Ý** 姜吏甞貝娘何如意. Ngáo chấp nhận tên mới và một duyên tình mới, có nghĩa là nghiệp chương cũ của ngu

Thích Ca:

Muốn tỏ bề gia sự, Ta cho một nhánh cây. Muốn hết chúng diên ngậy, Ta cho ba hườn thuốc. *Nghe ta dặn:* Về tới đó lấy nhánh cây, Để thời biếtặng chánh tà. Hiệp duyên kia thời uống thừa thuốc này. Mới an hung chúng quý. Khá noi theo ý chỉ, Đừng cãi thừa phép người. Ta trở lại Tây thiên, Ngươi lui về Bắc lảnh.

Ngáo:

Uý a! Gió ở đâu rất mạnh, Phạt bay mất không hay. Đòi tiền rất đặng may, Cho món kia thêm chục. *Ấu là:* Chỉ quê xưa trở lại, Đè dậm (15b) cũ bằng chừng. Bôn lộ hướng phi phi, thê sơn hành phát phát.

Loạn:

Biệt liễu lãnh sơn vọng Khai Châu,
Khuất khúc na từ hảo đằng du.
Thiên sơn mạc nại từ lao khổ,
Vạn lý na từ mịch công phu¹⁴³.

Lại nói :

Khi đi thời thăm thăm, Trở lại rất mau mau¹⁴⁴. Vừa gặp một miếng trâu, Đà tới nơi quán liễu¹⁴⁵. Phạt Thích Ca có biểu, Như Ý thiết vợ ta. Chừ về đây cũng muốn nói ra, E chẳng xứng sợ nàng lại đánh¹⁴⁶. *Dầu nàng đánh, thời ta cũng nói ra chớ!* Dầu nàng khoe sức mạnh, Thời ta chạy cho xa. *Ấu là:* Kíp vào đó lân la, Đặng kiểm điều phân nói a!

XX

X

muội ngậy si giờ đây đã rũ sạch, giai đoạn mới của thông tuệ của Thiên Đường bắt đầu. Để ý cũng từ phút này Ngáo không kêu Phạt bằng anh nữa mà gọi bằng người 得.

¹⁴² **Còn như vợ tôi ở nhà thì làm sao** 群如嬌碎啖茹時夕牢? Câu hỏi rất có tình, không muốn linh xình vì chuyện vợ một vợ hai.

¹⁴³ **Biệt liễu lãnh sơn vọng Khai Châu** 別了領山望開州: Lãnh sơn từ biệt hướng Khai Châu, **Khuất khúc na từ hảo đằng du** 屈曲那自好滕遄: Đâu sá gì đường núi vòng vèo, mình bay bổng trên không, chuyển du hành thích quá. **Thiên sơn mạc nại từ lao khổ** 千山莫奈自勞苦: Không nề lao khổ vượt qua cả ngàn ngọn núi. **Vạn lý na từ mịch công phu** 萬里那自覓功夫: Cũng chẳng ngại vượt qua cả ngàn dặm đường. Một lòng tu dưỡng (mong về đất Phật). Chữ **khúc** 曲 bản Nôm sai thành **hồi** 回.

¹⁴⁴ **Khi đi thời thăm thăm** 欺時瀟瀟, **Trở lại rất mau mau** 阻吏叱毛毛: Lúc đi thì thấy đường xa, Khi về thì thấy mau. Cái tâm lý của người đi đường xa xứ lạ, bận về luôn luôn cảm thấy gần **bởi** vì đã quen cảnh.

¹⁴⁵ **Vừa gặp một miếng trâu** 皮甲艾晚葵, **Đà tới nơi quán liễu** 它細尼館了: Chỉ khoảng thời gian đi đường đủ để ăn hết một miếng trâu thì đã tới quán. Nói *gặp một miếng trâu* như nói *tàn một miếng thuốc, chín một nồi com...* là cách nói về thời gian một cách dễ hiểu của ngày xưa. Quán liễu < Miếng trâu, Chữ liễu chỉ có mặt để đối, không mang nghĩa cụ thể.

¹⁴⁶ **Chừ về đây cũng muốn nói ra** 除術低供悶呐咁. **E chẳng xứng sợ nàng lại đánh** 依庄称咋娘吏打: Chưa biết Ngáo cũng muốn nói ra vì muốn được nàng Như Ý hay muốn nói vì bốn phận phải chuyển câu trả lời. Còn cái sợ bị đánh thì dễ hiểu, đó là do cái tâm lý sợ vợ đánh đã ăn sâu vô tiềm thức, mỗi sự gì thấy trái trái thì sợ bị đòn. Tôi nghiệp Ngáo bị đi quá cỡ thợ mộc dưới thời đại Ba Bành, giờ thành ra như người bị thiết lập thảo chương, bị cấy sinh từ phù sợ!

[11. Trương Ngáo, Như Ý nên nghĩa phu thê.]

Như Ý:

Thiếp nay Hà Như Ý. Vốn không mẹ không cha, Cũng chẳng có chồng con. Một mình ở đầu non, Cát quán nơi góc núi. Thấy những khách đồn cây đồn củi, Lại không thấy người bán rẫy bán hàng. Thời hôm trước có họ Trương, Mà đi đòi tiền Phật. Tôi đã phân hãn **(16a)** lý, Cho chàng tỏ đầu đuôi. Đi thời cũng đã lâu, Sao tin về chẳng thấy. *O! Chú Ngáo đã về đây mà¹⁴⁷!* Mới nhắc đây khi nầy, Chú về đó bao giờ? *Lên đòi tiền đãặng hay không? Chuyện tôi nhắn làm sao thời nói cho tôi nghe với chú.*

Ngáo:

Bụng thời đương đói lắm, Thấy hỏi lại thêm no¹⁴⁸. Chuyện anh Phật dạy to, Để rảnh tôi nói nhỏ!.

Như Ý:

Vậy thời: Cơm dọn đã sẵn đó, Chú tua [khá] ăn đi. Rồi sẽ tỏ nỗi vắn vi, Cho tôi tường áo lý.

Ngáo:

Nói thời ta nói, Nàng khá đứng cho xa. Phật người dạy chị khá nghe, Mổ truyền ra cho nhà người hãn ý. Phật người dạy chị thời lấy tôi, Tôi đã nói mới rồi, xin cho hóa khứ hóa khứ¹⁴⁹.

Như Ý:

Chàng dầu viễn khứ, Thiếp cũng chẳng tha. Về đây mà ai dức ai la mà phải chạy¹⁵⁰ thiệt tình nỡ đánh. Thiếp chưa thông sự đó, Xin tỏ nỗi việc đây¹⁵¹. Chẳng hay thuốc huồn **(16b)** hay những chứng chi, Còn nhánh lá cầm đi làm vậy *chú?*

Ngáo:

Ồ! Thím hỏi tôi hai vật nầy đây làm chi? Vốn hai vật ấy là của Phật cho ta. *Anh Phật ảnh lại dạy tôi rằng giả như muốn [biết] việc chi thời:* Giơ nhánh lá soi qua, thời tường trong gia sự. Như thuốc huồn uống lấy, thời hết chứng ngầy điên đi mà!

Như Ý:

Vậy chớ Phật người trả tiền [và] cho hai vật ấy mà thôi?

Ngáo:

¹⁴⁷ **Chú Ngáo đã về đây mà:** Mừng gặp lại Ngáo. Trong tuồng hát bội, khi tác giả cho nhân vật nói lời trông mong một nhân vật khác thì chắc chắn thế nào chút nữa hai người sẽ gặp nhau. Đó là công thức.

¹⁴⁸ **Bụng thời đương đói lắm** 脔時當餓, **Thấy hỏi lại thêm no** 體晦吏添餒: Nghe hỏi bắt no ngang không muốn ăn nữa [vì câu mình sẽ phải trả lời vốn không muốn nói ra]. Chỉ tình trạng khó xử.

¹⁴⁹ **Tôi đã nói mới rồi** 碎匱吶貝來, **Xin cho hóa khứ** 噴朱化去: [Hỏi chuyện chồng] tôi vừa mới trả lời rồi, xin để cho tôi đi. **Hóa khứ** 化去: Giọng Triều Châu của **ngã khứ** 我去, tôi đi. Ngáo làm gan trả lời rồi là muốn chạy vì sợ bị đánh như đã từng bị dưới triều đại Ba Bành!

¹⁵⁰ **Về đây mà ai dức ai la** 術低麻埃賦埃羅, **mà phải chạy** 麻沛越: Về đây ai đâu rầy quở ngày ngà mà anh phải chạy? Ý nói về sống với tui thì tui không la rầy, tui chẳng cần nhằn gì đâu. **Dức** 賦: HTC, la lối, trách móc, biểu dừng. *La dức*, la lối biểu dừng. Bản Nôm chữ **thú** 趣, tôi đọc **chạy** 越 theo PHS vì ở trên Ngáo có nói mình xin *hóa khứ* (xin được đi). Câu kể, **thiệt tình nỡ đánh** 實情芟打, hình như thiếu nửa câu, trở thành khó hiểu!

¹⁵¹ **Thiếp chưa thông sự đó** 妾渚通事妬, **Xin tỏ nỗi việc đây** 噴訴浚役低: Tôi có một điều chưa hiểu rõ, xin hỏi cho ra lẽ.

Như ảnh không trả cho tôi, tôi lại có nghe cho¹⁵²! Anh có trả một đồng tiền, cầm cũng hơn quá chục *thôi mà*! Phép làm kỳ cục, Hay rất lạ lùng. Anh Phật ảnh lại có dặn tôi rằng giả muốn mua cái vật chi chi đi nữa, thời chấp tay lại mà lạy. Muốn mấy đồng cũng có mấy đồng, Bằng mà muốn mấy chục thời cũng ra mấy chục. *Anh biểu rằng thời*: Đừng kêu theo thể tục, là hiệu tiếng quốc âm¹⁵³. Anh lại đặt tên (17a) tôi là đặt tên tôi là Hứa Chơn Tâm¹⁵⁴. Lại biểu tôi rằng sánh với thím Hà Như Ý đó *thím a*!

Như Ý:

Hảo a! Thâm hỉ chân thâm hỉ, Chí hoan thị chí hoan! Những dè thiếp thời vô duyên *mà thôi*, Chớ hay đâu mà có phước *vậy*! *Thời*: Thiếp vào mau hâm nước, Đặng chàng uống thuốc này. Họa là hết chứng đại điên, Đặng nhờ ân đức Phật *chăng*!

Ngáo:

Uý a! Đã an nhiên khí lực, Lại định tĩnh tâm thần¹⁵⁵. Si lung hoán tác thông minh, Âm á phiên thành trí huệ. Quả Thích Ca giảng thế, Chân Bồ Tát người độ nhân. Cho hay mấy nhiệm tuần hoàn, Mới biết anh linh hiện tại, *Xinh a*!

Như Ý:

Dám thưa anh chừ, anh tính về hay mần răng anh?

Chơn Tâm:

Cây thuốc phép phép thời trông lại, Bền độ còn còn phải trải qua. Để cho ta cứ việc tề gia, Rồi mỗ sẽ tính bề nghi thất¹⁵⁶. *Ấu là*: Noi theo lời Phật, Dối phép Thích Ca (17b). Giờ nhánh lá soi qua, Thời tường trong gia sự *này*. Kìa là Liễu thị, Nọ chẳng Lục Tồn? Đã học thói dâm bôn, Lại làm đường ác đức *đây mà*! Ba Bành thiết loài muông súc [vật], Lục Tồn là mặt chó chần tinh *thiệt mà*! Tưởng rằng người gá nghĩa vợ chồng, Hay là quỷ ma lôi xà hiết *vậy mà không hay*. Lòng ta ta biết, Dạ mỗ mỗ hay. *Trời kệ bây a!* Mặc bây làm thói nước mây, Dạ mỗ rên lòng vàng đá *thôi mà*!

Như Ý:

¹⁵² **Như ảnh không trả cho tôi** 如英空呂朱碎, **tôi lại có nghe cho** 碎吏固暄朱: Nếu Phật không trả cho tôi, tôi không bỏ qua đâu. Sẽ đòi tiền tới cùng. Tôi hiểu câu này, ý này là sự tượng trưng cho việc tin tưởng theo Phật pháp, giáo lý...

¹⁵³ **Đừng kêu theo thể tục** 仃叫曉世俗, **là hiệu tiếng Quốc Âm** 罌號啗國音. Kêu là Ngáo là kêu theo người thường bên ngoài, dùng quốc âm, xài tiếng nôm na. Ý Phật muốn Ngáo có cái tên hay ho hơn, xứng đáng hơn với cuộc đời mới của Ngáo sau này.

¹⁵⁴ **Đặt tên tôi là** 達筴碎罌, **đặt tên tôi là** 達筴碎罌: Trong nguyên bản nhóm từ *đặt tên tôi là* được lặp lại. Điều này có thể giải thích bằng nhiều cách, hoặc là người khắc đã khắc dư, hoặc là nhân vật quá xúc động nên nói cà lăm. Trường hợp hai hữu lý hơn.

¹⁵⁵ **Đã an nhiên khí lực** 包安然氣力, **Lại định tĩnh tâm thần** 吏定靜心神: Khí lực đã an nhiên khỏe khắn, tinh thần đã ổn định, hết mê muội. Bản Nôm viết **an như** 安如, không đúng, phải là **an nhiên** 安然, cũng vậy bản Nôm viết **định tính** 定性 thay vì **định tĩnh** 定靜.

¹⁵⁶ **Để cho ta cứ việc tề gia** 底朱些擺役齊家, **Rồi mỗ sẽ tính bề nghi thất** 耒某仕併皮宜室: Để tôi lo chuyện gia đình trước rồi mới có thể tính chuyện lấy vợ được. Chơn Tâm muốn mọi chuyện rõ ràng, muốn biết Ba Bành đã làm gì khi mình không có mặt rồi mới quyết định. Đây là thái độ ngay thẳng rất đáng kính phục. Chữ **cứ** 攬 trong câu này không ổn, tôi nghĩ đó là chữ **lo** 懷 viết nhầm. Bản Nôm chữ **rồi** 耒 khắc sai thành **lai** 來. Từ **nghi thất** 宜室 dùng ở đây không đúng, vốn là chữ chỉ việc con gái về nhà chồng.

Bây chừ đã bày tình chơn giả, Còn chi mà giấu dạng gian tà. *Thưa anh: Chừ anh về hay làm sao? Về mà: Giết loài gian đảng sửa [việc] đạo nhà, Trừ đũa vạy kéo khinh phép nước*¹⁵⁷.

Chơn Tâm:

Trời đã khiến chia nhành mai trước, Phật lại xui ta hiệp sắt cầm¹⁵⁸. Vốn đây đã tích đức thiện tâm, Đó nỡ làm đường ác đức *hay mằn rằn*¹⁵⁹?

Như Ý:

Thời chàng dẫu đảng từ bi hai chữ, Thiếp dễ không **(18a)** lân mẩn một lòng. Coi ngày lành sẽ nhập phòng loan, Xem tháng tốt sẽ vào hợp cấn¹⁶⁰.

XX

X

[12. Vợ chồng Lục Tồn Ba Bành sa cơ đi múa bóng rồi sanh nhai.]

Lục Tồn:

*Như ta: Thành thời trong Chợ-Lớn*¹⁶¹, Ngang dọc giữa trường buôn. Mất quần áo mới khôn, Đồ còn tôi hầm túng¹⁶². Tôi nghĩ lại con Bành mà giận, Tưởng nổi vợ thêm hờn. *Từ tôi mà bỏ con vợ lớn, tôi lấy cái con Ba Bành cho đến nhần nay: Nó đánh bài quần áo hết trơn, Tôi thua [tiền] bạc, cửa nhà sạch gói*¹⁶³. *Như tôi: Thuở trước phố lợp ngói, Tôi bây chừ: Lều một căn chẳng đảng kín tranh. Cũng vì bởi con Bành, Mới gây nên sự khổ là mằn rì!*

¹⁵⁷ **Giết loài gian đảng sửa [việc] đạo nhà 折類奸叩使[役]道茹**, Trừ đũa vạy kéo khinh phép nước 除都醜糾輕法若: Đi giết nó đi, cái đồ làm bậy để sống làm gì! Lời này của Như Ý phải hiểu như lời thử lòng Chơn Tâm coi anh chàng lòng dạ có ác độc không, có mang nặng lòng cừ hận không. Trên con đường tu hành, đây là lời xúi giục của tà ma.

¹⁵⁸ **Trời đã khiến chia nhành mai trước 夫包遣歧梗梅竹**, Phật lại xui ta hiệp sắt cầm 佛吏吹些合瑟琴: Con tạo làm cho chia mai rẽ trúc (vợ chồng gây đổ) thì Phật cũng cho ta được hiệp duyên cầm sắt (có vợ có chồng). Thôi thì mất vợ này có vợ khác, chuyện gì mà phải ầm ĩ... **Trúc 竹**, đọc trước theo giọng Nam xưa. Sách xưa còn có ý trước là ghé tre (Thơ *Tổng Từ Vưu*),

¹⁵⁹ **Đó nỡ làm đường ác đức hay mằn rằn 妬芟夕肩惡德哈夕凌?** Chơn Tâm rầy vợ đã xúi mình làm chuyện ác đức.

¹⁶⁰ **Coi ngày lành... Xem tháng tốt... 魄得苓... 祐躺卒:** Cặp vợ chồng Chơn Tâm Như Ý cẩn thận và coi trọng việc hôn nhân hơn cặp Ba Bành Lục Tồn. Chữ xem 祐 bản Nôm khắc bộ thị 示 ra bộ hỏa 火, không đúng.

¹⁶¹ **Chợ-Lớn 幣猷.** Bản Nôm không đánh dấu cho biết đây là danh từ riêng. Có thể là danh từ chung chỉ cái chợ nhưng mà nó lớn. Tôi nghĩ rằng đây là chữ Chợ-Lớn, một địa danh Việt Nam độc nhứt được ghi vào truyện này.

¹⁶² **Mất quần áo mới khôn 朶裙袄買坤**, Đồ còn tôi hầm túng 圖群碎歆中: Tạm phiên âm hai chữ chót là **hầm túng**. Đây có lẽ tác giả lại dùng tiếng Tiều pha lẫn tiếng Việt. **Hầm túng:** không túng. Ông P. H. S. cũng thấy khó đọc chỗ này nên đọc là: *Hết áo mới biết khôn, còn quần tôi chẳng rúng.* (Rúng: sợ). Chữ trung 中 tiếng Tiều gần với túng hơn là rúng.

¹⁶³ **Nó đánh bài quần áo hết trơn 奴打排裙袄歇莊**, Tôi thua bạc cửa nhà sạch gói 碎收泊齋茹涇: Đồng vợ đồng chồng cờ bạc nên đã tát cạn bể đông tiền bạc tích tụ bấy nhiêu lâu. Lời than nghe thê

Ba Bành:

Bớ chú Tồn! Tôi hỏi: Chớ ai mà buộc cổ biểu lấy con này? Trỏ l. đây trỏ l. đây¹⁶⁴, Tôi không thêm sợ tôi không thêm sợ! Đại thời ở lổ, Chớ đồ cho ai¹⁶⁵. *Hề là* chồng đánh bạc, thời vợ lại đánh bài, Mây hốt me thời tao phá hỏa¹⁶⁶. Ông dẫu ăn chả thời bà lại ăn nem. *Nói thiệt*, gặp (18b) sòng me mà đó nhịn thêm, còn ta thấy bài phượng thời đây mới không đánh¹⁶⁷. Hề là mây đánh, thời tao cũng đánh¹⁶⁸ còn ai nói làm sao kia chớ!

Lục Tồn:

Con này lớn tiếng, Nó chẳng kể ai. Tao quyết lại bạt tai bạt tai, Kéo còn già miệng già miệng¹⁶⁹.

Ba Bành:

Tao nói thiệt: Nên hư thà một chuyến, Để bỏ cũng một lần này¹⁷⁰. Tại mây đã muốn gây muốn gây, Chớ trách tao làm dữ làm dữ! *Bớ làng xóm!*

Thằng Súc:

Hoang mang lai tức ngữ, Cẩn cấp đáo gián ngôn. Mợ chớ học làm khôn, Khuyên cậu tua bớt giận. **Thôi! Thôi!** Buông cậu ra¹⁷¹ mà! *Thưa cậu, sách có chữ rằng: Nhẫn! Nhẫn!* Trái chúa

thâm: *hết tron, sạch gói.* Sao mà để cho quá mạng vậy nè? Đáng lẽ phải ngừng lại trước khi hết chớ! Chữ *tron* bản Nôm viết giọng Miền Nam thành **trong 莊**

¹⁶⁴ Ghê quá chữ dùng rất ấn tượng của Ba Bành. Cũng ghê quá từ ngữ cụ thể của người xưa trong tuồng. Điều này cho thấy tuồng phục vụ nhiều cho giới bình dân. Truyện thơ, dẫu là thơ bình dân, các chữ thể này cũng không thể có mặt.

¹⁶⁵ **Đại thời ở lổ 癩辰啖魯, Chớ đồ cho ai 渚杜朱埃:** Ngu thời nghèo mạt, ở truồng, không có cái khó rách che thân, mình làm mình chịu đồ thừa ai bây giờ. Ba Bành lớn hòng để phui tay phần trách nhiệm của mình trong việc đốt gia tài của Lục Tồn. **Ở lổ 啖魯** cũng là từ tục.

¹⁶⁶ **Chồng đánh bạc thời vợ đánh bài 煙打泊時嬲打牌, Mây hốt me thời tao phá hỏa 勝揸楣辰蚤破火:** Đồng vợ đồng chồng cờ bạc [Bây giờ không được đồ thừa]. **Phá hỏa 破火:** Người lo chuyện chung tiền, vừa tiền trong cuộc chơi cờ bạc. Một kiểu *dealer* trong sòng bạc ngày nay.

¹⁶⁷ **Gặp sòng me mà đó nhịn thêm 及揸楣麻妬認添, Thấy bài phượng thì đây mới không đánh 牌鳳辰低買空打.** Câu tối nghĩa. Ta phải hiểu: Nếu anh gặp sòng me mà không đánh thì tui gặp bài phượng tui mới dang ra. Chữ **揸** thể tạm bằng chữ **sòng** vì không biết là chữ gì cho hợp chỗ này, còn chờ những cao kiến.

¹⁶⁸ **Hề mây đánh thời tao cũng đánh 係眉打時蚤拱打, Còn ai nói làm sao kia chớ 群埃啲少牢箕渚!:** Chồng hư thời vợ bắt thang hư theo, không ai nói được ai. Vợ chồng cùng nhau cờ bạc đến lúc hết tiền lên tiếng mây tao. Đòi! Để ý cái giọng chất chúa của bà chằn Ba Bành ở đây so sánh với giọng ông ẹo của nàng Ba Bành trước khi vô làm vợ cậu Hộ Tồn.

¹⁶⁹ **Tao quyết lại bạt tai bạt tai 蚤决吏泊哉泊哉, Kéo còn già miệng già miệng 斜群臻晚臻晚:**

Tao tán cho một bóp tai chứ không thôi mây cứ già hàm lão khẩu ai mà chịu nổi. **Bạt tai 泊哉:** lấy tay mà tán hơi phốt lên chỗ lỗ tai. HTC có bóp tai, cũng một nghĩa. Ngày nay người ta viết **bạt tay**, không đúng ý người xưa, cũng như trường hợp chữ **thể chun**.

¹⁷⁰ **Nên hư thà một chuyến 鹹虚他没專, Để bỏ cũng một lần 底補拱沒吝:** Làn này quyết một trận hơn thua rồi ra sao thì ra, có bỏ nhau cũng được. **Thà 他:** Tiếng chỉ chấp nhận trong một quyết định gì đó có nhiều giải pháp mà mình đã quyết tâm chọn một. Tiếng thà trong câu nói của Ba Bành chỉ sự dứt khoát, sẵn sàng đánh nhau. Rất hay, gợi hình ảnh, xứng hợp với vai trò. CD: *Thà rằng cắt tóc đi tu, Hơn về Mộ Đức cc đi đời!*

¹⁷¹ **Buông cậu ra mà 奔舅升麻:** Chắc là cậu bị chị chàng nắm cứng chỗ nhược!

oan gia từng thử tận. **Nhiều! Nhiều!** Thiên tai vạn họa nhứt tề tiêu. Xin cậu mợ hồi ngôi, Đặng cho tôi phân chuyện. *Dám thưa cậu mợ:* Nghèo thời ta tính biến, Túng thời phải dụng quyền¹⁷². *Như* bây chừ muốn có tiền, *thời* phải đem nhau đi bói¹⁷³ *thời xong thôi mà!* Mợ thời (19a) bơi mũi, Lái đê mặc tôi. Khoang giữa cậu¹⁷⁴ ngôi, Cầm cây mà thử. Như ghe nào mê ngủ, Ta dọn lấy đồ. May gặp đặng trúng to, Còn chi mà sức mánh¹⁷⁵ ?[như mà]¹⁷⁶

Lục Tôn:

Hào a! Chi thua mưu Tôn Tần, Thiệt hơn khách Thường Quân¹⁷⁷. *Thằng Súc nó tính mần rứa, ung hay là không thời nói?*

Ba Bành:

Nghe qua chưa giỏi, Nghĩ lại không hay¹⁷⁸. *Hề là:* Ăn cắp ắt quen tay, *còn:* Ngủ ngày quen con mắt¹⁷⁹. *Bây chừ* chưa ai bắt, Sau nữa trốn đặng nào? *Thời sách có nói rằng:* Thiên vông nan đào, *còn có câu:* Sơ nhi bất lậu. *Chừ tôi tính mần ri:* Nghe rằng trên bóng Bưởi¹⁸⁰, Có lập gánh múa bông. Ta tới đó ra công, Đặng mà nhờ lỗ miệng. Chàng thời thôi quyền, Tôi thời thai mời. Trước là đi múa mà chơi, Sau nữa kiếm tiền đỡ ngặt *thời xong thôi mà!*

¹⁷² Nghèo thời ta tính biến 饑辰些併變, Túng thì phải dụng quyền 縱辰沛用權. Câu này giờ đây gọn hơn: *Túng thì phải tính. Đói thì đầu gối phải bò.* Hoặc bụi đời hơn của các đại bàng trước khi nằm hộp: *Bản cùng sanh đạo tặc, Không đi ăn cắp vật lấy cớ gì ăn?*

¹⁷³ **Bây chừ muốn có tiền** 悲除悶固錢, **Phải đem nhau đi bói** 兜饒移貝: Bây giờ muốn giải quyết cơn nghèo, chúng ta cùng nhau đi ăn trộm [trên sông].. Ngày xưa sông rạch nhiều, lưu thông chủ yếu là ghe xuồng nên tệ nạn ăn trộm trên sông phát triển mạnh. Còn lưu lại danh bói Ba Cùm, chỗ Chợ Đệm ngày nay với các tài nghệ của bói và những câu hò dẫn dụ. Thằng Súc xúi dại, chắc ở lâu cho nhà giàu nó ăn quen mà làm không quen. Bản chất bất lương của Lục Tôn bộc lộ khi chấp nhận giải pháp này của người đê tử xấu. Bản Nôm khắc chữ **nhau** 饒 thành chữ **theo** 蹀!

¹⁷⁴ **Thiên vông nan đào** 天網難逃, **Sơ nhi bất lậu** 疏而不漏: Lưới trời khó thoát, thưa mà không lọt. Kẻ làm quấy thế nào cũng bị nạn trời, chậm hay mau thôi trước sau gì cũng sa lưới. Cái hay cuối đời của Ba Bành là không nhúng mình thêm vào tội lỗi, đã vận dụng lời của ông bà xưa để từ chối con đường xấu.

¹⁷⁵ **May gặp đặng trúng to** 埋及叩中蘇, **Còn chi mà sức mánh** 群之麻叱鬚: Nếu may mắn trúng mồi lớn thì khỏi nạn hết tiền. Chữ *may* này nghe phát giận. May của bọn trộm cắp thì người ngay có mà hết vốn! Giống như thời nay kẻ làm bậy bị vịn thì nói rằng mình rui, không biết gì đến chuyện làm sai quấy của mình! **Sức mánh** 叱鬚: bị hết tiền. Bản nôm mượn **mán** 鬚 để viết *mánh*. *Mánh* tiếng Tiều có nghĩa là tiền.

¹⁷⁶ Chỗ này bản Nôm chỉ có hai chữ **như mà** 如麻. Tôi nghĩ rằng thợ khắc đã nhảy 1, 2 hàng.

¹⁷⁷ **Chi thua mưu Tôn Tần** 之收謀孫濱, **thiệt hơn khách Thường Quân** 實欣客常君: Các mợ hay thoát hiểm. Tôn Tần giả diên thoát nạn Bằng Quyên, Mạnh Thường Quân ra cổng thành không được, các tân khách giả tiếng gà để quân canh tường trời sáng mà mở cổng, nhờ đó thoát nạn.

¹⁷⁸ **Nghe qua chưa giỏi** 喧戈渚唯, **Nghĩ lại không hay** 拷吏空哈: Nghe rồi nghĩ lại thì thấy không được, đề nghị đưa ra đỡ lắm. Điều hay của Ba Bành là biết bác bỏ đề nghị bắt nham của thằng Súc. Bản Nôm chữ **ngĩ** 拷 thường bị viết sai, **bộ thủ** 才 thường bị thế khi thì **bộ tâm** 忄, khi thì **bộ nữ** 女 như trường hợp này.

¹⁷⁹ **Ăn cắp ắt quen tay** 唉吸乙涓猓, **Ngủ ngày quen con mắt** 昨粵涓昆相: Ba Bành vận dụng tục ngữ để từ chối con đường xấu nguy hiểm cho mình, cũng khá! Bản Nôm viết chữ **cấp** 扱 thành **hấp** 吸. Chữ **ngủ** 昨 bộ mục 目 sai thành bộ búi 貝!

¹⁸⁰ **Bóng Bưởi** 俸罌: Tên người đứng đầu nhóm múa bóng. Bản Nôm viết **bối** 罌, dễ lầm với **bảy** 罌. P. H. S. đọc là **Bảy** 罌, tôi đọc Bưởi, chữ này đối với bông ở dưới, bưởi <> bông.

Lục Tồn:

Súc! Mây tua khá giữ trong gia thất, còn mợ mây với tao: Thời Vợ chồng (19b) ta chỉ dạm Tú Giang. Mưa nài vạn hải thiên san, Chớ nài tuyết sương mộc vũ¹⁸¹.

Hát nam:

Chớ ngại tuyết sương mộc vũ,
Nên ở trời, hư tại người vay?
Sang giàu nào khác mây bay,
Mới tan gió bạc, phút kê mây xanh.

Ba Bành, hát nam:

Xiết bao kẻ lẻ tẻ tình,
Ham trong bỏ đục tại mình lá lay¹⁸².
Đã vậy phải tính theo vậy,
Múa mâm múa vát nào ai dám bì.

XX
X

[13. Bề bàng tình cũ nghĩa xưa.]

Như Ý:

Như tôi: Kẻ từ thuở hiệp duyên, Nay mừng đà đẹp phận. Phước Trời khiến phận đà đạt vận, Của Phật cho giàu rất đổi giàu. Nhà ba tòa đầy đầy tiền Châu, Lắm mười cái chứa đầy lúa Hón¹⁸³.
Thời nghĩ lại, từ tôi chịu: Tất bật những ngày bán quán, mà nay: Ấm no bỏ thuở cơ hàn¹⁸⁴. Thời,

¹⁸¹ **Mưa nài vạn hải thiên san** 嗎奈萬海千山, **Chớ ngại tuyết sương mộc vũ** 渚砵雪霜霖雨: Đứng ngại sông núi hiểm trở, chớ sợ tuyết sương mưa gió cực khổ. **Mộc vũ** 霖雨: Nói chung là mưa gió; **mộc** 霖, mưa phùn. Về đầu chữ **nài** 奈 đã bị khắc thành **tế** 祭. Về sau chữ **nài** 奈 được lập lại, tôi phải bỏ nguyên tắc của mình là *không sửa* mà đổi lại là **ngại** 砵, ngại quá, nhưng không sửa không được!

¹⁸² **Ham trong bỏ đục tại mình lá lay** 黃冲補濁在輪蓂萊: tại mình kiếm chuyện để bỏ chỗ này bắt chỗ kia, tham phú phụ bần. Ba Bành cũng chưa thiết sự thấy sự sai lầm của mình khi dùng nhóm chữ *ham trong bỏ đục*. **Lá lay** 葵萊: trớ trêu, sanh sự, cố ý làm/nói chuyện tréo cẳng ngỗng. Ở đây là lòng muốn bỏ chồng nghèo ngu hèn để kiếm chồng khác giàu khôn hơn. Huình Tịnh Của, *lá lay* 蓂萊: hay sanh chuyện, hay lắt lờ, hay đặt điều, hay thêu lèo. Thơ *Hậu Chàng Nhái: Đáp rằng bà khéo lá lay/ Vốn là chị gái của tôi ai nào!* Bản Nôm viết chữ đơn **lay** 萊 sai nét thành **thuốc** 萊. Tôi đọc *ham* vì bản Nôm viết **tham** 貪 với bộ **thảo** 艸. Bộ thảo này tác dụng như cảnh báo rằng *không đọc là tham*, -- như trường hợp chữ **ham** 噴 viết bằng *tham* kèm theo bộ khẩu.

¹⁸³ **Nhà ba tòa đầy đầy tiền Châu** 茄匹座苔汜錢周, **Lắm mười cái chứa đầy lúa Hón** 廩丈丐渚苔稽漢: Nhà rất giàu, tiền chất đầy nhà, lúa chứa đầy lẫm. **Lắm** 廩: nhà chứa lúa. **Tiền Châu**, **lúa Hón** 錢周稽漢: Tiền và lúa, chỉ chung tài sản. Các chữ **Châu** 周 và **Hón** 漢 chỉ dùng quen theo điển tích xưa đã thành nếp, không còn có giá trị ngữ nghĩa. Chữ **Châu** 周 bản Nôm khắc sai thành **có** 固!

¹⁸⁴ **Tất bật những ngày bán quán** 必泊仍粵半館, **Ấm no bỏ thuở cơ hàn** 瘡奴補課機寒: Những ngày bán quán cực khổ xưa, bây giờ thì khá lắm rồi. **Tất bật** 必泊, xem chú phía dưới. Chữ **ấm** bản Nôm viết bằng **ôm** 瘡, không hay và có vẻ tùy tiện.

thuở trước tôi có vái cùng lệnh Bà Chúa Tiên rằng: Hiệp đôi dầu gặp phượng giao loan, Thời phải dâng hoa múa hát¹⁸⁵ *cho Bà. Dám đâu quên lời vái, Chừ phải tính múa bông. Ấu là:* Vào tỏ nỗi (20a) hung trung, Đặng người tường áo lý a!

Chơn Tâm:

Kể từ thuở kết duyên Hà thị, Vương mang oan báo Liễu nương. Nước Ma Ha rửa sạch sự tình, Gươm trí huệ dứt rồi nghiệp chướng¹⁸⁶. *Như tôi:* Dốc đắp nền nhân muôn trượng, Lăm trồng cây đức ngàn trùng¹⁸⁷. Phước tuy chưa sánh kịp Thạch Sùng, [Tiền] cũng ví tày trang Vương Khải¹⁸⁸.

Như Ý:

Dám thưa anh: Lời nguyên xưa nhớ lại, Chuyện vái dám bày qua. Thuở lỡ duyên tôi có vái lệnh Bà, Đặng đẹp phận dâng bông một tiệp. Nay vợ chồng đã đẹp, Trong gia đạo lại an. Trước phải tỏ với chàng, Sau ngỏ toan rước bóng¹⁸⁹.

Chơn Tâm:

Nàng muốn dâng bông tín cúng, Đây cũng lòng rước lộc cầu an. Cử thổ mặc tình nàng, Liệu dụng dầu mặc bận¹⁹⁰.

Như Ý:

Tôi nghe rằng nơi Giang Tú, Có lập gánh múa bông. *Bớ Giúp*¹⁹¹! *Mây xuống chợ rước bóng. Nghe tao dặn:* Xuống tới nơi kêu các xác đồng, *rằng:* Ngày mười bảy lên đây khởi (20b) cỗ.

¹⁸⁵ **Hiệp đôi dầu gặp phượng giao loan** 合堆油遇鳳交鸞, **Thời phải dâng hoa múa hát** 時沛豷花揲博: Nếu được duyên chồng vợ, thời phải trả lễ dâng cúng cho Bà. Lời vái van để cầu xin, khi được rồi thì phải cúng trả lễ.

¹⁸⁶ **Nước Ma Ha rửa sạch sự tình** 湑麻阿沿涯事情, **Gươm trí huệ dứt rồi nghiệp chướng**: 釵智惠 弋耒業彰: Vì hiểu đạo, có định huệ cho nên quên hết rồi những oán hờn ngày xưa, những chuyện có thể tạo nên nghiệp xấu. Bản Nôm sai chữ **ngiệp chướng** 業彰 thành **chưởng chướng** 掌彰.

¹⁸⁷ **Dốc đắp nền nhân muôn trượng** 篤塔埤仁萬仗, **Lăm trồng cây đức ngàn trùng** 唸桅核德彥重: Đời mình căn bản là thực hành thiết nhiều việc nhân đức. Cách nói khác, sống là *tu nhân*. Đề ý chữ **nền** 埤 trong bản Nôm khác sai phần chữ **niên** 年 thành chữ **lao** 牢, như trường hợp chữ **nên** đã chú ở trên.

¹⁸⁸ **Phước tuy chưa sánh kịp Thạch Sùng** 福魚渚甞及石崇, **[Tiền] cũng ví tày trang Vương Khải** [錢] 拱沓齊莊王鎧: Phước phần tiền của sánh ngang với hai người giàu nổi tiếng ngày xưa là Thạch Sùng Vương Khải. Phần đối chỗ này quá kém. Nói chung người viết tuồng Trương Ngáo để lại nhiều khiếm khuyết trong các câu cần có tiểu đối.

¹⁸⁹ **Đôi bóng** 俸 < > **払** **chàng** rất hay chỗ này. Mượn chữ chàng (anh) để dùng cho chàng (bóng).

¹⁹⁰ **Cử thổ mặc tình nàng** 舉錯麵情娘, **Liệu dụng dầu mặc bận** 料用油麵倍: Cất đặt, sắp đặt chuyện này kia trong nhà mặc tình nàng định liệu. Nàng là nội tướng mà! **Cử thổ** 舉錯: điều khiển các việc trong nhà, công việc của nội tướng! HTC cho biết *cử thổ* tương đương với *cử đặt*, sắp đặt công việc.

¹⁹¹ Bản Nôm viết **Súc** 畜. Súc là gia đình của Ba Bành Lục Tồn, không thể là gia đình của Chơn Tâm Như Ý. Có lẽ tác giả lộn với Giúp, vì sau đây có nhân vật **Biện Giúp** 卞嘯 đi mời đoàn múa bông và xung là ở với họ Hà. Chuyện lộn này cũng thường thôi, nhà văn thường đoảng.

*Vậy thời mày lên nói cùng người cho rõ: Múa thời có long có hồ, Múa cho có Phật có Tiên. Trước là thiệp cầu duyên, Sau nữa tôi trả lễ*¹⁹².

Bóng Sỏi:

Như tôi: Sức biết múa mâm múa đĩa, Tài hay giọng lý giọng chàng. Quê ngụ chợ Tú Giang, Tôi danh xưng Bóng Sỏi. *Nói thời nói chút tôi lập gánh bóng ra đây là:* Gái mười lăm lịch sự, Bóng sắc rất xuê xoang¹⁹³. Có cậu Hộ kéo đàn, Thêm cô Bành múa vác¹⁹⁴. *Như cậu Hộ cùng cô Bành, nay:* Bồi thế túng mới ra thân thất bạc, Lâm việc thua mới theo xóm bóng chàng¹⁹⁵. Thấy làm vậy khá thương, Mới đem theo đi múa.

Biện Giúp:

Tôi nay Biện Giúp, Ở với họ Hà. Trên cô có [múa] bông, cho tôi đi rước bóng.

[Bóng Sỏi:]

Có phải cô Hà Như Ý là vợ cậu Hứa Chơn Tâm mà ở quận Lư Châu, có phải làm vậy a chú?

[Lại nói:]

Kíp dọn đồ chóng chóng, Điều nhẹ gót mau mau¹⁹⁶. Trước lên chơi cho (21a) biết sức giàu, Sau tới đó dựng cho biết chủ¹⁹⁷!

Như Ý:

¹⁹² **Trước là thiệp cầu duyên** 畧 卅 妾 求 緣, **Sau nữa tôi trả lễ** 娉 姘 碎 呂 禮: Cho múa bóng để trả lễ lời hứa trước đây với Bà và để cầu được thiện duyên (chuyện lành) cho gia đình. Sự tin tưởng thời đó, nay hầu như không còn.

¹⁹³ **Gái mười lăm lịch sự** 娉 逝 卅 事, **Bóng sắc rất xuê xoang** 棒 色 叱 吹 肱: Các cô gái theo làm bóng, làm người múa bông, múa vát... còn trẻ mà đẹp. **Xuê xoang** 吹 肱: đẹp đẽ, lịch sự, tươi tốt. HTC viết **xuê xang** có lẽ ông theo giọng thường nghe.

¹⁹⁴ **Có cậu Hộ kéo đàn** 固 舊 戶 斜 彈, **Thêm cô Bành múa vác** 添 姑 彭 揲 博: Cặp vợ chồng này xuống dốc phải kiếm cơm cách khó nhọc trong gánh bóng rồi, người đàn người múa. Lương thiện, khá hơn nếu phải đi làm bồi theo sự gợi ý của tên Súc. **Múa vác** 揲 博: Múa giáo, múa binh khí. Trong cuộc múa bóng rồi thường có một người nữ đóng vai nữ tướng múa guom, múa giáo.

¹⁹⁵ **Bồi thế túng mới ra thân thất bạc** 罷 世 縱 買 瞬 身 失 泊, **Lâm việc thua mới theo xóm bóng chàng** 臨 役 收 買 曉 筇 棒 弘: Gặp hoàn cảnh túng thiếu vì lỡ cờ bạc thua, mới đi làm nghề múa bóng. Muốn nói hai người này trước đây cũng rân rác lắm. HTC, **Tất bạt** 必 拔: cô khổ một mình, không ai ngó đến. Gần đây từ này bị biến âm biến nghĩa thành **tất bạt**, có nghĩa là cực khổ phải làm lụng không hở tay để kiếm sống. Đề ý bản Nôm ở đây viết **thất bạc** 失 泊, chứng tỏ việc nôm cũng rất tùy tiện, người xưa gọi là nôm thấp.

¹⁹⁶ **Kíp dọn đồ chóng chóng** 急 拱 圖 掾 掾, **Điều nhẹ gót mau mau** 調 輶 躡 毛 毛: Tuồng hát bội vốn cơ bản diễn bằng lời, cho nên khi cần cho khán giả hiểu rằng gánh bóng chàng sửa soạn đi xa thì phải có một nhân vật nói về chuyện này: *dọn đồ, nhẹ gót*. Cũng trong tuồng, diễn tả sự gấp gáp, hối thúc, thầy tuồng cho lập lại một số chữ: *chóng chóng, mau mau*. Bản Nôm viết chữ **nhẹ** 輶 làm thành chữ **nhảy** 躡.

¹⁹⁷ **Trước lên chơi cho biết sức giàu** 畧 卅 制 朱 別 飭 霸, **Sau tới đó dựng cho biết chủ**: 娉 細 妬 叩 朱 別 注. Nghe tiếng giàu muốn đến coi cơ ngơi, và nhìn người cho biết chủ là ai. Đây cũng là lời *mở ra cho sự gặp gỡ* bề bàng của cặp Ba Bành Lục Tồn với Chơn Tâm sau này. Chữ **chủ** 主 bản Nôm viết bằng **chú** 注, không hay! Ông P. H. S. phiên là *chỗ* tạm tạm theo văn cảnh vì chữ **chỗ** 埵 đáng ra phải dùng **bộ thổ** 土. Tôi chọn **chủ** vì ở ngay phía sát trên, nhân vật có nhắc đến Hà Như Ý và Lý Chơn Tâm. *Toàn bộ* bản Nôm Phật Trần cách viết Nôm không được tuân thủ chặt chẽ, nhứt là các bộ thủ, cho nên người phiên âm thường xuyên gặp rắc rối!

Chào các cô dưới chợ, Lên đây múa cho ta. Xưa vốn tôi có vái lĩnh Bà, Nay thiếp phải dâng bông trả lễ. Việc làm cho tử tế, Ở đây có các làng. *Hãy múa thời cho đủ a*: Trước thời có Trạng, Sau lại có Nàng. Đặng rồi hồi múa mâm múa bát. Hay thời thưởng bạc, dờ ắt có đờn¹⁹⁸. Đừng khinh ở trên non, Việc làm cho đủ chuyện¹⁹⁹.

Bóng Sỏi:

Tôi ví dầu thừa trước, Cô cũng biết cũng hay. Trà quả kíp đem đây, đặng cho tôi vào tiệc.

Chơn Tâm:

Ta buông lời hỏi đó, Thế [đó] có biết đây? Ba Bành múa bát nên hay, Mà cậu Hộ kéo đàn rất giỏi. *Ta khá khen cho hai vợ chồng đó!*

Ba Bành:

Bỗng nghe qua tiếng nói, Mới biết thừa dạng hình²⁰⁰. Quả Trương thị bạc tình²⁰¹, Chơn ngô phu phối nguyện.

Lục Tôn, Ba Bành:

Đê đầu cam chịu đê đầu cam chịu, Ngưỡng diện tâm tu ngưỡng diện tâm tu²⁰²! **(21b)** Vạn sự tổng giai hưu, Nhứt triều cai thọ tử²⁰³.

Chơn Tâm:

Vốn đây không sanh sự, Đó sá kíp phản hồi. *Ta bảo cho: Thời*, Kiếm thiêng bao nữ giết ruồi, Đàn bấu dễ hoài bắn sể²⁰⁴? *Gia đình đuổi nó ra!* Lời Phật dạy gấm nên cặn kẽ, Việc thần truyền

¹⁹⁸ **Hay thời thưởng bạc** 哈辰賞泊, **Dờ ắt có đờn** 捩乙固捩. Thưởng bạc, cách nói xưa, chỉ nghĩa thưởng tiền. Dờ thì phản nản hay trả tiền ít đi, tại sao lại đánh người? Tôi không hiểu sinh hoạt lạ lùng này của người xưa.

¹⁹⁹ **Đừng khinh ở trên non** 仃輕於上巢, **Việc làm cho đủ chuyện** 役少朱亂囀. Đừng khinh khi người ở chốn quê mùa hủ lậu mà bỏ qua thứ này thứ khác khi trình diễn. Các môn múa phải cho đủ nhưm đủ nhị, không được nhận lớp. Chuyện đám cúng nhận lớp xưa nay là thường. Kinh *Hồi Dương Nhơn Quả* viết chuyện bên Tàu còn nhắc tới các vị sư sãi cúng đàn *đọc kinh thiếu* thì chuyện múa cúng Bà, cúng đình sao khỏi thiếu này thiếu kia!

²⁰⁰ **Bỗng nghe qua tiếng nói** 倂喧戈喑呐, **Mới biết thừa dạng hình** 買別使僂刑: Người thân cách biệt lâu, thay đổi nhiều, chỉ nhận ra nhau qua giọng nói.

²⁰¹ **Quả Trương thị bạc tình** 果張氏茆情, **Chơn ngô phu phối nguyện** 真吾夫配愿: Quả thiệt người là họ Trương, chồng cũ bạc tình của tôi. Bạc tình sao? Mới biết trách người thì dễ, trách mình mới khó. Ba Bành bạc tình trước mà chỉ biết trách người.

²⁰² **Đê đầu cam chịu** 低頭甘詔, **Ngưỡng diện tâm tu** 仰面慚羞: Thôi thì đành gục mặt xuống, mắc cỡ quá không dám ngó lên. Lầm chuyện! Lầm điều xấu với người nào đầu không gặp lại nhau cũng đã cảm thấy xấu hổ rồi lọ là phải gặp! Vậy mà còn hơn biết bao kẻ ngày nay, thần kinh xấu hổ không còn nữa! (2006) Bản Nôm chữ **cam** 甘 viết sai thành chữ **nhĩ** 耳, chữ **tâm** 慚 thành chữ **tiệm** 漸.

²⁰³ **Vạn sự tổng giai hưu** 萬事總皆休, **Nhứt triều cai thọ tử** 壹朝該受死: Mọi sự đều tiêu tan hết, hôm nay đành chịu chết. Câu than thở cho biết nhân vật đang lâm vào tình huống khó khăn. Không có nghĩa là chuyện giết chóc sẽ xảy ra chỗ này, lúc này.

²⁰⁴ **Kiếm thiêng bao nữ giết ruồi** 劍天包女折蛛, **Đàn bấu dễ hoài bắn sể** 彈寶易依彈仕: Chẳng muốn dùng *kiếm báu* giết loài vật mọn, chẳng thêm phí *ná quý* bắn con chim nhỏ. Không muốn bỏ cái đức lớn của mình để trả mối thù cùn con. Không muốn nhắc đến chuyện quấy của bà ngày cũ. Chữ **thiên** 天 tác giả viết bằng giọng Nam **thiên** 天. Bản Nôm viết chữ **đàn**, **bộ cung** 弓, là một nhạc cụ đồng thời là *một thứ ná nữ*, không phải **đạn** 彈, **bộ thạch** 石, gợi ý cho ta nghĩ rằng Từ Hải xưa *guom đàn nửa gánh* tức là mang guom, mang ná nữ, không phải mang đàn. Từ Hải là *một anh hùng võ biển* râu hùm, không phải là con nhà

soi thấy rõ ràng. Cho hay nghiệp báo vinh xương, Mới biết thành nằng cảm hoặc²⁰⁵. *Tôi nguyên*: Ngàn thuở thái bình thiên hạ, *Lại*: Muôn năm quốc thái dân khang. Nay đã hết cơn bỉ cực, Lại thêm tới vận thái lai. Chúc Nguyễn triều thọ tì Nam san, Kính tuổi chúa hạ hồi phân giải²⁰⁶.

(Chung 終) ²⁰⁷

võ mang máu tài tử như nhiều người tán rộng. Xưa nay người ta lý luận dựa trên khái niệm kiếm 劍 < 礮 **đạn**, thật ra *kiếm* chỉ toàn thể, do đó không thể đối chỉnh với *đạn* là một thành phần. Phải **kiếm 劍 < đàn 彈** mới chỉnh. Nhớ xưa cụ Nghè Nguyễn Sỹ Giác có câu thơ cũng dùng hai chữ **gươm đàn** (Gươm đàn nửa gánh muốn sang sông/ Hồi bến thuyền không lái cũng không/ Xe muối nặng nề thương vó ký/ Đường mây rộng rãi tiếc chim hồng.... Cảm hoài). Tiếc rằng ngày xưa đi học không biết đề mà hỏi cụ cho rõ hơn về nghĩa của từ này.

²⁰⁵ **Cho hay nghiệp báo vinh xương 朱哈業報榮昌, Thành nằng cảm hoặc 誠能感或**: Mới biết nghiệp báo có sướng [có khổ], lòng thành thật có thể cảm được sự nghi ngờ (từ người khác.)

²⁰⁶ **Ngàn thuở thái bình thiên hạ 蕤課太平天下.... Kính tuổi chúa hạ hồi phân giải 敬歲主下同分解**: Mong thiên hạ luôn luôn thái bình... Kính chúc chúa sống lâu. Muốn coi nữa thì xin coi lần tới. Giống như mấy câu mở đầu, mấy câu cuối chào hạ màn như vậy là công thức phải có, luôn luôn hiện diện khi một vở tuồng kết thúc. Không thể dựa trên chữ *tuổi chúa* để nói tuồng này tuồng nọ là xuất hiện vào thời các Chúa Nguyễn. Căn cứ trên cách hành văn rất gọn gàng, trong toàn bộ vở tuồng, các điều nhân vật phát biểu hầu hết rất mới, tâm lý nhân vật rất đạt, xét trên sự cấu tạo chữ Nôm của bản khắc... tôi cho rằng thời gian xuất hiện sớm nhất của vở tuồng Trương Ngáo này là những thập niên đầu của thế kỷ 19, không xa lắm năm nó được khắc in, chừng độ chục năm trước khi người Pháp tấn công Việt Nam.

²⁰⁷ Trong lần in này có một số ít, độ 10, chữ Nôm chưa có mã, sẽ sửa lại khi thuận tiện.